

LÉON BLOY

Nhà văn Pháp của cảnh nghèo và sự thánh thiện

1. Đức Phanxicô và Léon Bloy

Vũ Văn An
20/Apr/2022

Có người coi Đức Phanxicô là vị Giáo Hoàng đầy những điều bất ngờ ngay từ lúc mới được bầu làm Giáo Hoàng cho tới tận ngày nay. Việc ngài xuất hiện lần đầu trên ban công chính Nhà Thờ Thánh Phêrô trong đêm được bầu với lời chào *buena sera* bình dân không nghi thức, với cây thánh giá gỗ đeo trước ngực, không khăn áo trọng thể, chỉ một bộ áo dòng trắng đơn giản, và với lời yêu cầu xin mọi người cầu nguyện cho mình trước khi ban phép lành đầu tiên trong ngôi vị đại diện Chúa Kitô đã làm dấy lên cả một thủy triều tươi mát tắm gội cõi lòng hơn một tỷ người Công Giáo hoàn cầu đang rầu rĩ vì mất một người cha họ hăng quý mến cả hơn một phần tư thế kỷ nay. Rồi ngày hôm sau, ngài đích thân đi trả tiền phòng trọ, tự mang lấy chiếc “cartable” liền thân từ những thuở nào, càng làm người ta khoái trá thấy rõ một phong thái khác hẳn, và gần gũi hẳn.



Sau đó vào buổi sáng hôm sau, tại Nhà nguyện Sistine, các vị Hồng Y hẳn phải hết sức ngạc nhiên, khi ngài, không trích dẫn ai, nhưng đã trích dẫn nhà văn Pháp cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, trong bài giảng lễ đầu tiên rất ngắn của ngài, đó là Léon Bloy.

Bài giảng nói tới ba điều: hành trình, xây dựng và tuyên xưng. Hành trình như Ápraham, trước nhan Thiên Chúa, không tì vết, dưới sự soi sáng của Người, không ngừng, bao lâu ta ngừng, sự vật ra tội tệt. Xây dựng Giáo Hội bằng những viên đá sống động, được Thánh Thần xúc dầu, trên đá tảng là Chúa Kitô. Tuyên xưng dĩ nhiên là tuyên xưng Chúa Giêsu Kitô. Làm hai điều kia, mà không tuyên xưng Chúa Kitô, chúng ta chỉ là một cơ quan phi chính phủ, không phải là Giáo Hội. Nói cho cùng, không tuyên xưng Chúa Kitô là tuyên xưng tính thế gian của ma quỷ như câu bất hủ của Léon Bloy: “ai không cầu nguyện với Chúa là cầu nguyện với ma quỷ”!

Trong một bài giảng hết sức ngắn, không trích dẫn bất cứ vị thánh hay vị tiền nhiệm nào mà chỉ trích dẫn một nhà văn bỏ đời được chính ông ta và nhiều người coi là anh chàng ăn mày

vô ơn (mendiant ingrat). Cả là một chuyện lạ.

Mấy tháng sau, ngày 2 tháng 10 cùng năm, trong buổi yết kiến chung thứ tư hàng tuần tại Quảng trường Nhà thờ Thánh Phêrô, nhân nói đến Giáo Hội “thánh thiện”, ngoài Kinh thánh ra, Đức Phanxicô không quên trích dẫn Léon Bloy một lần nữa, lần này dĩ nhiên về sự thánh thiện. Cái ông ăn mày vô ơn này làm sao có liên hệ đến sự thánh thiện của Giáo Hội?

Nguyên văn đoạn cuối bài Giáo lý như sau: “Câu hỏi cuối cùng: tôi, một kẻ tội lỗi yếu đuối mỏng dòn, tôi có thể làm gì được? Thiên Chúa nói với anh chị em: đừng sợ sự thánh thiện, đừng sợ phải nhắm cao, hãy để Thiên Chúa yêu thương và thanh tẩy, đừng sợ để Chúa Thánh Thần hướng dẫn anh chị em. Chúng ta hãy để mình bị lây nhiễm bởi sự thánh thiện của Thiên Chúa. Mọi Kitô hữu đều được kêu gọi nên thánh (xem Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, các số 19-42); và sự thánh thiện không hề đặc biệt ở việc làm những điều phi thường, nhưng hệ ở việc để Thiên Chúa hành động. Đó là việc gặp gỡ giữa sự yếu đuối của ta và sức mạnh ơn thánh của Người, chính việc có đức tin vào hành động của Người đã cho phép ta sống trong đức ái, làm mọi việc một cách hân hoan và khiêm tốn, vì vinh quang Thiên Chúa và để phục vụ người lân cận của ta. Có một câu nói thời danh của một nhà văn Pháp Léon Bloy, người trong những giờ phút cuối cùng đời ông, đã nói rằng: ‘Ồ trên đời, chỉ có một nỗi buồn đích thực là không trở nên một vị thánh’. Ta đừng đánh mất niềm hy vọng thánh thiện, chúng ta hãy theo nẻo đường này. Chúng ta có muốn nên thánh không? Chúa đang chờ đợi chúng ta, luôn với đôi cánh tay rộng mở. Người chờ đồng hành với ta trên con đường thánh thiện. Chúng ta hãy sống trong niềm vui đức tin của chúng ta, chúng ta hãy để mình được Chúa yêu thương...”

Năm năm sau, không những không quên, Đức Phanxicô còn chép lại đoạn văn trên gần như từng chữ, kể cả câu thời danh của Léon Bloy, trong tông huấn *Gaudete et Exultate*, Hãy Hân Hoan Vui Mừng, được ngài ký công bố vào ngày Lễ Thánh Cả Giuse, 19 tháng 3 năm 2018.

Thực vậy đoạn 34 của Tông Huấn viết như sau: “Đừng sợ nhìn lên cao hơn, để cho phép mình được Thiên Chúa yêu thương và giải phóng. Đừng sợ để cho mình được Chúa Thánh Thần hướng dẫn. Sự thánh thiện sẽ không khiến bạn trở thành kém chất người đi, vì nó là một cuộc gặp gỡ giữa sự yếu đuối của bạn và quyền năng của ân sủng Thiên Chúa. Cuối cùng, như Léon Bloy đã nói, ‘trên đời chỉ có một bi kịch lớn nhất, ấy là không trở thành một vị thánh’”.



Câu nói trên quả là của Léon Bloy trong cuốn tiểu thuyết thời danh *La Femme Pauvre* của ông viết năm 1897. Nhưng ngoài hai câu trích dẫn trên đây, Đức Phanxicô chưa bao giờ nói

về chính con người của Léon Bloy hay triết lý sống hoặc lối “nên thánh” của ông ta. Thực ra ông ta là ai?

Bách khoa từ điển Công Giáo đầu thế kỷ 20, cùng thời với Léon Bloy, không có một mục nào dành cho ông. Bách Khoa Công Giáo hậu bán thế kỷ 20 dành cho ông chỉ một cột duy nhất với một thư mục vồn vện trên dưới 10 cuốn sách.

Theo đó, ông sinh tại Périgueux, Pháp, ngày 11 tháng 7, năm 1846; qua đời tại Bourg-la-Reine, ngày 3 tháng 11, năm 1917. Cha Bloy người Pháp. Mẹ là người gốc Tây Ban Nha. Thiếu thời chịu ảnh hưởng của bầu khí phản giáo sĩ và Tam điểm do người cha gieo rắc. Nhưng khi tới Paris, Ông chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết gia Barbey d'Aurevilly, và không lâu sau đó, tham gia một nhóm nhà văn chung quanh Villiers de l'Isle-Adam và Huysmans. Một trải nghiệm huyền bí đã phục hồi đức tin Công Giáo của ông, một đức tin được ông tuyên bố sẽ bảo vệ đến cùng. Lòng đạo đức của ông vừa khiêm nhường vừa cao ngạo và tính bạo lực trong ngôn ngữ văn chương của ông khiến ông bị cô lập. Năm 1890, ông thành hôn với con gái một giáo sư người Đan Mạch mới trở lại Công Giáo. Cuộc sống bên cạnh gia đình của ông sau đó diễn ra trong cảnh nghèo, vì các tác phẩm của ông được rất ít người đọc. Chỉ sau khi ông qua đời, nhiều người mới biết đến các tác phẩm này.

Bách khoa Công Giáo dùng các tính từ sau đây mô tả về ông: lãng mạn, đôi khi huyền nhiệm và đôi lúc ngộ ngược hung hăng. Đôi khi ông viết về những vùng tinh khôi của tình yêu Thiên Chúa và niềm hy vọng hân hoan. Ông có ngòi bút vững vàng, và mặc dù văn phong của ông thường long trọng, nhưng đôi khi giễu cợt, và luôn độc đáo. Tính tình ông đưa ông tới các lập trường cực đoan. Ông không mấy thích các vấn đề chính trị và xã hội, nhưng ông không ngần ngại khiển trách những người bị ông coi là dưới mức trách nhiệm của họ bất kể đó là người giàu, nhà văn hay giáo sĩ. Ông được kể vào số các nhân vật phục hưng nền văn chương Công Giáo đầu thế kỷ 20 cùng với Charles Péguy và Paul Claudel.

Viết thế quả mới phần nào về con người của Léon Bloy. David Bentley Hart, trong lần tái bản năm 2017 cuốn *The Pilgrim of the Absolute* do vợ chồng Jacques và Raissa Maritain thu thập một số bài tiêu biểu của Léon Bloy, cho hay: “đối với đại đa số những người quen biết với ông, biết ông là không ưa ông..., và ngay cả những người chỉ biết ông qua các trước tác của ông, cũng thấy ông thường xuyên không thể chịu đựng được... Ông là người của các cực đoan, tu từ, khái niệm, nghệ thuật, tôn giáo, xúc cảm, một con người không có khả năng đứng trung dung một cách an toàn thoải mái như phần lớn chúng ta quen sống cuộc sống mình và tạo ra các thích ứng chung quanh mình. Quả là mất thì giờ vô ích đi tìm những giây phút ôn hòa hay giao động, cả trong ông lẫn trong công trình của ông; ở đây không có gì thuộc loại này... ông là cỗ máy nổi giận đầy kịch tính không biết mệt mỏi - những cơn thác phần nộ, phi báng, mắng nhiếc, cay đắng, thù hận – và ông buông những lời thù nghịch này một cách quá đáng không biết hồi hận đến trở thành tâm bệnh”.

Alan Morris, O.P. (1) nhận xét: “Ông chịu rất nhiều nghèo túng và bất công. Các cố gắng văn chương của ông mang lại cho ông rất ít tiền bạc, rất ít ca ngợi, và rất nhiều thóa mạ. Dễ hiểu lý do tại sao sách vở của ông không nổi tiếng với người đương thời. Với người Công Giáo, chúng gây bối rối, ngỡ ngàng và tác giả của chúng dường như là một người bệnh vực Đức Tin đáng sợ hơn người tấn kích nó. Ngạo mạn và thiếu bác ái, đầy mùi phản giáo sĩ, Bloy quật các tín hữu túi bụi vì tính tẻ nhạt, tầm thường của họ. Đối với những người ở bên ngoài cộng đồng tín hữu, ông là kẻ thù không đội trời chung. Ngòi bút cay độc của ông mắng mỏ họ đủ kiểu. Ông gọi Guy de Maupassant là côn trùng; Daudet là đạo văn Dickens; Ernest Renan là bình rượu khoa học. Từ điển mở Wikipedia thì cho hay ông chỉ trích tính “già nua”,

“bần tiện” và “giả hình” của Victor Hugo, coi ông như một trong những nhà “chiêm niệm cận bã sinh học”. Ông gọi Emile Zola là một kẻ “không đầu” (acéphal), vì không thừa nhận bất cứ giá trị siêu nhiên nào.

Về mùi phẫn giáo sĩ, theo Benjamin Ivry (2), Bloy có lần ví von “các linh mục là những nhà cầu. Họ ở đó để nhân loại đổ các chất dơ của chúng ta xuống”. Còn Joe Heschmeyer (3) nhận định rằng Bloy cực lực lên án các linh mục và giám mục thờ ơ với người nghèo, và nịnh bợ người giàu, coi họ tệ hơn Giuđa vì dù sao tên này còn biết xấu hổ trả lại 30 đồng bạc và đi tự tử. Còn trong bài *Léon Bloy: Lost in the Modern World* (4), tác giả bài viết cho rằng “bạo lực trong các lời công kích và các thoả mạ của ông, đôi khi chông cả Giáo Hoàng làm công chúng ngỡ ngàng và tạo cho ông một số kẻ thù dứt khoát... Một trong các bài viết cuối cùng của ông tựa là *Pilate XV* chính là một bài viết chống Đức Bênêđictô XV vì thân Đức trong chiến tranh”.

Thành thử không lạ gì, sau khi ông qua đời, có yêu cầu đặt ông vào sổ các tác giả có sách cấm (Index). Lời tố cáo phát xuất từ một luật sư ở Nice, Raymond Hubert, người vào năm 1915 cho công bố một cuốn sách tựa là *Léon Bloy, sa doctrine, son paraclétisme, ses blasphemes, ses outrages envers la Papauté, ses insultes à son Eminence le cardinal Amette, archevêque de Paris, etc* (Léon Bloy: Học thuyết, chủ nghĩa Chúa Thánh Thần, các mạo phạm, các giận dữ chống Ngôi vị Giáo Hoàng, các nhục mạ chống Đức Hồng Y Amette, Tổng Giám Mục Paris, etc.).

Văn phòng Thánh, tiền thân của Bộ Giáo Lý Đức Tin, lúc đó chỉ điều tra chủ nghĩa Chúa Thánh Thần trong công trình của Bloy. Vì trong một số tác phẩm của mình, Bloy dường như muốn cho rằng công trình Cứu Chuộc của Chúa Giêsu không hoàn tất, cần được củng cố hay đúng hơn được làm lại bởi Chúa Thánh Thần.

Một số nhà tư vấn khảo sát các tác phẩm của Bloy nhưng cuối cùng một huấn dụ lên án thứ văn chương “huyền nhiệm gợi dục” (mystical-sensual) được gửi tới đáng bản quyền ngày 3 tháng 5 năm 1927 nhưng không nêu tên ai. Công lớn trong vụ này là nhờ Jacques Maritain, người con đỡ đầu rất thân thương của nhà văn.

Ấy thế mà ông lại trở thành nhà văn được vị đương kim Giáo Hoàng trân trọng trích dẫn. Hẳn con người thực của Léon Bloy không hẳn như thế, người từng là cha đỡ đầu của cặp vợ chồng tân tông nổi tiếng thế kỷ 20, Jacques và Raissa Maritain, của họa sĩ Georges Rouault. Ông gây ảnh hưởng tới các văn sĩ nổi tiếng như Georges Bernanos, Grahame Greene, Jorge Luis Borges, và Franz Kafka. Cả Thomas Merton hậu sinh dù đích thân không bao giờ gặp cũng muốn làm con đỡ đầu của Léon Bloy.

Đúng như thế, con người của Léon Bloy không đơn giản. Ít nhất thì không chỉ có thế. Nói về các giáo sĩ, ông chỉ trích là chỉ trích các giáo sĩ về hòa với người giàu, khinh bạc người nghèo, chứ về chức linh mục, Joe Heschmeyer (5) cho rằng chưa có ai viết về linh mục hay bằng Léon Bloy. Trích tuyển tập *The Pilgrim of the Absolute* (các trang 221-23), tác giả này kể rằng trong một bức thư gửi cho một nhà toán học chống giáo sĩ, Léon Bloy viết như sau: “Bạn nói rằng bạn không biết ‘bất cứ linh mục nào có thể giành được sự vâng lời của bạn’. Tại sao lại nói điều đó với tôi về mọi người [linh mục], bạn thân mến của tôi? [...] Tôi nghĩ bạn không thể viết những lời đó mà không có một chút xấu hổ. Tôi từng biết nhiều linh mục là những người đáng ngưỡng mộ, tôi vẫn còn đang biết một số vị, và tôi sẽ còn biết nhiều vị khác không nghĩ gì trong đầu ngoài Vinh quang của Thiên Chúa, Sự cứu rỗi các linh hồn, việc Truyền bá Tin Mừng cho Người nghèo. Chúng ta đã sa sút đến mức những chữ này trở

nên thô tục; nhưng tôi không ngại viết chúng...

"Phản đối tình cảm không có giá trị gì. Người ta có hay không có bốn phận vâng phục Thiên Chúa và Giáo Hội? Toàn bộ câu hỏi nằm ở đó. Từ quan điểm rất đơn giản này, linh mục không hơn gì một công cụ siêu nhiên, một máy phát điện của Đấng Vô hạn; và người ta phải [là một kẻ ngốc] mới thấy bất cứ điều gì khác, vì tất cả những điều này diễn ra và phải diễn ra trong Đấng Tuyệt đối. Trong hơn ba mươi năm nay, tôi đã tham dự các thánh lễ do các linh mục không quen biết với tôi cử hành; và tôi đi xung tội với những vị khác, theo như tôi biết, có thể là thánh hoặc kẻ giết người. Vậy tôi có phải là thẩm phán của họ không? và tôi sẽ là một thằng ngốc nếu tôi đề nghị tìm hiểu tình trạng của họ! Tôi chỉ cần biết rằng Giáo hội là thần linh, Giáo hội không thể là gì khác ngoài là thần linh, và các Bí tích do một linh mục tôi ban phát cũng có hiệu quả y như các Bí tích do một vị linh mục thánh ban phát.

"Điều đó há không đủ làm một người bất khốc sao, thưa ông bạn thân mến của tôi? Tôi ở đây giữa những tên vũ phu, chịu tra tấn đau khổ, và tôi phải viết cho bạn, bạn, một người Công Giáo, những điều sơ đẳng này mà một kẻ dị giáo hiểu biết không có quyền không biết. Thật kinh khủng.

"Đây là một nhận xét rất đơn giản mà, theo tôi, phải tạo ấn tượng với bạn, vì nó có một cái gì đó mang tính toán học. Thế giới Thệ phản xung quanh tôi, không thể chối cãi, đều là xấu xí, tầm thường, hoàn toàn thiếu thể tuyệt đối. Đây là đặc điểm đối với thế giới đó? Đó là điều này: Siêu nhiên bị loại trừ khỏi nó: Siêu nhiên bị loại trừ khỏi Kitô giáo, điều này tương đương với ý tưởng phi luận lý và phi lý nhất từng có thể đi vào đầu con người. Hậu quả là: khinh miệt Chức Linh Mục, hạ giá chức năng linh mục, mà ngoài nó ra, siêu nhiên không thể nào được tỏ hiện. Không có quyền năng truyền phép, ràng buộc và cởi tha, Kitô giáo sẽ biến mất, đầu hàng, trong các chuồng ngựa của Luther và Calvin, chủ nghĩa duy lý tồi tệ, chắc chắn kém hơn chủ nghĩa vô thần. Một linh mục Công Giáo sở hữu một sự trao quyền đến mức, nếu ngài không xứng đáng, thì tính siêu phàm của Bậc Sống của ngài càng tỏa sáng rực rỡ hơn nữa. Ở đây, chẳng hạn, một linh mục có tội phải chịu, nếu bạn muốn, sự trầm luân trọn vẹn, nhưng ngài vẫn có quyền năng biến đổi bản thể! ... Làm sao bạn lại không thể tri nhận được Về đẹp vô tận này?"

Theo Allan Morris, Léon Bloy "không chống đối mọi người, mọi việc. Có lòng mến yêu Thiên Chúa vô bờ, lòng cảm thương vô đáy đối với người nghèo và người bị áp bức, hiểu sâu sắc chiêm niệm và đau khổ, tôn kính Đức Mẹ tha thiết, và say mê Công Lý Thiên Chúa không thôi. Trái tim ông là trái tim lửa dành cho Thiên Chúa, một trái tim thịt dành cho người bị chà đạp, nhưng một trái tim thép đối với những kẻ thù".

Ông có thể là người của thái cực, nhưng chính nhờ vậy mà theo Morris, Léon Bloy đi từ vực thẳm lên đến đỉnh cao, mô tả tuyệt vời cả thói hư, nghèo đói, đau khổ, nhóp nhúa lẫn thánh thiện. Trong *La Femme Pauvre*, tác giả lần giờ đường đi lên của một cô gái cao quý từ hố thẳm cùng cực leo tới tuyệt đỉnh thánh thiện. Trong cuộc đi lên này, cô mất cả nhà cửa, chồng con, bạn hữu, đồ đoàn, nghĩa là tất cả, ngoại trừ Thiên Chúa và câu kết luận của cô không gì khác chính là câu trích dẫn của Đức Phanxicô trong *Gaudete et Exultate!*

David Bentley Hart đứng khi nhận xét thêm về Léon Bloy: "Mặt khác, ông là suối nguồn bất tận lòng cảm thương nồng nàn và thực sự dịu dàng trước các đau khổ của người nghèo và người bị bỏ quên và có một sự ngây thơ vô tội không thể chối cãi trong sự giận dữ khôn nguôi của ông đối với người giàu và người quyền thế để mặc kẻ bần cùng cho cảnh khốn khổ của họ. Nhưng người ta không có cái xa xỉ được chọn một bên trong tính tình của ông và

chống bên kia. Chúng không những không thể tách biệt nhau; chúng còn là các biểu thức nghịch đảo nhau nhưng chủ yếu như nhau của một tính tình đơn nhất bất khả phân chia. Ông phong phú cả trong yêu thương lẫn giận ghét và chỉ có thể có điều này tới mức cũng có thể có điều kia. Chỉ có một Bloy đơn nhất, và ông là con quái vật thiên thần (angelic monster)”.

Hart cho rằng ngay dưới sự dữ dằn và ác ý khôn nguôi được ông diễn tả một cách áp đảo, vẫn có cả kho dự trữ không đáy của lòng từ tâm thành thực và tính liêm chính nguyên tuyền... Ngay dưới cái tàn bạo tu từ vẫn lưu chảy cả một triều tinh trong tâm linh sâu sắc và không thỏa hiệp. Trong những khoảnh khắc như thế, điều xem ra rõ ràng là giọng bút chiến của ông phát xuất từ một thời đại khác, có lẽ thời cổ đại xa xăm hay có khi từ những ngày tháng có các tiên tri ở Israel, nguyên rủa để chúc phúc, kêu gọi Thiên Chúa gửi trừng phạt đến để cứu chuộc. Ngay trong những cung giọng cực đoan nhất, vẫn có âm vang khản khoản vô vọng, có tính khai huyền, nghe rõ mồn một, một ước vọng gần như điên cuồng muốn đánh thức người đồng thời của Bloy ra khỏi giấc ngủ mê man thoải mái của họ. Chắc chắn Bloy xem ra hay lớn tiếng nói về cảm thức Thiên Chúa như vị Chúa Tể quán mình trong mây và lửa ở Sinai, Đấng chỉ ở giữa dân Người trong cái tối tăm dày đặc của nhà tạm hay cung thánh, hay trong sự thánh thiện không ai giám tới và đầy chết chóc của Hòm Bia Giao Ước. Đấng khác, Đấng Kitô của Ông còn là Đấng Kitô của Gioan Tẩy Giả, mà sự hiện diện trong lịch sử đã là một phán xét sau cùng, tách ánh sáng khỏi bóng tối, sự sống khỏi sự chết. Và ông cảm thấy khinh miệt bất cứ độc giả nào của ông không chịu hiểu rằng đức ái Kitô giáo đôi khi cũng đòi nó phải tự phát biểu trong cay đắng, bất bình, châm biếm, cả thù nghịch nữa. Hay đúng hơn, nói cách khác, tình yêu chân chính cũng thường bao hàm một hận thù kèm theo. Người ta khó có thể hiểu được cơn giận của Bloy trừ khi biết cảm cái cảm của những người nghèo đói nhất, bị ngược đãi nhiều nhất trong khi thế giới vô tâm vẫn cứ nhơn nhơn. Ông mong cho cái thế giới nhà giàu ấy chết hết cho hả giận. Cái lòng giận này phát xuất từ một trái tim tràn đầy yêu thương. Làm một con người như thế đòi phải có một tính tình hết sức hiểm hoi, tế nhị và thất thường (volatile), và đó là con người của Bloy.

Thực ra, Bloy làm thế chỉ vì Thiên Chúa mà thôi. Trong lời dẫn nhập cho lần xuất bản năm 1947 của cuốn *The Pilgrim of the Absolute*, Jacques Maritain cho hay, Bloy từng viết “tôi chỉ là một con người đờn hèn tìm kiếm Thiên Chúa của mình, vừa đi vừa khóc thút thít vừa gào kêu Người dọc đường...”. Ở một chỗ khác, Bloy viết: “Hiện hiện từ mọi cuốn sách của tôi, sự thật rõ ràng là tôi chỉ viết cho một mình Thiên Chúa mà thôi”.

Theo Maritain, Bloy là một Kitô hữu ghét giai cấp trưởng giả (bourgeois) mà theo ông là tên mới của Kẻ Thù xưa. Ông khiếp đảm cảnh mất trật tự, thiếu cân bằng, duy cảm xúc, tinh thần tiêu cực ưa làm cách mạng. “Tôi viết những điều dữ dội nhất với một lòng thanh thần lớn lao. Giận dữ bất lực và chỉ đặc biệt phù hợp với những người nổi loạn. Hóa ra tôi chỉ là một người phân phát công lý một cách đầy vâng lời”.

Maritain cho rằng “Cảm thức màu nhiệm, hết sức tinh rỗng trong chính nó, hết sức cao cả nơi Bloy, đôi khi được diễn dịch bằng những cú sấm sét và một bóng đen hết sức vật chất... Những thiếu sót có thể tha thứ được này là giá chuộc sự hiệu năng khôn sánh của công trình xoay chuyển cõi lòng con người của ông hướng về Thiên Chúa, những con người phần lớn sống vì các giác quan, và do đó cần được dẫn vào thế giới khả niệm bằng phương tiện khả giác”.

Theo Maritain, Bloy thích nhắc đi nhắc lại rằng ông không viết cho người công chính, cũng không viết cho người hoàn thiện cũng như người đang tiến bộ hay mới bắt đầu, mà là viết cho người đang ngủ cần đau khổ và các cơn bùng giận của ông, cho những người thu thuế,

“những đồ vô lại”, một loại người mà các bạn chắc chắn không thuộc về, “hỡi độc giả giả hình, đồng bào của tôi, anh em tôi” nhưng thuộc loại này là vô số đám đông đáng thương, vốn đã được cứu chuộc bằng giá máu Chúa chúng ta. Ông bảo họ: “Tất cả những gì đang xảy ra đều là thần linh...”; “Có duy nhất một nỗi buồn và đó là chúng ta không là các vị thánh...”; “Bạn không vào thiên đàng ngày mai, hay ngày mốt, hay trong 10 năm, bạn vào đó hôm nay khi bạn nghèo và chịu đóng đinh”.

Nói đến quan điểm của Léon Bloy về việc nên thánh, Joe Heschmeyer thuật lại câu chuyện cũng lấy từ *The Pilgrim of the Absolute* (tr.223): một linh mục viết cho ông hay: “tôi không có linh hồn của các vị thánh” liền được ông góp ý: “Rồi, tôi xin trả lời cha một cách chắc chắn tôi có linh hồn của một vị thánh; cái ông tưởng giả chủ đất đáng sợ của tôi, ông chủ tiệm bánh của tôi, ông hàng thịt của tôi, ông tạp hóa của tôi, tất cả những con người này có thể đều là những tên vô lại khủng khiếp, nhưng tất cả đều có linh hồn của các vị thánh, tất cả đều được kêu gọi, trọn vẹn như cha và tôi, trọn vẹn như Thánh Phanxicô và Thánh Phaolô, vào Sự Sống đời đời, và tất cả cùng được mua bằng cùng một giá; Cha đã được mua bằng một giá rất đắt. Không có ai không là một ông thánh trong tiềm năng, và tội hay các tội, kể cả tội đen nhất, cũng chỉ là tùy thể (accident) không hề thay đổi được bản thể (substance)”.

Giáo huấn nên thánh của Đức Phanxicô trên thực tế đã quảng diễn tư duy của Léon Bloy. Ngày 1 tháng 11, 2013, Lễ Các Thánh đầu tiên trong ngôi vị Giáo Hoàng, Đức Phanxicô lớn tiếng cho hay: Thánh thiện dành cho mọi người, các vị thánh không phải là “các siêu nhân”. Các vị không sinh ra là người hoàn thiện, nhưng tất cả đều là những con người bình thường. “Các ngài giống như chúng ta, giống như mỗi người chúng ta, những vị, trước khi đạt tới vinh quang thiên đàng tất cả đều sống cuộc sống bình thường với các niềm vui và sầu khổ, chiến đấu và hy vọng”. Ngài nói thêm, “Nên thánh không phải là đặc quyền của một thiểu số...tất cả chúng ta trong phép rửa đều thừa hưởng khả năng nên thánh. Nên thánh là ơn gọi của mọi người”.

Chính ý niệm phổ quát trên, theo Massimo Faggioli (6), đã khiến Đức Phanxicô, trong Tông huấn *Gaudete et Exultate*, tức tông huấn về ơn gọi nên thánh của mọi tín hữu Kitô, tránh dùng chữ khổ hạnh. Vì nó là một suy niệm về sự thánh thiện thông thường, hàng xóm (next-door). Đức Phanxicô mượn cụm từ “sự thánh thiện của giai cấp trung lưu” (đoạn số 7) của tiểu thuyết gia Pháp Joseph Malegou (1876-1940) không theo nghĩa tầm thường mà theo nghĩa của mọi người. Ở đoạn 22, ngài nói rõ: “không phải mọi điều vị thánh nói đều hoàn toàn trung thành với Tin Mừng; không phải mọi điều vị thánh làm đều chân chính hay hoàn thiện. Điều chúng ta cần chiêm niệm là tính tổng thể của đời sống các ngài, trọn bộ cuộc hành trình lớn lên trong thánh thiện của các ngài, việc phản ánh Chúa Giêsu Kitô tỏ hiện khi ta nắm được ý nghĩa toàn diện của các ngài như một con người”.

Ghi Chú

(1). *Leon Bloy: A Man for the Modern World* at <https://www.dominicanajournal.org/wp-content/files/old-journal-archive/vol33/no2/dominicanav33n2leonbloymanthemodernworld.pdf>

(2). <https://catholicerald.co.uk/the-catholic-writer-who-rivalled-dostoyevky/>

(3). *The Gospel and the Poor: Léon Bloy and Pope Francis* at <https://shamelesspopery.com/the-gospel-and-the-poor-leon-bloy-and-pope-francis/>

(4). <https://fsspx.news/en/news-events/news/leon-bloy-“lost-modern-world”-33446>

(5) <https://shamelesspopery.com/the-gospel-and-the-poor-leon-bloy-and-pope-francis/>

(6). <https://www.commonwealmagazine.org/pope-franciss-gaudete-et-exsultate-0>

2.Vai trò của Léon Bloy trong đạo Công Giáo của Jacques và Raïssa Maritain

Vũ Văn An

24/Apr/2022

Theo Michael Novak (*) (<https://www.crisismagazine.com/2016/leon-bloys-role-in-the-catholicism-of-jacques-and-raïssa-maritain>), thế giới trong đó Raïssa Oumançoff và Jacques Maritain bắt đầu đời sống đại học của họ là một hoang địa tâm linh. Trong một kết ước khiếp đảm, họ cùng nhau thề hứa tự cho mình một năm nữa để tìm được một ý nghĩa nào đó cho cuộc sống. Nếu điều này thất bại, họ hứa sẽ cùng nhau tự sát...



Khoa học đối với họ xem ra đầy quyền lực nhưng trống rỗng ý nghĩa. Nó cổ vũ thái độ hoài nghi trí thức và duy tương đối luân lý. Tôn giáo cũng không có gì tốt hơn đối với họ. Giai cấp trưởng giả (bourgeoisie) Pháp đã biến tôn giáo thành một loại kế toán. Biết bao việc đền tội và biết bao lời cầu nguyện chỉ đem lại những lợi ích nhỏ mọn về phía cộng. Phải mãi tránh né cả một danh sách tội lỗi mới giữ cho bảng tổng kết chi thu cân bằng. Như lời Flannery O’Connor, trong *The Habit of Being*, “một thứ công ty bảo hiểm của người khốn cùng” [1].

Jacques và Raïssa đã bị đẩy lui bởi thứ tôn giáo như vậy. Nhưng than ôi, nhiều tín hữu rất tự hào về điều được coi là nhân đức của họ. Các nghệ sĩ Pháp — Bloy, Mauriac, Marcel, Bernanos, Péguy — đã rất vui khi vạch trần chủ nghĩa pharisiêu như vậy và chế nhạo nó.

Ngày càng nhiều bạn bè của gia đình Maritain báo cáo rằng họ thấy Bloy là một trong những người kỳ lạ nhất nhưng hấp dẫn nhất ở Pháp, và liên tục thúc giục hai người gặp ông ta. Cuối cùng, vào năm 1905, họ đã làm điều đó [2]. Họ ngay lập tức bị cuốn hút bởi phương thức sống đậm bạc của Bloy và ngọn lửa tinh thần bên trong ông ta. Cuộc gặp gỡ này với Bloy xảy ra không lâu sau khi Henri Bergson đưa ra một loạt bài giảng vạch rõ con đường thoát khỏi chủ nghĩa duy vật. Bergson nhấn mạnh vai trò của tinh thần con người trong mọi tìm tòi, khoa học và con đường đạo đức của con người. Giờ đây, Léon Bloy (sinh năm 1846 - mất năm 1917) đã xuất hiện trước vợ chồng Maritain trẻ tuổi như hiện thân của một trong những tinh thần con người mãnh liệt nhất mà họ từng gặp. Ông bị ám ảnh bởi một cơn khát Vô Hạn có thể rờ mó được. Gặp Bloy là một cú sốc ngỡ ngàng đối với vợ chồng Maritain. Trong một thế giới chạy theo chủ nghĩa duy vật, Bloy là kinh nghiệm của một tinh thần mãnh liệt và thuần khiết đã phá vỡ mọi phạm trù trước đó. Vợ chồng Maritain không bao giờ có thể xóa khỏi tâm trí họ cuộc gặp gỡ đầu tiên với tinh thần thuần khiết này.

Một điều khác cần nói về Bloy: ngôn ngữ của ông có tính khinh miệt và thô bạo đối với chủ nghĩa duy vật bình thường, an toàn, nhàm chán của nền văn hóa Pháp đương thịnh. Ông đặc biệt ghê tởm tôn giáo tư sản, với những tính toán vụn vặt về công phúc và công họa của nó. Trong cơn giận dữ nổ tung như sấm chớp của mình, Bloy phân biệt sắc cạnh giữa sự tự mãn thiển cận của tôn giáo sai lầm và việc theo đuổi Thế tuyệt đối một cách say mê của tôn giáo chân chính. Cuốn tiểu thuyết mạnh mẽ *Người Đàn bà Nghèo* của ông mở đầu bằng những chữ, “Nơi này hôi mùi Thiên Chúa” [3] Ở một chỗ khác, ông mô tả bài giảng Chúa Nhật không hữu hiệu của một linh mục như là “không khí hâm hấp tỏa ra từ đít một con gà mái” [4]. Bloy ghét tư sản bằng một nhấn mạnh thái quá vì tư sản đã tầm thường hóa màu nhiệm của Kitô giáo. Ngôn ngữ của ông thô bạo hết thuốc chữa, sự khinh miệt của ông đối với tôn giáo sai lầm không ai sánh bằng. Chính con người của ông dường như muốn đưa ra thông điệp này: Nếu bạn định nói về tôn giáo, bạn phải nói về điều thực sự có. Đừng làm mờ ngọn lửa thực sự của Đấng tuyệt đối bằng lớp bụi được tìm thấy trong rất nhiều nhà thờ Pháp...

Nếu việc Henri Bergson thừa nhận vai trò của chủ thể tinh thần đã mở đường cho sự tự tin của vợ chồng Maritain đối với chính tinh thần đang tìm hiểu của họ, thì sự phân biệt sắc cạnh của Léon Bloy giữa tôn giáo thật và tôn giáo giả, giữa các tính toán nhỏ mọn của đa phần Kitô giáo Pháp và sự đam mê tìm kiếm Đấng Vô hạn, đã khai thông một phản bác quan trọng từng ngăn cản Raïssa và Jacques xem xét đức tin Công Giáo.

Giống như nhiều người Pháp trẻ tuổi, vừa thoát khỏi chủ nghĩa duy vật như thể thoát khỏi một hang động tối tăm và đi vào cuộc tìm kiếm đầy tươi sáng điều chân, điều thiện, điều mỹ và Tình yêu vô bờ bến, vợ chồng Maritain chỉ thấy một con đường. Tiếp tục theo chủ nghĩa duy lý chắc chắn sẽ giữ riết họ trong thuyết duy tương đối và do đó, phải từ bỏ lý trí. Tại tâm điểm của vũ trụ, cần phải có một lực đẩy hướng tới cái thực chất nhất của mọi thực tại, nhờ đó tất cả những gì hiện hữu đều đã nảy sinh. Tóm lại, chỉ có Kitô giáo mới giải đáp được tất cả những khao khát của tinh thần con người. Đối với những người được Bloy đánh thức, được kèm cặp bởi các đòi hỏi khát khao của toàn bộ vương quốc của Đấng Tuyệt đối, chỉ có Công Giáo mới là Kitô giáo đầy đủ và ngay thẳng; phiên bản mềm của phong trào Thệ Phản dường như là một loại “Kitô giáo nhẹ kí” [5].

Nhưng Raïssa và Jacques, giống như hàng trăm người khác đã có cùng một kinh nghiệm tương tự, không thể thấy trong Giáo Hội Công Giáo một ngôi nhà đáng tin cậy. Những tội lỗi lịch sử và bộ mặt tư sản ở thế kỷ 19 của nó khiến nó bị coi là “cái đồng phân đó” [6]. Những kiểu nói rất thô lỗ của Léon Bloy thù ghét các hình thức Công Giáo sai lầm này đã thổi bay Raïssa và Jacques khỏi sự bết tắc này. Họ đã được giải thoát khỏi bị dẫn sai bởi thứ tôn giáo sai lầm và được mở đường đi vào Tôn Giáo Thực có tính đòi hỏi hơn nhiều.

Léon Bloy đã dạy vợ chồng Maritain rằng Thiên Chúa phải được ngó lơ như Đấng Tuyệt đối, Đấng Tạo hóa và Người yêu thương toàn diện, Đấng đòi hỏi con cái mình mọi thứ. Mọi điều. Hãy nhìn tượng chịu nạn treo trên tường: đây là điều mà Thiên Chúa đòi hỏi chính Con của Người. Làm thế nào Người có thể đòi hỏi ít hơn nơi những người còn lại là chúng ta? Thật vậy, Thiên Chúa cảnh cáo chúng ta rằng mỗi người chúng ta sẽ phải vác lấy thập giá của mình, đi theo những viên đá trên đường lên đồi Canvê, và chết cho chính mình. Chúa nhân lành không ban cho các Kitô hữu những lời hứa hảo huyền. Người nói với chúng ta sự thật thẳng thắn và đầy đòi hỏi: chúng ta sẽ đau khổ. Chúng ta có thể trở thành những người tử vì đạo. Mỗi người trong chúng ta đều được đòi hỏi mọi thứ. Vợ chồng Maritain đã chứng kiến cảnh Bloy phải chịu đựng cảnh nghèo khổ cay đắng như thế nào trong nhiều năm, thậm chí cả nỗi đau khi chứng kiến những đứa con của mình gần như không sống sót. Ông nói thế nào

ông sống như vậy.

Léon Bloy đã phát sinh hai thiện ích lớn lao trong linh hồn vợ chồng Maritain. Thiện ích đầu tiên, chính ông đã hiến thân cho họ tinh thần rực lửa của con người, tràn đầy sức sống trong mọi hành vi đặt câu hỏi, tìm kiếm và bất chấp tương lai vô định. Bloy dạy họ cách sống bằng chính tinh thần của họ ra sao. Ông chỉ cho họ cách vượt qua bức tường phòng thủ của chủ nghĩa duy vật. Thứ hai, Bloy xóa sổ vụ tai tiếng lớn về sự tự mãn thiên cận của tầng lớp trung lưu mà họ đã trải nghiệm trong Giáo hội. Trong chính con người của mình, Bloy đã đưa họ tiếp xúc với một loại đức tin nội tâm Công Giáo hoàn toàn khác. Tinh thần của Bloy giờ đây bùng lửa, truyền cảm hứng và hướng dẫn vợ chồng Maritain. Đối với Bloy và cả họ đều không thể chỉ mong muốn được ngồi trên băng ghế nhà thờ. Bloy dạy họ phải cho đi mọi thứ, phải khao khát ngày càng cao hơn. Đây chính là những gì Jacques và Raïssa mong muốn và yêu cầu. Không có gì kém hơn làm họ hài lòng. Họ biến lời nói của Bloy thành lời nói của riêng họ và Jacques lặp lại điều này hơn một lần. Đó là câu cuối cùng của *Người Đàn Bà Nghèo*: “Chỉ có một nỗi khốn cùng... và đó là không trở nên thánh” [7].

Hãy xem xét đoạn văn sau đây của Erasmo Leiva-Merikakis từ bộ sưu tập xuất sắc của Deal Hudson và Matthew Mancini, *Hiểu Maritain: Triết gia và Người bạn*:

“Jacques, Raïssa, và em gái của bà, Vera Oumançoff, đã được rửa tội, với Léon Bloy là cha đỡ đầu chung của họ, chưa đầy một năm sau khi gặp ông ta. Rõ ràng là tốc độ hoán cải phải được gán cho sức mạnh trời vượt của chúng ta sống động hơn là việc tranh luận. Trước khi họ khám phá ra Henri Bergson, Jacques và Raïssa chẳng là gì nếu không muốn nói là lý luận và duy lý, và con đường chứng minh hợp lý tuyệt đối này đã khiến họ tuyệt vọng. Nhưng điều mà Jacques và Raïssa không thể tìm thấy ngay cả trong lý thuyết trực giác của Bergson, họ đã tìm thấy trong đức tin Kitô giáo của Bloy, là Logos sống động, với tất cả những vang vọng mà từ ngữ này vốn mang cho một Origen thành Alexandria. Bloy làm trung gian cho họ chủ yếu không phải như một nguyên tắc triết học của trật tự tinh thần mà như một lời nói sống động liên tục được Người tình của Nhân loại đem vào trái tim con người [8].

Cũng thực sự có ích khi xem lại chương thứ hai của cuốn *Untrammelled Approaches* (Các Phương thức không bị Cản trở), “Đề tỏ lòng kính trọng Cha Đỡ đầu thân yêu của chúng tôi, Léon Bloy” [9]. Ở đây, chính Maritain đã nói trong tám chữ việc Léon Bloy có ý nghĩa gì với ông và Raïssa: “Không có ông, chúng tôi đã không trở thành các Kitô hữu” [10].

Maritain mô tả Bloy như một loại nhà tiên tri gây kinh ngạc, thiên tài trực giác phi thường, trong một trạng thái nguyên thủy hoang dã, được Chúa Thánh Thần chiếm hữu. Ông tràn đầy các hồng phúc siêu nhiên có sức mạnh phi thường kết hợp với sự nhạy cảm của một nhà thơ thuần túy, trong đó các cách thức và công cụ của lý trí hầu như không đóng vai trò gì cả - “Tôi chỉ hiểu những gì tôi đoán,” ông thích nói như vậy đến nỗi không ngạc nhiên gì khi, đôi lúc, thấy nơi ông, cùng với trực giác thấu hiểu kỳ lạ của một người nhìn xa trông rộng, giúp ông có thể đụng tới những điều khôn tả và tiết lộ những sự thật sâu sắc nhất, một sự ngây thơ to lớn cũng như những vấn đề có tầm quan trọng thứ yếu. Chúng ta cũng phải lưu ý, và chính ông đã làm như vậy, rằng ông đã trải qua những thôi thúc to lớn của một tình yêu bị ám ảnh bởi lòng khao khát Thiên Chúa vốn tràn bờ và vì vậy, do bản chất yêu thương trìu mến của ông, cuộc sống của ông tràn đầy những lầm lỗi, những hối hận, những xung thú, và những tái phạm, khiến ông bị hành khổ bởi niềm âu lo xao xuyến tinh thần giữa cảnh tưng quần vật chất [11].

Nhưng món nợ của Maritain không phải là món nợ duy nhất [12]. Leiva-Merikakis bổ sung

cho hồi ức của Maritain về Bloy bằng cách thêm các tài liệu bổ sung của cả Maritain lẫn những người bạn của ông như Georges Bernanos. Đích thân Bernanos viết, “Tôi nợ ông mọi sự” [13].

Pierre Termier làm chứng thêm về Bloy:

“Cùng một lúc... ông là quan tòa phục vụ công lý thần linh, người công bố Đấng Tuyệt đối, người ăn mày cầu nguyện trên các bậc thềm nhà thờ; tuy nhiên ông là một nghệ sĩ, vì ông không thể tưởng tượng được rằng Thiên Chúa không phải là chính vẻ đẹp, và vì ông muốn đưa vào tác phẩm của mình một sự phản chiếu rực rỡ nhất bao nhiêu có thể về thị kiến vinh quang vốn có ở trong Người. Không có gì đẹp đủ cho tượng đài được ông xây dựng; không có gì đẹp đủ cho Sự thật và cho Tình yêu. Ông viết ở đâu đó, “Tôi muốn là nhà điêu khắc của Lòi”: một nhà điêu khắc không bao giờ hài lòng, đời đời mơ ước những phiến đá hoa cương không thể khám phá ra và những chất đồng mà bí quyết đã bị đánh mất. Cả sự khắc nghiệt đáng sợ của cuộc sống ông, cũng như sự bất công liên tục của con người, cũng như sự im lặng quá kéo dài của Thiên Chúa vẫn không có khả năng kiềm chế được lòng hăng hái của ông” [14].

Và rồi là lời của Leiva-Merikakis:

“Thành thử, tôi cho rằng Jacques Maritain mắc nợ hình dạng số phận tôn giáo của mình nơi “hiện tượng Léon Bloy” cũng như ông mắc nợ hình dạng của số phận trí thức của mình nơi Thánh Thomas. Thật vậy, Jacques thấy tình yêu của Thánh Thomas đối với sự thật khách quan được dự ứng trong chính con người rất phi triết học là Bloy [15].

Đối với Bernanos, đối với Jacques và Raïssa Maritain, và đối với nhiều người khác, Bloy đã kéo lại bức màn của Kitô giáo tư sản. Bằng cuộc sống của mình, ông đã tiết lộ Lòi cháy bỏng của Thiên Chúa. Theo lời của Leiva-Merikakis:

“Không ngoa khi nói rằng Bloy đứng hoàn toàn đơn độc như một bước ngoặt không thể tranh cãi trong nền văn học và lòng đạo đức Công Giáo hiện đại — như chất xúc tác có tính quyết định trong cuộc canh tân tôn giáo và văn hóa, vốn bác bỏ nhiều khuôn mẫu của Công Giáo tư sản thế kỷ 19 và phá vỡ nhiều hình thức và quy ước giáo luật từ lâu vốn giam giữ ngọn lửa của Lòi Thiên Chúa” [16].

Ghi chú

(*) Trong một diễn văn với Hiệp Hội Maritain Hoa Kỳ vào tháng 2 năm 2016. Michael Novak (1933-2017) thành lập tạp chí Crisis với Ralph McInerny in 1982.

[1] Trích trong Erasmo Leiva-Merikakis, “Léon Bloy và Jacques Maritain: Anh em ở Eremo,” trong *Understanding Maritain: Philosopher and Friend* (Hiểu Maritain: Triết gia và Bạn bè), hiệu đính bởi Deal W. Hudson và Matthew J. Mancini (Macon, GA: Nhà xuất bản Đại học Mercer, 1987), 73.

[2] Xem Ralph McInerny, “Matins (1881-1906),” trong *The Very Rich Hours of Jacques Maritain* (Những giờ phút rất phong phú của Jacques Maritain) (Notre Dame, IN: University of Notre Dame Press, 2003), có tại: <http://maritain.nd.edu/jmc/etext/RichHours2.html>.

[3] Léon Bloy, người dịch I. J. Collins, *The Woman Who Was Poor* (Người đàn bà nghèo) (New York: Sheed & Ward, 1947), 3.

[4] Tác giả không thể tìm thấy đoạn văn này, tuy nhớ rất rõ đã đọc Bloy ở trường đại học.

[5] Chẳng hạn, không giống như “Tội nhân trong tay Thiên Chúa Giận Dữ” của Johnathan Edward. Ở đây có sự khác biệt giữa Thệ phản và Công Giáo trong suy nghĩ. Edwards hình dung tội lỗi và giận dữ; Bloy nhấn mạnh Đấng Vô hạn so với thể hữu hạn nhỏ nhoi.

[6] Leiva-Merikakis, “Léon Bloy và Jacques Maritain,” 118.

[7] Bloy, *Người Đàn Bà Nghèo*, 356.

[8] Leiva-Merikakis, “Léon Bloy và Jacques Maritain,” 82.

[9] Jacques Maritain, *Untrammelled Approaches, The Collected Works of Jacques Maritain* (Các Phương pháp không bị cản trở, Suu tập các công trình của Jacques Maritain), tập. 20, bản dịch của Bernard Doering (Notre Dame, IN: University of Notre Dame Press, 1997), 27-45.

[10] *Đã dẫn*, 27.

[11] *Đã dẫn*, 29.

[12] Raïssa cũng kể lại một câu chuyện cảm động về cuộc trao đổi của bà với Bloy trên giường bệnh của ông, được trích dẫn trong *Untrammelled Approaches*, 34:

Ông qua đời vào thứ Bảy, ngày 3 tháng 11 năm 1917, "khoảng buổi tối vào giờ đọc kinh Sai Thiên thần, không một tiếng kêu chết chóc và không đau đớn". "Vào ngày 31 tháng 10," Raïssa viết trong *Les Grandes Amitiés*, "Khi tôi ở bên giường ông, ông đã thú nhận với tôi rằng ông rất đau khổ. 'Bố đau khổ vì những đứa con đỡ đầu của bố' tôi nói thế với mong muốn rất lớn là giúp ông một cách nào đó, nhưng ông bảo tôi: 'Sự hèn hạ của bản chất bố đã được chuộc hết...'. Giọng ông rất khó nghe và tôi không nghe thấy những lời cuối cùng. 'Bố ao ước có thể làm được điều gì đó cho con,' một lúc sau ông nói với vẻ dịu dàng. Và tôi trả lời, trái tim tôi vỡ òa vì xót thương: 'Bố đã làm mọi sự cho con rồi, kể từ ngày bố đưa con đến chỗ biết Thiên Chúa'. Tôi nói thêm, 'con ước ao có thể mang hết các đau khổ của bố lên con'. 'Con đừng nói thế' ông nói với một sự hoạt bát nào đó, và rồi nhìn tôi nghiêm nghị, 'con không biết con đang xin gì'.

Nếu bạn nói như trên với đứa con đỡ đầu của ông, đó là vì ông nhớ lại ngày khi, nhờ được thúc đẩy bởi đức tin sống động của ông vào mầu nhiệm Các Thánh Thông Công, ông đã xin được chịu "mọi đau khổ mà một người có thể chịu đựng được, để bạn bè ông, anh em ông và các linh hồn xa lạ với ông, đang sống trong tối tăm có thể nhận được sự giúp đỡ", và đó cũng là vì ông nhớ đến cách thức khủng khiếp trong đó lời cầu nguyện của ông đã được kháng nghe".

[13] *Đã dẫn*, 30.

[14] *Đã dẫn*, 27-28.

[15] Leiva-Merikakis, “Léon Bloy and Jacques Maritain,” 72.

[16] *Đã dẫn*, 75.

3. Triết gia Jacques Maritain viết về Bí quyết của Léon Bloy

Vũ Văn An

29/Apr/2022

Năm 1905 giữa lúc vợ chồng Jacques và Raissa Maritain nhất quyết đi tìm chân lý cho đời mình, họ đã tới Monmartre để gặp tác giả cuốn *La Femme Pauvre* một cuốn truyện hết nửa phần sau nói về chính người vợ thân yêu của ông, và một năm sau vợ chồng Maritain đã gia nhập Giáo Hội Công Giáo và nhận Léon Bloy làm cha đỡ đầu. Tình bạn và tình cha con thiêng liêng của ba người kéo dài suốt đời, đã khiến vợ chồng Maritain hết lòng cổ vũ công trình văn học của nhà văn Công Giáo được kể là đã đóng góp vào phong trào phục hưng Công Giáo Pháp vào đầu thế kỷ 20 song song với Paul Claudel và Charles Péguy. Trong bài sau đây, triết gia Maritain viết về :

Bí Quyết của Léon Bloy



Sách của Léon Bloy đã gây nơi một số linh hồn nào đó một ảnh hưởng mà nghệ thuật hay thiên tài không thôi không đủ để giải thích. Việc hướng các cõi lòng con người về với Thiên Chúa đòi hỏi nhiều hơn là tài hùng biện tuyệt vời nhất. Vậy đâu là bí quyết của Léon Bloy? Không cần phải tìm tòi lâu la, chính ông đã cho tôi biết điều đó:

“Đây là bí quyết của tôi để viết những cuốn sách mà anh yêu thích: Đó là trân quý hết linh hồn tôi - đến mức hiến mạng sống tôi - các linh hồn như linh hồn anh – quen biết hay không quen biết - được mời gọi đọc tôi vào một ngày nào đó.

'Beatus est magis dare quam accipere' [cho thì có phúc hơn là nhận]. - Người Ân mỳ Vô ơn có nhu cầu bắt tận phải cho đi. Nếu ông giàu có, mọi vàng bạc trên thế giới sẽ không đủ cho sự hào phóng của ông: không thể nuôi nổi cả một dân tộc nghèo khổ bằng sự giàu có bất chính, ông cho đi chính ông một cách hào phóng tột độ; ông viết để cho đi chính ông. Và nỗi cay đắng tồi tệ nhất của ông chắc chắn là, trong số những người cùng thời với ông, rất ít người muốn tiếp nhận những gì được dâng hiến cho họ một cách xiết bao yêu thương. Chỉ có một cách để hành động đối với người ta: đó là khao khát bằng một khao khát lớn lao là phục vụ họ như thức ăn. Và chính vì điều này mà tôi tin rằng người tôi tớ tội nghiệp này của Chúa Giêsu đã noi gương Thầy mình tốt hơn ai hết.

Lòng đại lượng đó và sự dịu dàng đó, những điều làm ông ra độc đáo một cách hết sức tàn nhẫn trong thời đại khắc nghiệt lạnh lùng và vô đạo của chúng ta, Bloy đã thực hành hào phóng bằng mọi cách. Người ta luôn nói tới những người bị cuộc luận chiến đáng sợ của ông giầy vò (tiện đây, tôi nhận thấy rằng cuộc luận chiến này ít nhằm sự kiện vật chất này nọ, cho bằng nhằm các sai lệch nội tâm hoặc thất bại linh hồn, điều mà ông đoán định bằng một bản năng cực kỳ chắc chắn); người ta quên những người ông bảo vệ, ngay trong số những người

hiện đại: Hello, Verlaine, Villiers, chưa kể Rictus và Rosenfeld! Bạo lực của ông chỉ là mặt trái tình yêu của ông - tình yêu của ông đối với Sự thật, nghĩa là đối với Con Người của Đấng Cứu Rỗi. Bất cứ nơi nào ông nhìn thấy ai đó đang chịu bất công, ông lao về phía họ: Christopher Columbus, Marie-Antoinette, Louis XVII, Mélanie rất cao quý; Người Do Thái, những người nắm giữ các lời hứa của Thiên Chúa mà không có sự ăn năn bất chấp tội ác của họ và sự phản trắc của họ; cuối cùng là Người nghèo, Người nghèo và sự Nghèo khó, cả hai được ông trân trọng vì Người nghèo hạng nhất; và vượt trên tất cả một cách bất tận, là Đức Mẹ, Nữ Vương của thế giới, người đang khóc mà không được ai lắng nghe - tất cả đều đã tiếp nhận chứng từ của ông. Bí quyết của Bloy là lòng yêu thương phi thường dành cho các linh hồn, một tình yêu mà chỉ những con người dịu dàng của thời Trung Cổ mới có thể hiểu được, những người dịu dàng như ông dịu dàng và yêu mến Những Dòng Nước Mắt như ông yêu mến chúng. Bởi vì "người ta vốn khóc nhiều trong nhà Người". "Lạy Chúa, con rất hay khóc. Có phải vì nỗi buồn khi nghĩ đến những gì con phải gánh chịu? Đó có phải là niềm vui khi nhớ đến Chúa không?" Ai không hiểu điều này không hiểu gì về tác phẩm của ông, và đặc biệt là cuốn sách về Napoléon, cuốn sách sẽ xuất hiện vào những ngày này, và theo tôi, đó chỉ là việc phát biểu đáng kinh ngạc của tình yêu sâu sắc nhất và hào phóng nhất đối với các linh hồn, nhân dịp một linh hồn trong đó linh hồn ông tự nhìn thấy mình.

Chúng ta không thể cho bất cứ điều gì chúng ta không nhận được, vì chúng ta vốn giống như hình ảnh của Đấng đã nhận mọi sự từ Cha của Người. Đó là lý do tại sao người ta càng cho đi họ càng cần nhận lại, người ta càng là một người ăn mày; và đó cũng là lý do tại sao chỉ có người nghèo mới cho đi. Bloy là một người ăn xin khủng khiếp, người không chịu được sự tầm thường nơi con người, và là người mà Thiên Chúa sẽ chỉ bằng lòng với sự tử đạo và thị kiến Vinh quang của Người. Đôi khi người ta dám nói rằng, trong ước muốn có được thị kiến diễm phúc, ông tự nguyện nhắm mắt trước những ánh sáng bình thường, và thích dò dẫm hướng tới sự chói lọi thuần khiết. Theo tôi, sự thiếu kiên nhẫn huyền nhiệm này chính là cội nguồn của nghệ thuật Léon Bloy.



Đối với ông, trước hết, vấn đề là phải "trình bày ý tưởng và ấn tượng về màu nhiệm", nghĩa là ý tưởng về việc trước ánh sáng chiếu rọi chúng ta, chúng ta không có khả năng nhìn thấy, nhưng cùng một lúc, nhờ việc sử dụng rất nhiều hình ảnh, chúng ta chỉ có thể diễn tả một sự tương đồng nào đó cho Chân lý mà chúng ta chưa có được trực giác và chúng ta chỉ biết được *per speculum in aenigmate* (nhờ tấm gương trong bóng tối). Ông viết, "Điều nhất thiết là Sự thật ở trong Vinh quang. Sự huy hoàng của văn phong không phải là một thứ xa xỉ, nó là một điều cần thiết". Trọn nghệ thuật của ông đều được làm sống động bởi niềm đam mê được nhìn thấy; chính vì giác quan có tính trực giác nên trí tưởng tượng cảm giới giữ một vị trí hết sức nổi bật trong đó. Không nên coi Léon Bloy như một nhà thần học hoặc một tiên sĩ; ông là

một nhà tạo hình, một người vẽ tranh sách, một họa sĩ của những ô cửa sổ rực rỡ. Không! Ông là người hành hương Mộ Thánh. “Nếu Nghệ thuật nằm trong hành lý của tôi, thì kệ tôi! Điều thích hợp với tôi là đặt những gì đã được Tên Láo Khoét trao cho tôi vào thể phục vụ Sự thật. Một tài nguyên bấp bênh và nguy hiểm, bởi vì bản chất của Nghệ thuật là tạo hình các Thần minh!” - “Tôi thực sự là một người nghèo hèn tìm kiếm Thiên Chúa của mình, kêu gào Người trong khốc lốc khắp các ngã đường ...”

Không kém phần đúng là con người nghèo hèn này là một trong những nhà văn Pháp vĩ đại nhất, một trong những nhà văn cao nhất trong số những nghệ sĩ thiên tài, một trong những nghệ sĩ mà Thiên Chúa đã ban bố một cách hoàng gia nhất những hồng ân phi thường, những hồng ân, trong bản chất chúng ta, giống như âm vang Ngôi Lời của Người. Nhưng Nghệ thuật bất khuất và tạo hình thần minh này đã được ông giản lược thành sự vâng phục Đức tin, thành kỷ luật của Chân lý mạc khải, thành việc phục vụ Thánh Giáo Hội. “Sự thật rất rõ ràng và hiện rõ trong tất cả các cuốn sách của tôi là tôi chỉ viết cho một mình Thiên Chúa”. Ông hoàn toàn trái ngược với một người vô chính phủ ghét “tư sản”; Ông là một Kitô hữu ghét giai cấp Tư sản, vốn là một trong những cái tên hiện đại của Kẻ Thù xưa, đối với những ai chịu hiểu. Là người Công Giáo và thuộc nghi lễ Latinh, ông ghê tởm sự rối loạn, mất cân bằng, tinh cảm chủ nghĩa, tinh thần thể phản ưa cách mạng. “Tôi viết những điều mãnh liệt nhất với sự thanh thản lớn lao. Sự giận dữ bất lực và đặc biệt thích hợp với những kẻ nổi loạn. Trong khi, tôi là một người ngoan ngoãn làm sáng tỏ công lý”. Trên tất cả mọi điều, Ông đặt lòng trung thành tuyệt đối vào chân lý siêu nhiên. Ông nói khi nói về Villiers de l'Isle-Adam: “Quá nhiều khoa học về con người và quá ít khoa học về Thiên Chúa”. Cùng một ấn tượng như thế đối với Edgar Poe. “Những nhà thơ này đã không cầu nguyện và sự khinh miệt của họ, đôi khi hùng hồn, chỉ là mùi đấng đót thiếu kiên nhẫn trần thế của họ. Họ đầy chất đất giống như các ngẫu thần».

Tất cả điều trên có thể giải thích việc Léon Bloy tạo một ảnh hưởng kỳ diệu ra sao đối với những người thu thuế. Chính họ là những đối tượng được công trình của ông nhắm mục tiêu, nhiều hơn là những người Công Giáo. Có những linh hồn héo hắt đi tìm kiếm Vẻ đẹp trong bóng tối, và là những linh hồn mà nền hộ giáo của Coppée hay Marc Sangnier làm cho khiếp đảm phải chạy trốn. Đàng khác, chính tín lý tinh tuyền - viên ngọc quý dành cho con cái vương quốc - cũng không tác động lên những linh hồn như vậy, những linh hồn mà lý trí của họ quá uể oải hoặc mất cân bằng; cuối cùng, sự tầm thường của đa số các linh mục, sự bất trung của những người Công Giáo thế gian khiến họ khiếp sợ. Bloy, bằng cách la to từ trên các mái nhà, bằng cách trấn áp những người tẻ lạnh và hám lợi, bằng cách làm họ thấy và rời được vẻ huy hoàng của Đức tin, đã linh hứng cho những linh hồn tội nghiệp này linh cảm được vinh quang của Thiên Chúa; ông đi tìm họ tận thẳm sâu đêm tối của họ và lôi họ ra ánh sáng. Nhưng cuối cùng thì sẽ chẳng có gì có hiệu lực nếu không có bí quyết mà tôi đã kể. Đó là lòng bác ái của người được coi là viết những cuốn sách nhỏ này, đó là tình yêu của ông đối với Thiên Chúa và các linh hồn, một tình yêu mang tất cả. Và một hành động như vậy, hành động mà Chúa Quan Phòng thực hiện qua ông, chắc chắn sẽ an ủi ông phần nào khỏi những đau buồn lâu dài của ông, vì người dâng các linh hồn cho Thiên Chúa như thế hẳn phải là bạn hữu của Thiên Chúa. Ông từng thốt lên, “Bạn của Thiên Chúa! Tôi sắp phát khóc khi nghĩ tới điều đó. Người ta không còn biết phải đặt đầu vào đâu, không còn biết họ đang ở đâu, không còn biết phải đi đâu, người ta chỉ muốn xé nát trái tim mình, khi nó bùng bùng như thiêu như đốt và người ta không thể ngắm nhìn một tạo vật mà không run rẩy yêu thương. Người ta chỉ muốn khuyu gối, từ nhà thờ này sang nhà thờ nọ, cá thối đeo ở cổ, như câu nói siêu phàm của Angèle. Và khi người ta rời khỏi những nhà thờ này sau nhiều giờ nói chuyện với Chúa như một người tình nói với một người tình, họ sẽ thấy mình giống như những anh chàng tội nghiệp bị vẽ và vẽ rất tẻ trên các Đàng Thánh Giá, vừa đi vừa làm điệu bộ đạo đức trong các

nền vàng. Tất cả những suy nghĩ mà người ta không biết, giam hãm cho đến lúc đó trong các xoá xỉnh của trái tim, lúc đó cùng ủa ra với trinh nữ cụt tay, mù lòa, đói khát, trần truồng và thốn thức. Ôi! chắc chắn, trong những khoảnh khắc như vậy, cuộc tử đạo tàn bạo nhất sẽ được chọn – được chuyên chở long trọng xiết bao!... ”

Jacques MARITAIN, năm 1912.

Nguồn: <https://maxencecaron.fr/2010/07/jacques-maritain-le-secret-de-leon-bloy/>

4. Léon Bloy và Lòng Sùng Kính Đức Mẹ

Vũ Văn An

03/May/2022

Phần lớn các nhà bình luận của Léon Bloy đều nhắc đến lòng sùng kính Đức Mẹ của ông. Jacques Maritain chẳng hạn cho rằng ông không thể “nhắc lại mà không cảm xúc sâu xa sự dịu dàng như trẻ thơ của người hoang dã này khi đọc kinh mân côi hay kinh Ngợi khen, khóc từ đầu đến cuối (1).



Rosemary Rodwell (2) thì cho rằng hạt giống lòng sùng kính trên được chính bà mẹ của Bloy gieo vãi. Bà được chính Bloy mô tả như “một Kitô hữu của những ngày xa xưa, một nữ anh thư”. Là một phụ nữ cực kỳ đạo đức, đối với Bloy, bà tượng trưng cho khuôn mặt siêu phàm của đau khổ, dâng hy lễ sức khỏe của mình lên Thiên Chúa để đổi lấy ơn hoá nải cho đứa con trai của mình. Bà lấy tên Maria đặt cho hầu hết các con trai của bà, nhưng bà đặc biệt trao phó Léon Bloy cho sự chăm sóc của Đức Trinh Nữ. Bloy viết cho vị hôn thê của mình như sau:

"Trước khi anh sinh ra đời, mẹ anh, vốn là một Kitô hữu có trái tim sâu sắc, đã muốn anh không phải là con của người. Bằng một cố gắng phi thường của ý chí và yêu thương, một cố gắng chỉ có các linh hồn cao thượng mới hiểu nổi, người đã hoàn toàn từ bỏ quyền mẫu thân trong bàn tay Đức Maria, biến Trinh Nữ Rất Thánh thành người chịu trách nhiệm đối với trọn số phận anh, và bao lâu còn sống, người không ngừng nói với anh bằng một sự ngoan cố siêu phàm rằng Đức Maria mới là mẹ thật của anh, một cách hết sức đặc biệt và tuyệt đối" (3).

Theo von Alexpschera (4), Bloy sinh vào đúng năm Đức Mẹ hiện ra ở La Salette. Đức Mẹ hiện ra ngày 11 tháng 7 năm 1846 thì ông sinh ra ngày 19 tháng 9 cùng năm. Sự trùng hợp về ngày tháng này được Bloy luôn coi như một dấu chỉ, như một khuyến dụ từ Thiên Chúa phải dâng mình cho Trinh nữ La Salette. Việc ông vâng phục “Bà Mẹ khóc” đã gây cảm hứng cho ba tác phẩm của ông: *Celle qui pleure* (1908), lời nói đầu cho cuốn tự truyện của thị nhân

Mélanie Calvat *Vie de Mélanie écrite par elle-même* (1912) và tác phẩm di cảo *Le Symbolisme de l'apparition* (1925).

Câu chuyện Đức Mẹ hiện ra ở La Salette diễn ra như sau: Thứ bảy 19 tháng 9 năm 1846, khoảng 15 giờ, trên ngọn đồi gần La Salette-Fallavaux, hai thiếu niên chăn chiên, Mélanie Calvat, non 15 tuổi, và Maximin Giraud, 11 tuổi, thấy hiện ra một “bà đẹp đẽ” trong ánh sáng chói lọi, vừa khóc vừa ngỏ lời với các em. Buổi chiều hôm đó, các em thuật lại biến cố cho các chủ nhân của các em. Bà chủ của Mélanie nghĩ rằng các em đã nhìn thấy Trinh Nữ Rất Thánh nên người ta sắp xếp để các em kể lại trọn câu chuyện cho cha xứ La Salette. Cha xứ ghi chép sự kiện và nói về nó trong bài giảng lễ của ngài. Sau đó, người ta ghi chép các lời bà đẹp nói với các em.

Một cách tổng quát, qua sứ điệp của ngài, bà đẹp than thở việc người ta không tuân giữ ngày Chúa Nhật (thời đó đang là thời của cách mạng kỹ nghệ) và việc thiếu tôn kính đối với Thánh Danh Chúa Cứu Thế (ảnh hưởng cách mạng Pháp). Bà khuyên các linh hồn hoán cải và buồn rầu trước tai họa sẽ giáng xuống, nếu con người không đáp ứng lời kêu gọi của bà.

Sứ điệp trên, được Giáo Hội thời đó phổ biến, đã gây tiếng vang phi thường khắp nước Pháp, kéo theo cả một phong trào hoán cải rộng lớn và kích thích một phong trào canh tân tâm linh quan trọng.

Từ sứ điệp trên, Bloy rút tĩa toàn bộ tư tưởng thần học của ông: viễn tượng khải huyền, đặc tính tuyệt đối của đức vâng lời Kitô giáo, nền thần học nước mắt. Ngay văn phong bút chiến của ông cũng đã được giải thích như sự nối dài thâm mỹ sứ mệnh của Mẹ Thiên Chúa, đắng than khóc. Ngày đầu năm, Bloy và gia đình có thói quen lặp lại lời tuyên hứa lúc rửa tội bằng hành vi dâng trọn con người họ cho Chúa Giêsu Kitô qua trung gian Đức Mẹ, như lời khuyên của Thánh Louis-Marie Grignon de Montfort trong tác phẩm quan trọng của ngài tựa là *Traité de la vraie dévotion*, xuất bản năm 1712, được Bloy đánh giá rất cao.

Theo Rosemary Rodwell, dù Đức Trinh Nữ hiện ra ở La Salette là một Đức Bà Sầu Bi Than Khóc, rất hợp với bản chất của Léon Bloy, nhưng mãi năm 1877, Léon Bloy mới bắt đầu tới La Salette. Cơ duyên là năm đó, ông gặp linh mục Tardif de Moidrey. Vị linh mục này dẫn nhập ông tới La Salette. Hàng giáo phẩm luôn luôn dè dặt trước các hiện tượng hiện ra, nhưng lòng sốt sắng của Cha Tardif de Moidrey thì tuyệt đối, ngài thông đạt cho Bloy lòng sốt sắng này. Dĩ nhiên là ông chấp nhận vì như trên đã nói ông sinh ra vào đúng năm Đức Mẹ hiện ra ở La Salette và ông coi mình được kêu gọi trở thành đầy tớ của Đức Mẹ và truyền bá sứ điệp của ngài cho cả quốc gia thiếu lòng tin. Hai người đặt kế hoạch cùng nhau làm việc để đạt mục tiêu vừa kể: Bloy sẽ viết một cuốn sách về biến cố hiện ra, Cha Tardif cung cấp an toàn vật chất cho ông.

Chẳng may, Cha Tardif qua đời tại La Salette tháng 9 năm 1879; bất chấp tai họa này, Bloy cương quyết một mình hoàn thành sứ mệnh. Tầm quan trọng mệnh mông của việc hiện ra tại La Salette đối với ông được ông nhắc tới trong lá thư gửi cho Cha Archier, bề trên Dòng Truyền Giáo La Salette, ngày 10 tháng 10 năm 1879:

“Lời nhắn của Rất Thánh Đồng Trinh, lời truyền đạt khôn tả từ Trời Cao này, ít được biết đến trong thế giới Kitô giáo và càng ít được hiểu biết. Một số lượng rất đông người Công Giáo, vì thiếu giáo huấn, đã làm ngơ hay coi thường sự kỳ diệu trên hết mọi sự kỳ diệu này của Tình Yêu Mẫu Thân. Giải thích nó một lần nữa bằng cách làm tràn ngập nó với trọn ánh sáng mà kinh nghiệm của 33 năm các điều kỳ diệu tích lũy ngày nay về biến cố khôn sánh này, biểu lộ

tâm quan trọng tôn giáo mênh mông và tâm quan trọng xã hội khôn lường của nó dưới mọi ý nghĩa, đó là một phần trong việc làm khó khăn của con” (5).

Robert Ziegler (6) nhận định rằng đối với Bloy, lịch sử từ tính bất khả niệm của nó bước vào ánh sáng khả niệm khi Đức Maria hiện ra tại La Salette, khi Bà Khóc (*Celle qui Pleure*) trao cho hai trẻ chăn chiên nhiệm vụ cảnh cáo nhân loại: nếu không hoán cải, từ bỏ thái độ đức tin hâm hấp, nửa nóng nửa nguội, nếu không từ bỏ tác phong mua ơn cứu rỗi bằng những hành vi bác ái huênh hoang, thì “ta buộc phải để cánh tay Con ta giáng xuống” (7).

Đối với Bloy, Đức Mẹ khóc đã hoàn tất công trình của Con Trai đổ máu. Mỗi liên hệ nối kết Chúa với Giáo Hội của Người cũng chính là mối liên hệ nối kết Đức Trinh Nữ với con cái phạm nhân của ngài, những kẻ, qua tính tuyệt đối trong các đòi khát, sâu khổ và nhục nhằn của họ đang kêu thấu tới Thiên Chúa để Người làm đầy sự không có gì của họ bằng trọn sự hiện diện của Người. Bloy viết rằng, như Chúa Kitô khát khao sự ăn năn của những kẻ được Người cứu rỗi thế nào (*sitio*), thì Đức Maria cũng “khát khao nước mắt của chúng ta” như thế (8).

Bloy cho rằng Evà, người bị Thiên Chúa trừng phạt qua việc nhân thừa cơn đau lúc sinh con, đã hạ sinh những đứa con khác với Chúa Giêsu, Đáng được tượng thai không tí vết. Tuy nhiên, nhờ khóc lóc ăn năn, con người được rửa sạch tội lỗi, trở thành con cái thống hối, “*filius tantarum lacrymarum*” (9).

Chính nhờ người đi trước và cùng tin vào ý nghĩa đặc biệt của thiên niên kỷ là Ernest Hello (1828-1885) mà Bloy đã rút tía ý niệm của ông về ngôn ngữ nước mắt. Theo ông, nước mắt sở đắc một hiệu năng kỳ diệu, làm người yếu trở nên mạnh mẽ như Samsong, người, giữa đêm, vác cả cánh cửa nhà tù lên vai và leo lên núi. Hồng phúc nước mắt được Thiên Chúa thông ban như Hello viết trong *Paroles de Dieu* (1899): «Các lời cầu nguyện và các giọng nước mắt là các dụng cụ chiến đấu, vì chính Đấng ban chúng cho ta, chính Đấng vũ trang cho chúng ta để chiến đấu buộc chúng ta phải trao cho Người” (10).

Thiên nghĩ không gì bằng để chính Léon Bloy viết về Nước Mắt Đức Mẹ.



Nước Mắt Đức Mẹ

Những giọt nước mắt Mẹ Sầu bi tràn ngập Thánh Kinh và tràn qua mọi thời đại. Tất cả các bà mẹ, tất cả các góa phụ, tất cả các trinh nữ khóc đều không thêm gì vào thứ dào dạt phong phú đến độ có thể rửa sạch trái tim của hàng mười ngàn thế giới tuyệt vọng. Tất cả những người bị thương, tất cả những người cùng quần và tất cả những người bị áp bức, tất cả đoàn lũ đau khổ này chất đầy những con đường tàn khóc của cuộc đời, nằm thoải mái trong những nếp

gấp kéo dài của lớp áo khoác màu xanh của Đức Mẹ Bảy Sự Đau Đớn. Bất cứ khi nào ai đó bật khóc, giữa đám đông hay trong cô tịch, chính ngài là người khóc, bởi vì mọi nước mắt đều thuộc về ngài trong tư cách là Nữ hoàng của Mối Phúc và Tình Yêu. Nước mắt của Đức Maria là chính Máu của Chúa Giêsu Kitô, đổ ra một cách khác, vì lòng cảm thương của ngài là một kiểu đóng đinh nội tâm đối với Nhân tính thánh thiện của Con ngài. Nước mắt của Đức Maria và Máu Chúa Giêsu là sự tuôn trào kép của cùng một trái tim và người ta có thể nói rằng lòng cảm thương của Đức Trinh Nữ Rất Thánh là cuộc Khổ nạn dưới hình thức khủng khiếp nhất của nó. Điều này được phát biểu qua những lời nói với Thánh Brigit: “Sự đau khổ của Chúa Kitô là sự đau khổ của mẹ bởi vì trái tim của Người là trái tim của mẹ; vì Adam và Evà đã bán thế gian chỉ vì một trái táo, nên Con của mẹ và mẹ đã cứu chuộc thế gian này bằng một Trái Tim duy nhất».

Nước mắt là di sản của Mẹ Sầu Bi, một di sản đáng sợ đến mức người ta không thể phung phí nó trong những tình cảm vô ích đối với thế gian mà không bị mắc tội phạm thánh. Thánh Rosa thành Lima nói rằng những giọt nước mắt của chúng ta thuộc về Thiên Chúa và bất cứ ai nhỏ chúng xuống mà không nghĩ đến Người là ăn cắp chúng của Người. Chúng thuộc về Thiên Chúa và thuộc về người đã cho Thiên Chúa máu thịt của Nhân tính Người. Nếu Thánh Ambrôsiô, khi nhớ đến Thánh Monica, đã gọi Thánh Augustinô là “Đứa con của những giòng nước mắt vĩ đại; *filius tantarum lacrymarum*”, thì chúng ta phải hiểu sâu sắc đến mức nào rằng chúng ta là con cái của những giòng Nước mắt của Tạo vật ngoại hạng, đáng đã nhận được đặc ân khôn sánh, trong tư cách là Mẹ Thiên Chúa, dâng lên Cha Hằng Hữu một sự đền bù đầy đủ cho tội ác không tên hay thước đo khiến Chúa Giêsu phải hoàn thành công cuộc cứu chuộc thế giới? Khi Thánh Monica khóc trước sự lầm lạc của thánh tiến sĩ ân sủng tương lai, những giòng nước mắt của ngài giống như dòng sông vinh quang mang đứa con trai bất tín của ngài trong vòng tay không biết mệt dâng lên Tác giả của Ân sủng. Nhưng tuy nhiên, ngài chỉ có những giòng nước mắt để dâng lên và đó là sự hoán cải của đứa con trai duy nhất mà ngài có. Khi Đức Maria khóc vì chúng ta, những giòng Nước mắt của ngài là một cơn hồng thủy Máu thánh thần linh phổ quát thực sự, mà ngài là Người Phân phối tối cao, và sự tuôn trào này đồng thời là lễ dâng hoàn hảo nhất. Như thế ngài là người Mẹ duy nhất theo Ân sủng, người có quyền năng khiến Người được vô số những đứa con khác của ngài tôn thờ chỉ bằng đức hạnh duy nhất là các giòng nước mắt của ngài.

Những giòng nước mắt của Đức Trinh Nữ Rất Thánh chỉ được nhắc đến trong Tin Mừng một lần duy nhất, khi ngài nói lời thứ tư, sau khi tìm thấy Con của ngài. Và chính ngài là người nói về điều đó vào lúc ấy. Ở những nơi khác, các tác giả Tin Mừng chỉ đơn giản nói rằng Chúa Giêsu đã khóc, và điều này đủ để chúng ta đoán được Mẹ của Người đang làm gì. Thánh Bernardin thành Siena nói rằng nỗi đau đớn của Đức Trinh Nữ Rất Thánh lớn đến nỗi nếu nó được phân chia và sẽ chia cho tất cả các tạo vật có khả năng biết đau khổ, họ sẽ bị diệt vong ngay lập tức. Bây giờ, nếu chúng ta tính đến sự soi sáng phi thường của tâm hồn đầy Chúa Thánh Thần này, mà đối với ngài những điều tương lai chắc chắn đã có thực tại thực sự và hữu hình, thì chúng ta phải hiểu lời khẳng định này, không những cho Thứ Sáu Tuần Thánh, mà còn cho mọi khoảnh khắc của cuộc đời ngài, từ lời chào của tổng lãnh thiên thần cho đến khi ngài qua đời.

Khi Thánh Gia, bị xua đuổi khỏi tất cả các cửa nhà thành Bêlem, phải tìm nơi ẩn náu trong hang động hoang vu nơi Mặt Trời của thế giới xuất hiện, những giòng nước mắt của Đức Maria đã đánh dấu ngưỡng cửa của những ngôi nhà bất hiếu khách này, những ngôi nhà không biết dành chỗ để chào đón sự khôn cùng của Thiên Chúa. Những giòng nước mắt chảy xuống từ cùng một Trái Tim với Máu của Ngôi Lời Nhập Thể là dấu hiệu của cơn thịnh nộ Thiên Chúa đối với những cư dân đáng thương của sa mạc cõi lòng này. Chắc hẳn chúng gặm

nhắm cả đá hoa cương và đất đai đến những độ sâu đáng sợ, và phải cần đến máu vô tội của tất cả các trẻ sơ sinh mới có thể dập tắt cơn thịnh nộ và xóa hết dấu vết của chúng.

Sau này, trong chuyến trốn qua Ai Cập, khi Hài nhi Giêsu chiếm hữu thế giới tâm tối bao la của dân ngoại được mô tả bằng "vùng đất lo âu" này, Người đã được bế trong vòng tay của Mẹ Người, đáng, do đó, đạo đầu cho những cuộc chinh phục thống trị của Người trong tương lai. Con đường dài của những người lữ hành nghèo khổ này và những nơi đầy những ngẫu thần nơi các ngài dừng chân đã tưới đẫm bằng biết bao giòng nước mắt thâm lặng chảy dài xuống má của Đức Trinh Nữ không tì vết và rơi xuống đất như một hạt giống, sau khi lăn trên tứ chi của Hài Nhi thần linh. Hai trăm năm sau, cũng chính đất nước Ai Cập này, trở thành quê hương của những khổ nạn tự nguyện, đã đầy ắp những vị ẩn sĩ vĩ đại, vốn là mùa trở bông lộng lẫy nhất của Công Giáo, chỉ sau các vị tử đạo.

Mâu nhiệm của ba ngày vắng bóng đã đến, Đức Maria rảo khắp các đường phố và quảng trường của Giêrusalem để tìm kiếm Hài Nhi đi lạc của mình. Cuộc tìm kiếm kéo dài ba ngày với sự đồng hành của người đàn ông phi thường mà các thánh gọi là hình bóng của Cha Vĩnh Cửu. Cả hai đều khóc, và lần này nước mắt của các ngài được chứng kiến bởi chính người hiếm khi lên tiếng. Các ngài tìm kiếm khắp nơi, các ngài hỏi han những người qua đường, bất kể kẻ giàu hay nghèo, phẩm hạnh hay tội phạm, chế giễu hay nhân ái. Hãy tưởng tượng cuộc hỏi han độc đáo này với tất cả cư dân của một thành phố thờ ơ hoặc bận rộn bởi Mẹ của Người Sống để tìm kiếm Ngôi Lời Thiên Chúa. Ba ngày vắng mặt này chính là lưỡi gươm thứ ba của Đức Maria và là lưỡi gươm mà một số văn sĩ Công Giáo coi là đau đớn nhất, đáng được chúng ta suy nghĩ sâu sắc. Điều đáng chú ý là người Mẹ khôn sánh này, trong tình trạng bất lực tuyệt đối của việc tìm lại người Con của mình trước thời hạn ba ngày đầy mâu nhiệm và không chắc chắn đối với ngài, và đàng khác, nhờ sự soi sáng đầy tiên tri của ngài, ngài biết rõ các chi tiết khủng khiếp nhất của cuộc Khổ nạn, hẳn chủ yếu phải khiến ngài tìm kiếm trên Con đường đau khổ trong tương lai, nơi ngài biết rằng một ngày nào đó, Tình yêu của ngài sẽ bị vùi dập dưới chân của nhóm dân chúng độc ác và thấp hèn nhất. Chắc chắn, chính tại đó, ngài đã rơi những giọt nước mắt cay đắng nhất của mình, để chuẩn bị cơ sở cho những lần tuôn đổ khác sẽ xảy đến trong thời điểm không ai sẽ tìm kiếm Lời Thiên Chúa ở Giêrusalem nữa. Chỉ riêng cõi đời đời mới có thể đem lại cho ý thức con người thước đo đích thực về sự kiện Người Mẹ như thế đang tìm kiếm Người Con như thế trong một thành phố được tiên định một cách kỳ lạ như vậy.

Đây là một điều gì đó hoàn toàn khác với ở Bêlem, nơi ít nhất Đức Maria chỉ tìm kiếm một nơi để hạ sinh Ánh sáng? Tại đây, ngài tìm kiếm Ánh sáng vắng mặt với một sự không chắc chắn đầy kinh ngạc về việc xứng đáng bị bỏ rơi này và bằng chứng trôi vọt về sự vô dụng hoàn toàn của những cuộc tìm kiếm của ngài, nếu mỗi nghi ngờ xé lòng này thực sự có cơ sở. Trong trường hợp thứ nhất, sự cứng lòng của cư dân Bêlem là một loại kỳ lạ của con người, liên quan đến tất cả những kẻ tội lỗi và đột nhiên vạch trần những vực thẳm của bản chất con người sa ngã; trong trường hợp thứ hai, sự tàn ác biểu kiến của Chúa Giêsu đối với Mẹ của Người là một mâu nhiệm thần linh chỉ liên quan đến ngài, một loại chuẩn bị khôn tả cho việc từ bỏ khủng khiếp trong một tương lai đầy máu và đau đớn, qua việc thực hành một sự sỉ nhục siêu việt. Trong hai hoàn cảnh có tính Tin Mừng này, điều đến từ bên ngoài và chúng ta có thể cảm thấy luôn là sự tuôn trào của cùng một trái tim bao la và tan nát, vốn không tự bằng lòng với việc trao ban sự sống cho Mặt trời công lý, nhưng là trái tim vẫn muốn tạo cho Người một đại dương nước mắt yêu thương nơi Người có thể nằm ngủ trong huy hoàng.

Léon Bloy, trích từ *The Symbolism of the Apparition*, Paris, Mercure de France, 1925.

Ghi chú

- (1). Xem <https://fsspx.news/en/news-events/news/on-bloy-lost-modern-world>
- (2) Xem <https://doi.org/10.1177/004724419402400102>
- (3) Leon Bloy, *Lettres a sa fiancée*, op. cit.
- (4) Xem <https://erstezone.wordpress.com/2017/06/20/lart-de-lobeissance-marie-leon-bloy-et-francois-xavier-de-boissoudy/>
- (5) J. Bollery, *Leon Bloy*, op. cit., I, 410.
- (6) <https://doi.org/10.4000/studifrancesi.294>
- (7) L. BLOY, *Le Symbolisme de l'Apparition* cit., p. 31.
- (8) *Ibid.*, p. 58
- (9) *Ibid.*, p. 192.
- (10) E. HELLO, *Paroles de Dieu*, Paris, Perrin, 1899, p. 303.

5. Léon Bloy: Người đàn bà khóc (1)

Vũ Văn An

06/May/2022

Cùng với *Cha Tardif de Moidrey*, Léon Bloy đã đến La Salette kính viếng nơi Đức Mẹ hiện ra với hai thiếu niên chăn chiên và cùng với vị linh mục này, ông đã khởi sự công trình phổ biến sứ điệp của Đức Mẹ La Salette từ đó, có tác phẩm *Celle Qui Pleure*. Trong tuyển tập *Le Pilgrim de L'Absolut*, vợ chồng triết gia Jacques Maritain có trích một chương trong cuốn này. Chúng tôi dựa vào phần trích này để chuyển sang tiếng Việt.



[*Nghĩa trang La Salette.*] Ngày 25 tháng 8 năm 1906. Trước khi rời La Salette, tôi đến nghĩa trang nhỏ lần cuối, nơi có hài cốt đáng thương của Cha Tardif de Moidrey thân yêu của tôi, người đã đưa tôi đến La Salette năm 1879, chỉ để chết ba tuần sau đó, để tôi ở lại như một đứa con mồ côi.

Những ngày cuối cùng của vị linh mục của Đức Maria này thật là cay đắng, thật sự cay đắng!

Không ai, ngoại trừ tôi, biết về điều đó. Nỗi buồn của ngài khi không được nhìn thấy chiến thắng của La Salette, và cảnh tượng vô tận của sự tầm thường nơi các giáo sĩ đã gặm nhấm trái tim ngài và một phần nguyên nhân dẫn đến cái chết của ngài.

Nhưng ngài còn xa toàn bộ sự thật xiết bao, lúc đó còn bị che giấu và rất ít được biết đến từ đó! Bên cạnh đó, những tội ác lớn nhất vẫn chưa bị vi phạm, hoặc đã được thực hiện quá gần đây và một cách quá xảo quyệt khiến ngài không thể nghi ngờ. Quả đã khốn khổ đủ cho ngài khi thấy La Salette bị coi thường và những người truyền giáo của nó vô cùng xa vời đối với nhiệm vụ của họ...

Vậy, xin từ biệt nghĩa trang nhỏ bé thân yêu đó, vương cung thánh đường khốn khó đó, Con đường Thập giá quanh co đánh dấu con đường chính xác được thực hiện bởi cuộc rước Đức Bà đi dạo... Không biết có bao giờ gặp lại những thứ này nữa hay không, tôi cố gắng khắc ghi hình ảnh của chúng vào trí nhớ của mình.

Bình minh đang đến. Ngọn Obiou hùng vĩ và những đỉnh núi trọc mà nó nhìn xuống được nhuộm bằng một màu hồng. Một màu trắng đục vô hạn tràn ngập không gian. Một sự mê hoặc kéo dài vài phút, sau đó mặt trời đáng sợ đến xua đuổi mọi tạo vật bằng những ngọn lửa của nó. Một lần nữa tôi dừng lại gần ngôi mộ của người tôi mến yêu và tôi nghĩ về tương lai đáng sợ — một tương lai đáng sợ không thể tưởng tượng nổi, không thể diễn tả nổi — *đã bắt đầu*.

[*Vô nhiễm.*] Chúa Kitô phát xuất từ Đức Maria cũng như Adam phát xuất từ Địa đàng trần gian, để vâng phục và chịu đau khổ. Do đó, Đức Maria được tượng trưng bởi Vườn Vui Vẻ “được Thiên Chúa trồng vào thuở ban đầu...” Chương hai của sách Sáng thế hoàn toàn không thể hiểu được nếu bạn không nhớ đến Đức Maria. Đúng là mọi thứ đều vượt quá tầm hiểu biết nếu không có ngài. Nhưng trong trường hợp này còn hơn thế nữa xiết bao!

Khu vườn này, đóng im thin thít kể từ Sự bất tuân, *hortus conclusus* [thửa vườn đóng kín], trước sự khổ sầu hay thất vọng của nhiều tỷ con người, là mục tiêu của “nhiều thế hệ trên trời và dưới đất”, theo ngôn ngữ hết sức màu nhiệm của Sách Thánh.

Đó là một khu vườn kỳ diệu trong đó trời không bao giờ mưa. Một suối nước phun ra từ trái đất để tưới nước cho mọi sự, và một con sông lâu đời hơn mọi vùng địa lý chảy ra khỏi địa đường này cùng một lúc để phân nhánh thành bốn con sông lớn, tên của chúng, theo những nhà giải thích uyên bác nhất, có nghĩa là: Khôn ngoan, Điều độ, Lanh trí, Phong phú. Chúng ta phải tin rằng bốn tên gọi này bao hàm một cách không ai có thể hiểu được Ôn gọi của Đức Maria: Nữ Vương, Đồng trinh, Người phối ngẫu của Chúa Thánh Thần, Mẹ Thiên Chúa.

Các điều thông thường của Thiên Chúa! Ngoài những điều này không có gì có thể được nhìn thấy. Trên, dưới, bên phải, bên trái, trong Đấng Vô Hạn không có gì biện phân được. Chúng ta chỉ cần biết rằng Thiên Chúa là cứu cánh của chúng ta; chúng ta có phương tiện gì nếu không có Đức Maria để định hình cho một suy nghĩ như vậy?

Tâm trí chúng ta không thể tiếp nhận Thiên Chúa ngoại trừ qua Mẹ Maria, cũng như Con Thiên Chúa không thể được sinh ra ngoại trừ nhờ hoạt động của Chúa Thánh Thần trong Mẹ. Ở đây, lời nói của con người bất lực đến nỗi mọi lời nói đều trở nên đáng sợ. Sự vô nhiễm nguyên tội của Đức Maria, một ơn đặt ngài ở một khoảng cách khôn tả đối với chúng ta, tuy nhiên lại là điểm tiếp xúc duy nhất. Nhờ sự Vô Nhiễm Nguyên Tội, Thiên Chúa đã có thể đặt chân Người lên trái đất. Đây là cánh cửa duy nhất mà qua đó Người có thể thoát khỏi Khu

vườn Niềm vui, vốn là Mẹ của Người và là Đấng mà cả ngàn thế kỷ phước hạnh cũng không thể giúp chúng ta hiểu được.

Bạn sẽ phải biết Adam và Eva là gì, Cây cối và Động vật trong Khu vườn đó là gì, Sự Bất tuân là gì và cái giá phải trả là chi. Bạn sẽ phải xóa bỏ mọi điều mà con người đã nghĩ ra trong bảy mươi hoặc tám mươi thế kỷ để có thể làm cho khả hữu, tôi không nói bằng chứng hay hình ảnh tâm trí xa vời, càng không phải sự mong đợi mơ hồ, mà là một điều gì đó trần trụi giống như nhịp tim đập trước sự kiện này: với mọi điều đã mất vĩnh viễn, cũng như với các thiên thần sa ngã, vẫn còn lưu giữ được một giọt Nhựa Sóng thần linh, đủ để cứu hàng tỷ thế giới; và cuối cùng đã nở ra Bông hoa đó đẹp hơn cả Sự Ngây thơ mà các Kitô hữu, tuy chẳng hiểu gì về nó, gọi là Sự Vô nhiễm nguyên tội, chính là Đức Maria, Khu vườn siêu phàm đã lấy lại được.

Nhưng tôi có dám nói điều này không? Chưa điều gì đã đạt được. Khu vườn đó, đóng kín từ quá lâu bởi Sự bất tuân của Con người đầu tiên, trước tiên phải tự mở ra để đẩy ra khỏi đó con người nhỏ bé nhất, giống như một con sâu, người có nhiệm vụ cứu chuộc mọi con người khác. Vì đức vâng lời này của Đức Maria vẫn chưa đủ — tôi sợ hãi khi viết điều này. Cần phải có, cần phải được tái hấp thụ trong ngài, sự thiếu kiên nhẫn và buồn phiền của mọi thế kỷ.

Sự Vô Nhiễm Nguyên Tội không đủ để đem lại Ôn Cứu rồi cho thế giới. Sự thiếu kiên nhẫn và buồn phiền của Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội là cần thiết.

Dĩ nhiên, chúng ta không thể hiểu gì cả. Tuy nhiên, có thể tưởng tượng một trái đất bị bỏ mặc cho mọi quyền lực của bóng tối, một loài người bị tàn phá sinh sôi nảy nở từ ngày này qua ngày khác và ngày càng biến chất theo từng thế hệ.

Bất chấp điều trên và xuyên suốt tất cả những điều này, một tia sáng nhỏ bé li ti, một tia ánh sáng không gì có thể phá hủy được, sự Vô nhiễm Nguyên tội xuyên qua các thời đại và các dân tộc cho đến giờ kỳ diệu, mà đến các thiên thần vĩ đại nhất cũng không biết, khi nó sẽ hiện hiện nơi Đức Maria đây ơn phúc, được tượng thai không tỳ vết của tội nguyên tổ dưới Hoàng Môn. Chúng ta sẽ phải hình dung ra sao cho chính mình một Tạo vật như vậy nếu không có chuỗi bất tận những than thở và thương tiếc của toàn thể Nhân loại mà ngài là Thân sống duy nhất?

Theo Thánh truyền, chúng ta biết mẹ Eva của chúng ta, trong nhiều thế kỷ, vốn gánh lấy việc đền tội vô hạn cho tất cả các quốc gia sau này. Đức Maria vô tội đã tập hợp toàn bộ di sản của sự sám hối này và làm cho nó thành những gì Mẹ có thể làm, đó là một Nỗi Khổ Sầu như không có nỗi khổ sầu nào khác trên thế giới, nỗi khổ sầu của mọi thế hệ, của mọi con người, của mọi trái tim, mọi trí tuệ, nỗi khổ sầu, một số người được thị kiến dám nói, ngay của ma quỷ và những kẻ bị trầm luân. Tính vô hạn của những rên rỉ và dằn vặt này trong một tâm hồn vô hạn hẳn phải có một sự rút lại việc thiếu kiên nhẫn hoàn toàn tương đương với sự thiếu kiên nhẫn đối với ơn Cứu chuộc mà nền thần học huyền bí vẫn quy kết cho Ngôi thứ hai Thiên Chúa.

Vào ngày Truyền Tin, Thiên Thần Gabriel đến gõ cửa Địa Đàng đã mất, cánh cửa đó có thể đã không mở ra. Việc sai Con Thiên Chúa vào trong xác thịt loài người và vào cái chết của Người vốn có vấn đề, nhưng sự thiếu kiên nhẫn đã chiến thắng và cánh cửa đã mở ra trước câu trả lời này của Đấng Khổ Sầu: *Fiat mihi secundum verbum tuum* (Hãy làm điều đó cho tôi theo lời ngài).

Hỡi thế giới khốn khổ, người sẽ không phải chịu đựng thêm một ngày nào nữa!

Ngài đã khóc ở La Salette. Ngài, đáng mà mọi thế hệ sẽ gọi là người diễm phúc. Ngài đã khóc như chỉ mình ngài biết khóc. Ngài khóc vô hạn trước tất cả những sự phản bội lòng tin được ngài liệt kê, và trên mỗi sự phản bội đó cách riêng rẽ. Ngài bị họ hành khổ như thế ngay trong chính niềm hạnh phúc của ngài. Lý do thật kỳ lạ. Một hạnh phúc biết "đau khổ" và biết khóc! Liệu người ta có thể quan niệm được một điều như vậy hay không?

Vào năm 1846, “không còn có thể kiềm chế Cánh tay của Con trai Mẹ,” bị chọc giận đến như thế, Mẹ đã đến để giao phó nỗi đau buồn của Mẹ cho tạo vật duy nhất có thể lắng nghe Mẹ và hiểu Mẹ, cho Mélanie khiêm tốn này, người mà Mẹ đã chọn vì dường như em là người thấp hèn nhất trong mọi tạo vật, và Mẹ đã giao phó cho em Bí mật của Mẹ mà Mẹ không còn đủ sức để một mình mang lấy, Mẹ đã cứu mạng Con Thiên Chúa không cần bất cứ sự giúp đỡ nào.

Mười hai năm sau, Mẹ hiện ra với một người chăn cừu khác, nhưng không cho em ấy thấy những giọt nước mắt tuyệt vời của Mẹ mà các Kitô hữu thấy không ích lợi gì, hoặc giao phó cho em ấy Bí mật khủng khiếp mà người chăn cừu đầu tiên được Mẹ ủy quyền tiết lộ và truyền bá — một cách vô dụng xiết bao! Việc Mẹ biết trước và dự đoán phép lạ của Lộ Đức ở La Salette là một nỗ lực anh hùng hơn, một sự *nguy trang* cho nỗi khổ sâu của Mẹ tương tự như việc cải trang một bà mẹ, với cái chết ở trong lòng, vẫn mặc những bộ quần áo lễ hội để cổ vũ con cái của mình.

Hơn mười hai năm nữa trôi qua, và điều mà người ta gọi là Năm khủng khiếp đã đến. Nước Pháp, bị chà đạp bởi những kẻ vũ phu, chỉ biết bóp đôi tay của mình. Lần cuối cùng Mẹ xuất hiện với một số trẻ em nghèo, trong một phong cách hoàn toàn bí ẩn. Mẹ tung lên trên bầu trời những hình ảnh kỳ lạ về bản thân Mẹ, kèm theo những *dòng chữ* ngắn gọn và kín đáo, có thể nói lên cả tính cực điểm của mối đe dọa lẫn tính cực điểm của ơn tha thứ (2).

Và đó là tất cả. Chúng con đã không có thêm tin tức gì về Mẹ. Thế giới Kitô giáo, mà sự im lặng này hẳn phải làm cho kinh hoàng, vẫn tiếp tục đi xuống. La Salette bị khinh bỉ, Lộ Đức trở thành nơi buôn bán và trở thành chủ đề cho những bài viết cao ngạo, Pontmain trở thành một bức tranh ngoạn đạo! Rõ ràng là Mẹ không còn có bất cứ thẩm quyền nào đối với dân của Mẹ và Mẹ không thể làm gì cho họ. Có vẻ như đã đến lúc mọi người phải bị diệt vong.

Người ta nói rằng Evà đã khóc trong nhiều thế kỷ vì vô vàn những đứa con mà bà đã mất, *Rachel plorans filios suos et nolans consolari* (Rachel khóc cho những đứa con của mình, và không muốn được an ủi). Đức Maria, Evà mới, tìm thấy chúng một lần nữa, nhưng trong tình trạng như thế nào! Hãy tưởng tượng một người Mẹ không ô uê của hàng tỷ đứa con – mắc bệnh phung, đang hấp hối, đang thôn thục giữa những hành khô, bị kết cái chết tội tệ nhất, bị nhor bản bởi những thứ bản thù nhất - Chỉ có một mình Mẹ vẫn trong trắng, người chứng kiến không chút tí vết sự trầm luân của chúng. Và điều này ở khắp mọi nơi và trong mọi thế kỷ.

Sự dày vò không thể hiểu nổi này là cần thiết để “nổ tung các tầng trời ra từng mảnh,” như kiểu nói của Isaia, và để khiến Đấng Cứu Rỗi phải từ đó giáng thế. Sự giáng thế và lễ hiến tế của Đấng Cứu Rỗi vẫn chưa đủ. Điều cũng cần thiết là những đứa con khốn khổ của ngài phải đồng ý được cứu rỗi, và chúng ta thấy, sau mười chín thế kỷ, điều này không kém phần khó khăn.

Sau đó Đức Maria không còn biết phải làm gì nữa. Đến lượt ngài xuống thế. Ngài xuống thế, nước mắt giàn dụa, trên một ngọn núi, và phó thác nỗi đau mênh mông của ngài cho kẻ hèn mọn nhất trong các tạo vật, nói với nó nói điều đó cho toàn dân của ngài.

[*Người đàn bà hãy giữ im lặng.*] Sự vâng lời của Mẹ Thiên Chúa, người đã đến một cách có chủ đích sáu mươi năm trước để công bố ý muốn của ngài, là thiết bị duy nhất chưa ai nghĩ đến bao giờ.

Tuy nhiên, nó có thể được coi là đơn giản đủ. Đấng Chủ quyền của các vũ trụ đang tự *gây bất tiện* cho chính mình, nếu tôi dám phát biểu như thế, giống như Dải Ngân hà tự gây bất tiện cho chính nó khi tạo vật khôn lường này, kinh hoàng trước sự độc ác của loài người, phải quỳ gối trong sắc xanh đậm của tầng trời. Ngài tự gây bất tiện cho ngài để mang tới cho chúng ta với những dòng nước mắt của ngài (3) “các tin tức vĩ đại” về sự nguy hiểm to lớn của chúng ta. Nói như chỉ có Chúa Ba Ngôi mới có thể nói, vị Nữ Đại sứ này công bố việc sắp xảy ra các hình phạt và tai biến, và nói những điều cần phải làm để không bị diệt vong, vì những lời đe dọa mà ngài đưa ra là những lời đe dọa *có điều kiện* bắt đầu bằng những lời đầu tiên phát ra: “Nếu dân Ta không chịu tuân phục, Ta BỐ BUỘC phải để cánh tay của Con Ta buông xuống” (4).

Tôi xin hỏi, còn điều gì đơn giản hơn là hạ mình và vâng lời? Chính điều ngược lại đã được thực hiện. Đức Maria đã yêu cầu tuân giữ Ngày Thứ bảy và tôn kính thánh danh Con của ngài. Ngài muốn các luật lệ của Giáo hội được tuân giữ và muốn các con của ngài trong Mùa Chay không đi đến tiệm thịt, “như những con chó”. Ngài đã giao phó cho từng người trong hai người chẵn chẵn trẻ tuổi, nhưng đặc biệt cho Mélanie, một bí mật về sự sống và cái chết, bày tỏ nó như ý nguyện chính thức của ngài — kể từ khi được Đức Piô IX và Đức Lêô XIII phê chuẩn — rằng bí mật này phải được thông truyền đến toàn dân của ngài, sau một thời gian nhất định nào đó. Và cuối cùng ngài đã đưa ra, bằng tiếng Pháp, Quy tắc của một Dòng tu mới: “Các Tông đồ của Thời Sau”.

Thật khó, tôi không nói là tưởng tượng, mà thậm chí còn là quan niệm một lời khẩn cầu đầy thương cảm hơn: “Đã bao lâu rồi ta phải chịu đựng tất cả vì các con; trong mười chín thế kỷ, ta đã dẫn dắt qua các ngọn núi Bảy nỗi Buồn Sầu mà ta vốn là Người chẵn đất, bảy con chiên của Chúa Thánh Thần mà một ngày nào đó sẽ găm cò trên khắp thế giới; nếu ta muốn Con ta không bỏ rơi các con, ta phải nài nỉ Người không ngừng. Ta có thể làm gì cho các con mà ta chưa làm? Ta là Ai Cập và Biển Đỏ; Ta là Sa mạc và Manna; Ta là Cây nho rất xinh đẹp, nhưng ta đồng thời là Nỗi Khát thần linh và Cây Đòng đâm xuyên Trái tim của Đấng Cứu Thế. Ôi, hỡi các con của ta, ước chi các con hoán cải...”

Sau đó, chỗi dậy là những người đàn ông đội mũ tể (mitres) trên đầu và nắm trong tay những cây gậy chẵn chẵn của Chúa Kitô. Và những người này nói với Đức Mẹ: “Bây giờ đủ rồi! *Mulier Taceat in Ecclesia!* (người đàn bà hãy im lặng trong Giáo hội!) Chúng tôi là các Giám mục, các Tiến sĩ, và chúng tôi không cần ai, thậm chí không cần đến các Ngôi vị ở trong Thiên Chúa. Và lại, chúng tôi là bạn bè của Caesar và chúng tôi không muốn mọi người ồn ào gây rối. Những lời đe dọa của bà không hề làm phiền chúng tôi, và những người chẵn chẵn nhỏ của bà sẽ nhận được từ chúng tôi, ngay cả khi đã về già, chỉ là sự khinh miệt, nói xấu, nhạo báng, bắt bớ, nghèo đói, lưu đày và cuối cùng là quên lãng!...”

[*Sự thất bại rõ ràng của việc Cứu chuộc.*] Vì vậy, đó là những gì chúng ta vừa bước đến!

Nước mắt của Đức Maria và Lời lẽ của ngài đã được che giấu kỹ lưỡng cả sáu mươi năm nay đến nỗi thế giới Kitô hữu không hề hay biết gì về sự hiện hữu của chúng. Sự giận dữ khủng khiếp của Con ngài không bị nghi ngờ, ngay cả đối với những kẻ ăn Thịt và uống Máu của Người, và thế giới vẫn đi lại làm ăn như thường lệ. Tuy nhiên, nhiều lời tiên tri đặc biệt nhất trí khẳng định rằng thời đại của chúng ta được chỉ định để đền tội với Thiên Chúa, Đấng sẽ thực hiện Trận Hồng thủy gồm mọi Thảm họa. Chỉ một cái nhìn thoáng qua hoặc chỉ một phỏng đoán thôi cũng đủ khiến các quả địa cầu quay cuồng.

Sự bao la của vấn đề này đòi hỏi tầm nhìn mạnh mẽ của một vị tổng lãnh thiên thần. Trọn mười chín thế kỷ của Kitô giáo, tương đương với hàng trăm thế hệ, đã được rảy Máu của Chúa Kitô! Và kết thúc là gì? Thế kỷ hai mươi có thể tự hỏi mình điều chết lạng này. Niềm lạc quan mãnh liệt, một niềm lạc quan cho rằng từ đó đến nay, Tin Mừng đã được rao giảng cho mọi quốc gia chỉ có thể được duy trì trên báo chí ngoan đạo hoặc ở những lớp thấp nhất của trường học, đến trước những điều sơ đẳng của môn địa lý sơ đẳng nhất. Sự thật hoàn toàn chắc chắn là trong số mười bốn hoặc mười lăm triệu con người sinh sống trên thế giới của chúng ta, tối đa có một phần ba biết Danh thánh Chúa Giêsu Kitô, và chín mươi chín phần trăm của số một phần ba này biết nó một cách vô dụng. Về phẩm chất của phần còn lại, đó là một sự xấu hổ vô cùng mâu thuẫn, một thần đồng của sầu buồn, chỉ có thể ví với Bảy năm Sầu buồn không thể hiểu nổi của lòng từ bi Đức Maria.

Thực tại hiển nhiên là sự thiếu thành công của Thiên Chúa trên khắp trái đất, sự thất bại của Ôn Cứu chuộc. Những kết quả hiển hiện là đáng kinh ngạc về mức độ vô nghĩa của chúng, ngày càng trở nên trầm trọng hơn, đến nỗi người ta điên khùng tự hỏi liệu Đấng Cứu Thế có nên thoái vị hay không. "*Quae utilitas in sanguine meo, dum descendo in corruptionem?*" (Máu của tôi có ích lợi gì nếu tôi phải lâm vào cảnh băng hoại?) Quả thực đây là con Hấp hối trong Vườn [Dietsimani] như những người xuất thần đã thấy!

Ôi! Có ích chi khi đổ máu lênh láng như thế và rên rỉ thảm thiết như vậy, khi phải nhận rất nhiều cú đánh, quá nhiều khạc nhổ, rất nhiều roi đòn, bị đóng đinh một cách tàn bạo!

Có ích chi khi là Con Thiên Chúa và phải chết như một con người, chỉ để kết liễu, sau khi bị ma quỷ chà đạp suốt mười chín thế kỷ, với Đạo Công Giáo của thời đại chúng ta!

Sau điều trên, người ta còn phải nói gì về những người thờ ngẫu thần vô số mà trong số đó sẽ bắt công nếu không kể những người Công Giáo truyền thống, cố thủ trong sự chắc chắn không thể lay chuyển rằng họ đã được sàng lọc, phân loại từng hạt như lúa mì thánh thể, và sự đền tội không có gì liên quan với họ? Những điều này đặc biệt là đáng sợ. Những người man rợ hiển nhiên ở Châu Phi hoặc Polynesia, những thành quả nhân bản của nền văn hóa Châu Á ghê tởm, những chất đa hình quái dị của năng lực trí tuệ thấp hèn nhất, của lý trí suy thoái nhất - tất cả những điều bất hạnh này đều có những vị thần bằng gỗ hoặc bằng đá của chúng, một số rất quý dị và đen đúa đến mức người ta không thể cười cũng không thể khóc sau khi nhìn thấy chúng. Tuy nhiên, hãy chỉ cho họ thấy Chúa Giêsu trên Thập giá và phần lớn họ ngay lập tức sẽ trở thành hổ thẹn của khiêm nhường.

Rõ ràng Đức Mẹ La Salette không nói gì và không có gì để nói với những người Kitô hữu như vậy. Như thế, có phải Mẹ Thiên Chúa đã hiện ra trên núi một cách vô ích không? Thông điệp La Salette là tiếng thở dài buồn sầu nhất được nghe kể từ lời *Consummatum* (Đã Hoàn Tất). Ai dám nói Đức Trinh Nữ được "diễm phúc" (5) được nhìn thấy Máu của Con ngài đổ ra một cách vô ích trong nhiều thế kỷ, và Seraph đang ở đâu, người sẽ đặt giới hạn cho sự hành hạ này của Mẹ?

[*Họ sẽ không chịu xét mình.*] “*Tu es ille vir, tu fecisti hanc rem abscondite!*” (Người là người đàn ông đó, người đã làm điều này một cách bí mật!) Chúa Thánh Thần phán thế. Người là thủ phạm! lương tâm nói thế.

Bất kể tội ác được thực hiện là gì, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, những lời này phải được áp dụng vào mỗi người chúng ta một cách nghiêm minh và công bình. Các thánh luôn hiểu điều đó. Và bởi vì các linh mục gần gũi với Thiên Chúa hơn và do đó có trách nhiệm hơn, nên lẽ tự nhiên là họ phải là người đầu tiên bị tố cáo.

"Các con là ánh sáng thế gian!" Thầy của họ đã nói với họ như thế. Sẽ không bao giờ có bất cứ tuyên bố nào tích cực hơn. Nhưng chúng ta biết rằng ngọn lửa trần gian thuần khiết nhất, khi đặt trước mặt trời, sẽ tạo ra một cái bóng. Tương tự như vậy, nếu Ánh sáng của Thiên Chúa xuất hiện phía sau ánh sáng của thế gian, thì ánh sáng sau sẽ ngay lập tức phóng ra một cái bóng mờ đục, đen, dính, bản thủ không thể xuyên thủng. Đó hẳn là cảm giác của một linh mục khiêm tốn, người đang xét lương tâm của mình.

[*Phẩm giá Bao la của Đức Maria.*] Việc không ai hiểu Sự kiện La Salette là một hệ quả tự nhiên của việc thiếu hiểu biết hoặc không biết các Đặc ân vô biên không thể giải thích được của Đức Maria. Chỉ xét đến sự Vô nhiễm Nguyên tội của ngài, vốn là một mâu nhiệm đầy ngạc nhiên, điều cần lưu ý là tại Lộ Đức, ngài không nói "Tôi được tượng thai không tội lỗi," nhưng ngài nói: "Tôi là đấng Vô nhiễm Nguyên tội." Như thể một ngọn núi nói: "Tôi là Chiều cao." Đức Maria là tạo vật duy nhất có quyền nói về chính mình một cách tuyệt đối, như Chúa Kitô đã nói về chính Người khi Người nói: "Ta là Ánh sáng, là Sự thật và là Sự sống." "Quần áo làm từ Mặt trời," được đề cập trong Sách Khải Huyền, là quần áo của Sự tuyệt đối của ngài, ngài rất gần với Thiên Chúa và xa rời các tạo vật khác đến mức đòi một nỗ lực của lý trí không được nhầm lẫn. Tôi thậm chí còn dám nói, với nguy cơ có thể làm chính mình ra bối rối, rằng Lý trí và Đức tin càng phát triển, thì Mẹ Thiên Chúa càng lớn mạnh và người ta càng ít có khả năng đặt ra các giới hạn cho ngài, để phân biệt ngài.

Ôi! Tôi biết những lời này khôn cùng như thế nào! Ít nhất, chúng cũng có điều này có lợi cho chúng, là chúng ngang ngửa với sự khôn cùng trong tư tưởng con người. Một thiên thần, ngay cả khi người ta có thể lắng nghe bài phát biểu của ngài mà không bị tiếng sét ái tình đánh ngay từ âm tiết đầu tiên, làm thế nào một Thiên thần giải thích được việc có thể quan niệm về Đức Maria mà không cần quan niệm về chính Ba Ngôi, và vẫn có thể tri nhận ngài một chút nào đó trong ánh sáng chói lọi của Bóng tối vĩ đại?

Tại La Salette, ngài đã nói ở ngôi thứ nhất, như chỉ có Thiên Chúa mới có thể nói được. Điều này đã thu hút nhiều sự chú ý. Những gã đùng cảm lao về phía trước để dựng lên những bức tường của Giáo Hội, những bức tường mà ngôn ngữ như thế chắc chắn đe dọa sẽ san bằng xuống đất đen; để giải thích — ồ, thật yếu đuối — rằng tất cả các nhà tiên tri qui điển đều tự phát biểu như vậy và trong dịp này, Nữ hoàng đáng ngưỡng mộ của họ, giống như họ, chỉ là một phát ngôn viên, không hơn không kém. Không ai nghĩ đến việc hỏi Mẹ Thiên Chúa xem ngài có thể tự phát biểu chính ngài cách nào khác hơn. Trong Diễn từ công khai, Tên Con của ngài luôn đi kèm với những lời trách móc và đe dọa. Như thế, chúng ta được chỉ cho thấy ngài nói, trên hết và duy nhất, trong tư cách là Mẹ Thiên Chúa, trong tư cách là Đấng Tối Cao tuyệt đối, đến độ Con là Đấng Tạo Hóa của Mẹ dường như không thể làm gì nếu không được Mẹ cho phép. Hãy thử thay thế Ngôi thứ nhất bằng Ngôi thứ ba, để đọc chẳng hạn:

"Thiên Chúa đã cho các người sáu ngày để làm việc, Người giữ ngày thứ bảy cho chính

Người, và người ta sẽ không ban cho Người điều này." Ngay lập tức diễn từ này biến thành bài giảng của một số nhà giảng thuyết hoặc người khác khuyên đoàn chiên của mình thực hành nhân đức, và điều tạo nên đặc điểm của Diễn từ nổi tiếng này, vốn làm kinh ngạc biết bao tâm hồn — thâm quyền tối cao — sẽ biến mất.

Ngay lập tức phải cho rằng Đức Maria không phải là Thiên Chúa, mặc dù ngài là Mẹ Thiên Chúa.

Tuy nhiên, không có gì có thể phát biểu được phẩm giá của ngài. Về mặt thần học mà nói, không thể tôn thờ ngài vì điều này phóng đại lòng tôn kính mà ngài đáng có. Niềm vinh quang và sự trỗi vượt phổ quát của Đức Maria thách thức sự cường điệu. Ngài là ngọn lửa của Salômôn không bao giờ nói: "Đủ rồi!" Ngài là Địa đàng trần gian và là Giêrusalem trên trời.

Ngài là người được Thiên Chúa ban cho mọi điều. Nếu bạn nghĩ tới Vẻ đẹp của ngài, sẽ là chuyện chế giễu ngài khi nói ngài chính là Vẻ đẹp, vì ngài vô cùng cao hơn lời khen ngợi đó. Nếu bạn muốn tán dương Sức mạnh và Quyền năng của ngài, bạn không thể làm gì tốt hơn là nhìn nhận rằng ngài, sự thực ra, là tạo vật thấp bé nhất, vì ngài đã có thể đạt được điều kỳ diệu không thể tưởng tượng được là hạ mình xuống thấp hơn tất cả những vực thẳm mà trước chúng, ngài đã được quan niệm. Nếu bạn muốn chết, tất cả những người có thiện chí đang chết sẽ nằm trong Vòng tay của ngài. Nếu bạn đang yêu cầu được sinh ra, Đường Sữa [Dải Ngân hà] sẽ vọt ra từ Ngực ngài để nuôi bạn. Nếu bạn là một nhà thơ giỏi đến mức bạn có thể làm kinh ngạc Cặp đôi vô tội bên dưới những tán cây tiêu huyền Địa đàng, thì hình như bạn vẫn sẽ như đang bán những thứ hàng hóa thối rữa nhất, trọng lượng kém, bạn giống như một người buôn bán nô lệ hoặc một chủ nhà ở khu ổ chuột, khi bạn— ngay cả với nước mắt tuôn rơi và quỳ gối — rất mơ được nói một lời về Sự Trong Tráng của ngài, một điều này làm cho những giọt mồ hôi của kẻ trầm luân dưới đáy hỏa ngục trông giống như những giọt sương đọng vào một buổi sáng mùa hạ trên những chiếc màng nhện màu bạc và màu trắng đục được các con nhện rùng dẹt nên. “Các con có cầu nguyện cũng vô ích, các con có phấn đấu cũng vô ích: các con sẽ không bao giờ có thể đền đáp những đau đớn mà ta đã gánh chịu cho các con.” Giáo hội chiến đấu có tiếp tục trong mười nghìn năm nữa, dù có nên diễn ra hàng trăm công đồng, mỗi công đồng sẽ thêm một viên ngọc vô giá cho Trang phục của Nữ hoàng trên trời đi chăng nữa, tất cả những thứ này sẽ không làm được gì nhiều cho vẻ đẹp lộng lẫy của ngài cho bằng Chứng từ này của ngài với Chính ngài, trong hoang địa, trước hai trẻ nhỏ tội nghiệp.

Có ai biết rằng hôm nay, Chúa nhật thứ ba của tháng 9, là lễ Đức Mẹ Bảy Sự Thương Khó [Buồn Sâu] không? Và dọc theo các tuyến đầu, người ta có thể tìm được bất cứ ai, linh mục hay giáo dân, nhắc lại điều này cho những người đang chiến đấu không? Ngày này chính xác kỷ niệm 70 năm ngày Hiện ra của Nữ vương nước Pháp, đáng đến với nước mắt rơi để dự đoán những tai ương mà cuối cùng chúng ta sẽ bị tràn ngập. Có lẽ nó sẽ đem lại sức mạnh cho nhiều người để họ biết điều này, để suy nghĩ rằng Mẹ Thiên Chúa đã nhìn thấy họ rất lâu trước khi họ sinh ra tại chính nơi họ đang ở hiện nay, và ngài đã khóc từng người một trong số họ, cầu xin cha mẹ họ hoán cải lúc vẫn còn thời gian. Suy nghĩ này chắc chắn sẽ mang lại cho họ nhiều can đảm hơn so với các bài phát biểu của các bộ trưởng nội các hay việc đọc các thông cáo chính thức. Một giọt nước mắt của Đức Maria, đó quả là một điều gì đó! Một giọt nước mắt của Đấng Trong trắng nhất dành cho tôi, một người nghèo khổ đang chìm đắm trong Con lũ Giận dữ và Hối cải thân linh. Một giọt nước mắt của Bông hồng Mầu nhiệm dành riêng tôi, trong cái hố hôi thối này, nơi tôi thối rữa trong khi chờ đợi một cái chết có lẽ sẽ rất kinh khủng! Vì dù sao, ngài chỉ có thể khóc theo cách Con của ngài đổ Máu của Người

ra, nghĩa là cho từng người, được ngài và Con của ngài coi là có giá trị ngang bằng với toàn thể vũ trụ.

“Này là con bà,” Chúa Giêsu Kitô nói với ngài, chỉ rõ chúng ta từ trên Thập giá của Người. Dù sự tức giận của Người có ra sao, Người vẫn nói điều đó và nói mãi mãi. Người nói điều đó một cách đến nổi tiếng “đã hoàn tất” gây kinh hãi, trong gần hai ngàn năm qua, vẫn chưa có thời gian để diễn ra, và những Lời tối cao này của Chúa Kitô đang hấp hối, trong Tin Mừng, giống như một lời tiên tri trong Thánh vịnh vẫn chưa nên trọn. Tình mẫu tử này của Đức Maria cũng sâu thẳm, phổ quát, bất tận như Sự Cứu chuộc.

Trong các Giáo Hội thời xưa, đã từng hiện hữu các bức tranh diễn tả việc Đức Mẹ Bị Đâm Thâu được tôn kính không biết từ bao giờ; một Bà Mẹ nước mắt lưng tròng với bảy thanh gươm đâm thấu qua tim. Sự ngờ nghệch phạm thánh của Dòng Xuân Bích đã khiến phần lớn những hiện thân ngây thơ và mơ hồ của lòng mộ đạo cổ xưa của người dân này biến mất, và những người nghèo khổ đau buồn không còn biết phải đi đâu.

Tuy nhiên, một số ít ỏi những người bảo vệ khiêm tốn của Vương quốc Người Mẹ Khổ Sầu có thể đã nhìn thấy những bức ảnh như vậy, vào thời tuổi trẻ ban đầu của họ, khi những người mẹ đầy chăm sóc của họ đến quỳ gối trước Đấng An Ủi bị đâm thâu, dâng cho ngài một cây nến nhỏ rẻ tiền. Họ có thể đã quên nhiều, nhưng họ nhớ điều này, đặc biệt trong những giờ phút tối tệ nhất của họ, trong những đêm không ngủ, giữa mưa tuyết và những tiếng đạn pháo, khi trái tim giống như một hòn đảo hoang chỉ có những con tàu đắm dạt vào ghé thăm. Vào những giờ phút như vậy, chỉ một lời thôi cũng đủ khiến họ chìm đắm trong lời cầu nguyện.

Tôi nhớ mình đã từng có kinh nghiệm đó, cách đây 46 năm, khi quân Đức, những kẻ lúc bấy giờ xảo trá và đáng sợ như bây giờ, đang tiến hành một cuộc chiến ít bi ối hơn với chúng ta. Trong thời xa xưa ấy, niềm tin có lẽ cũng ít bị tan tác hơn. Tôi nghĩ tôi vẫn còn nhìn thấy Đức Trinh Nữ với bảy thanh kiếm thời thơ ấu của tôi tiến qua tiền tuyến của chúng ta, như một đại úy; mà tôi cũng không phải là người duy nhất nhìn thấy ngài. Đó là vào thời điểm phép lạ Pontmain, và phép lạ lớn hơn mang lại nhiều cuộc hoán cải — đặc biệt là của riêng tôi, nếu trí nhớ của tôi không lầm.

Sáng nay, Giáo Hội nói với Đức Maria, “Chúc tụng Chúa, Đấng dựng nên trời và đất, đã nâng Mẹ lên để đạp đạp đầu tên Thủ lãnh các kẻ thù của chúng con, vì hôm nay Người đã tôn vinh Danh Mẹ đến nỗi lời ca tụng Mẹ sẽ không rời môi miệng con người. Mẹ đã không tiếc linh hồn Mẹ vì họ, khi thấy sự lo âu và thống khổ của dân Mẹ; trái lại, Mẹ đã đứng lên trước mặt Thiên Chúa của chúng con để chống lại việc tận diệt họ”.

Do đó, ngài vẫn chưa hoàn toàn mất đi sức mạnh mà cách đây bảy mươi năm, ngài từng sợ rằng ngài không còn nữa, để “giữ lại Cánh tay của Con Mẹ”. Nếu đúng là những Lời thánh thiêng đó có tính nội tại tiên tri, thì tôi hỏi điều gì còn có thể làm yên lòng hơn, ngay cả đối với những con người kém đức tin, an ủi hơn cho những tâm hồn nhút nhát nhất, hơn chứng từ này, được mang như một ngọn đuốc chống lại việc bùng nổ cơn bão, bởi tiếng nói luôn bình tĩnh và nghiêm trọng của Giáo hội.

Ghi chú

1. *Celle qui Pleure* (Người Đàn bà khóc lóc) là tựa đề của một cuốn sách mà Léon Bloy đã viết về những diễn biến xảy ra tại La Salette, biến cố Đức Mẹ hiện ra với hai người trẻ chăn

chiên, Mélanie và Maximin, tại một ngôi làng vùng Đanphinê vào ngày 19 tháng 9, Năm 1846.

Những đứa trẻ này đã được nhìn thấy Đức Mẹ Đồng Trinh, người lúc đầu ngòai và khóc, sau đó đứng lên và báo trước những điều bất hạnh thảm khốc.

2. Những lời mà Trinh Nữ viết ở trên bầu trời tại Pontmain là: Mais priez donc, mes enfants. (Vây hãy cầu nguyện, các con của Mẹ.)

3. Với những giọt nước mắt của ngài! Các Thiên thần không khóc, nhưng Nữ vương của Thiên thần thì khóc, và đó là lý do tại sao ngài là Nữ hoàng của họ.

4. "Dân chúng không muốn nhượng bộ, và Kinh Thành của Đấng Tối cao buộc phải nhượng bộ!"

Hãy tưởng tượng các Thiên thần và các Thánh thốt ra tiếng kêu báo động này trên các tầng trời!

5. "Bienheureuse": được chúc phú và cũng rất hạnh phúc.

6. Léon Bloy và cảnh nghèo

Vũ Văn An

15/May/2022

Dù rất cảm phục Léon Bloy, nhưng ngay buổi đầu mới gặp nhà văn sau này trở thành cha đỡ đầu của mình, Raissa Maritain vẫn không thể không lưu ý đến cảnh nghèo của Ông. Bà kể lại rằng trong các bữa ăn tại nhà Léon Bloy, nhà văn thường xuất hiện với "chiếc áo khoác cần thận đóng cúc tới tận cổ. Phần lớn vì không có cổ áo sơ mi lên quá đó; hoàn toàn hiển nhiên là ông không mặc sơ mi" (1).

Cảnh nghèo

Chính Léon Bloy nói về cảnh nghèo của mình cho vị hôn thê nghe: "Em biết anh bất hạnh nhưng em không biết anh bất hạnh đến chừng nào. Anh muốn và anh phải không giấu em điều gì cả.

"Anh sẽ giải thích cho em khi anh mạnh mẽ hơn, nghĩa là lúc anh bớt tràn ngập bởi sầu khổ. Anh hoàn toàn không có tiền bạc và anh phải có ít tiền vào hôm đó... Anh không bao giờ có thể gửi chỉ trừ những món tiền nhỏ, và do đó lúc nào anh cũng phải bắt đầu lại. Anh không có phương tiện, và anh không kiếm được gì... Do đó, ngày nào anh cũng phải tìm một thứ tạm thời mới, cho dù anh có thể chết vì nó. Điều này bao gồm việc phải vô vọng tới lui Paris, các cố gắng ghê gớm để có được điều này điều nọ, sỉ nhục, mệt mỏi và lo âu đến chết đi được mà rất ít người, anh cam đoan với em, dám có can đảm chịu đựng. A, hạnh phúc thay những kẻ ở trên đời này bảo đảm có bánh ăn hàng ngày, nghĩa là mọi điều cần thiết cho sự sống cơ thể...



"Em Jeanne thân yêu, trong rất nhiều năm, kể từ ngày sinh ra đời, anh chưa bao giờ có gì ngoài đau khổ. Đặc biệt trong suốt 10 năm qua, anh hầu như lúc nào cũng phải chịu đói, lạnh, nóng, mệt lử, buồn thối sương, và cô đơn lạnh lùng...

"Khi cả ngày không phải ngược xuôi, dù không muốn, anh vẫn có ý nghĩ đáng sợ này 'ngày mai kiếm đâu ra tiền đây... Làm thế nào giữ mình khỏi chết đói đêm nay đây? Phải làm yên lòng ông chủ nhà ra sao, người anh chưa trả tiền trọ và là người, nếu ông thấy thích đáng, dám đề bẹp anh bằng những sí nhục thóa mạ?' Thành thử em thấy, nỗi thống khổ này ám ảnh anh mạnh đến nỗi quần bút rơi khỏi tay anh và anh không còn biết phải sắp xếp tư tưởng của anh ra sao nữa" (2).

Điều lạ là anh chàng văn sĩ nghèo rớt mồng tơi ấy lại được một người đẹp Đan Mạch, con nhà gia giáo, ít nhất cũng có của ăn của để, đem lòng yêu thương và lấy làm chồng. Đó chính là Johanne Molbech, cháu ruột nhà sử học, ngữ học, thi sĩ và giáo sư văn chương của triết gia Søren Kierkegaard, Christian Molbech, và là con gái của Christian Knud Frederik Molbech, một thi sĩ và nhà soạn kịch nổi tiếng. Gia đình Johanne sống hạnh phúc tại Copenhagen.

Nhưng theo Natacha Galpérine (3), chất của nhà văn, đến năm 24 tuổi, Johanne ngỏ lời với Cha muốn đi du lịch, tự mình muốn tự kiếm sống ở ngoại quốc. Thoạt đầu, người cha không chấp nhận. Nhưng ít lâu sau, Johanne lại xin cha một lần nữa và lần này người cha chấp nhận và hứa cùng đi với Johanne tới Paris, tại đây ông sẽ trao phó Johanne cho một ký túc xá để trau dồi tiếng Pháp, điều kiện đầu tiên để thực hiện các dự án sau này.

Thế là mùa hè 1883, Johanne vào ký túc xá Thệ phẫn của Mademoiselle Brian ở Paris. Nhờ cha quen biết rộng tại Paris, Johanne lui tới nhiều "salon" tại đây, nhất là với vợ chồng François Coppée, nhờ thế, biết rất nhiều văn sĩ và danh nhân. Cũng chính bà Coppée đã tháp tùng Johanne qua London tháng 4 năm 1884 và giới thiệu Johanne với rất nhiều văn nhân nghệ sĩ của Anh. Johanne ở lại London 4 năm, thoạt đầu rất thích đất Anh vì khung cảnh thiên nhiên ở đây và ngôn ngữ Anh gần gũi với Johanne, nhưng sau khi Cha mất năm 1888, Johanne mỗi lúc càng thấy Anh thiếu chiều sâu trong các sản phẩm nghệ thuật của họ, thiếu coi mở tinh thần trong các phong hóa của họ và thiếu yếu tố tuyệt đối trong tôn giáo của họ. Nên theo lời khuyên của mục sư Tarrant, Johanne quay trở lại Paris.

Theo Galpérine, 4 ngày sau khi trở lại đó, Johanne gặp Léon Bloy lần đầu, ngày 19 tháng 8 năm 1889, tại nhà Mademoiselle Read. Đó là một người đàn ông xa lạ, có dáng dấp nặng trĩu, nét mặt rầu rĩ. Thì ra ông ta mới chịu tang người bạn văn của mình, Villiers de l'Isle-Adam. Nhận định của Johanne: "chính dưới bóng tử thần mà chúng tôi gặp nhau lần đầu. Chàng đi qua đường tôi và tôi có cảm tưởng chàng không phải là người qua đường tầm thường" (4).

Ngày hôm sau, Johanne lại gặp Léon Bloy lần nữa, lần này tại "salon" của François Coppée, lúc đó đã là thành viên của Hàn Lâm Viện Pháp và vốn quen biết Bloy từ năm 1876. Tò mò trước con người được Coppée mô tả như con hổ đói với cặp mắt lớn hiền dịu nhưng với

Johanne là một con người thâm lặng và cô đơn, Johanne hỏi “người ấy là ai?” thì được trả lời: “ông ấy hả, ông ấy là một người ăn mày”. Nhưng ngay lập tức, Johanne nhủ thầm “Tôi có linh cảm một bất công to lớn và lập tức trái tim tôi bay về phía người đàn ông này...” (5). Jacques Maritain thì sau này, khi thuật lại biến cố, cho rằng Johanne còn nhủ thầm thêm “tôi sẽ cưới chàng”.

Sau đó họ gặp nhau thường xuyên hơn. Và Léon đã giúp Johanne gia nhập đạo Công Giáo ngày 19 tháng 3 năm 1890. Galpérine cho rằng “không còn gì chống lại cuộc hôn nhân của họ, nếu không là sự thận trọng sơ đẳng nhất ngăn cản một người đàn ông không có khả năng kiếm sinh kế”. Trong lá thư đầu tiên gửi cho mẹ của Johanne ngày 10 tháng 10 năm 1889, Léon Bloy viết rằng “con hoàn toàn nghèo, và dù rất yêu Cô Johanne, con chỉ có thể đem lại cho cô những niềm hy vọng không chắc chắn. Con chỉ có thể làm tình huống của cô mong manh hơn nếu con có diễm phúc và vinh dự rất lớn được cưới cô”.

Thành thử theo Galpérine, chính Johanne là người quyết định tiến tới hôn nhân với Léon. Nàng đi tìm Léon và nói với chàng: “Anh hoàn toàn kiệt sức vì buồn rầu và thiếu thốn. Rõ ràng anh đang tự giết anh. Vậy mà em cần anh... và anh có công trình phải làm. Chúng ta hãy cưới nhau không do dự dù chỉ một phút. Em khao khát chia sẻ cái nghèo của anh... Thiên Chúa đã ném chúng ta đĩa này vào đĩa kia, Người muốn kết hợp chúng ta, em tin chắc điều này và Người sẽ không bỏ rơi chúng ta” (6).

Lễ cưới của họ diễn ra ngày 27 tháng 5 năm 1890 tại nhà thờ Saint-Lambert de Vaurigard.

Dù Jeanne đem vào cuộc sống chung 4 ngàn phật lạng của mẹ cho, gia đình Bloy liên tiếp sống trong cảnh nghèo cùng cực. Đọc Galpérine, người chất của họ, dù tác phẩm này nhấn mạnh đến công trình văn chương của hai người, ta cũng hiểu cái nghèo cùng cực này ra sao. Galpérine nhắc tới “sự bất an toàn thường xuyên về vật chất”. Phần lớn phải sống nhờ sự giúp đỡ của bạn bè như tiền thuê nhà đầu tiên được Henry de Groux dùng khoản trợ cấp của Bộ Mỹ Thuật trả cho. Vì bệnh vực Tailharde, Bloy mất việc làm ở Gil Blas, ông viết: “điều này có nghĩa 0 phật lạng 0 xu, kể từ hôm nay, đối với vợ, các con và tôi”. Những lúc khác, ông viết “tôi trở về nhà trong một trạng thái tâm hồn kinh hoàng, sau khi đã tiêu hai xu cuối cùng để mua bó hoa cho Jeannes tội nghiệp của tôi”.

Cái nghèo của Bloy được nhiều người biết, đến nỗi một người Mạc Tư Khoa, ông hoàng Ourousof gửi, biếu 300 phật lạng. Nhưng không thăm thía chi, để dọn nhà, Jeanne tính đến chuyện bán chiếc ghim cài bằng kim cương, tặng phẩm của gia đình khi kết hôn. Nhưng sau cùng, may được gia đình Maud ở Anh, nơi Jeanne vốn làm gia sư trước đây, thanh toán giùm.

Năm 1895 được Galpérine và chính gia đình Bloy coi là năm kinh hoàng vì trong năm này khi dọn nhà khỏi phố Alésia để tạm trú tại ngõ hẹp Coeur-de-Vey gần đó, đứa con trai André mới có 11 tháng của họ qua đời ngày 26 tháng Giêng. Để chôn cất con, Léon Bloy phải cậy nhờ vào lòng tốt của ông chủ nhà ở phố Alésia. Nơi họ tạm trú quá dơ dáy và mặc dù ông hết sức cố gắng khiếu nại với nhà cầm quyền nhưng không ai lưu ý, gia đình ông phải sống tại đây trong 6 tháng. Nhờ vận động với Bộ Ngoại Giao, gia đình nhận được ngân khoản 500 phật lạng mới trả đủ tiền thuê để thoát khỏi “túp lều dịch hạch và kinh hoàng”.

Đứa con trai thứ hai ra đời ngày 24 tháng 9, đặt tên là Pierre, tưởng đem lại niềm vui vô tận. Không ngờ đến tháng 11, Jeanne ngã bệnh nặng, khiến Léon phải viết cho de Groux: “tôi chết cuồng vì buồn rầu, vì mệt mỏi và kinh hoàng! Đã hơn 60 tiếng đồng hồ tôi gần như một mình chăm sóc hai con nhỏ và mẹ chúng, không ăn uống, không ngủ nghỉ, trĩu nặng đau đớn và

không tiền bạc”. Số là Jeanne bệnh nặng gần chết phải vào bệnh viện 5 tuần. Chính trong năm tuần này, Pierre đã qua đời. Em đã được trao cho Viện Tiêu Chuẩn (Institut Normal), cho một bà vú nuôi từ thiện tại một vùng quê, xa khỏi Paris. Chỉ tám ngày sau, tức ngày 10 tháng 12, năm 1895, em qua đời. Em được chôn cất nhưng mộ em không được chúc lành. Léon Bloy buồn đến nỗi bỏ luôn cả việc viết Nhật Ký hầu như từ đó đến hết năm 1896.

Trọn cái năm kinh hoàng 1895 ấy được ông đưa vào phần thứ hai của cuốn *La Femme Pauvre* và dĩ nhiên nhân vật chính là Jeanne.

Năm cuối cùng thế kỷ 19, gia đình trở về Copenhagen, sống ở đây 17 tháng. Đan Mạch không làm ông thoải mái vì bầu khí Thệ Phản. Muốn trở về Paris, ông phải nhờ khoản ứng trước của Valette, chủ nhà xuất bản Mercure, cho tác phẩm *Fils de Louis XVI* sẽ xuất bản sau đó.

Ngày 19 tháng 11 năm 1901, ông ghi Nhật ký “Ngày kỷ niệm lần thứ 42 của Jeanne. Tôi đau khổ vì hôm nay không thể tặng gì cho Jeanne nhân ngày sinh nhật của nàng”.

Lý do của cảnh nghèo

Cái nghèo cứ bám riết gia đình Léon Bloy. Ngày 12 tháng 4 năm 1904, nhờ tiền ứng trước của nhà xuất bản Mercure, gia đình dọn tới Montmartre. Lần dọn nhà thứ 13. Và đây là lần dọn nhà thoải mái hơn cả. Khởi đầu cho một thời kỳ được mệnh danh là thời kỳ của “Những Tình Bạn Lớn” vì gặp hai gia đình sau này trở thành con đỡ đầu là Jacques và Raissa Maritain và vợ chồng văn sĩ Hòa Lan Pierre Van der Meer de Walcheren.

Trong lá thư gửi cho vị hôn thê đã trích dẫn trên đây, Bloy viết rằng “Anh thường bị tố cáo là lười biếng. Có lẽ đúng như thế. Thế nhưng há không ngạc nhiên hay sao khi anh đã có thể viết được một vài cuốn sách trong thời gian khốn đốn đó?”.

Nhưng sách ông viết không bán được. Galpérine đưa hai thí dụ: cuốn *La Femme Pauvre* do nhà Mercure de France của Valette ấn hành năm 1897 với 2,000 bản mà mãi tới đầu tháng 4 năm 1913 mới bán hết. Cuốn *Le Mendiant Ingrat* in năm 1898, với 1,200 bản mà 10 năm sau vẫn còn đủ để nhà Mercure mua lại mang bán.

Chính vì thế Thi sĩ Jehan Rictus, bạn của Léon Bloy, thấy cảnh nghèo của ông “giày cũ dính đung cả bàn chân còn quần áo thì đầy bụi với màu thành quách”, đã khuyên ông, với sự đồng lõa của Alfred Vallette, viết một loại sách khác với loại sách ông đang viết, dưới một tên giả. Theo Rictus, vì sự ngoan cố đặt không đúng chỗ của mình, Léon Bloy đã “kết án vợ con vào cảnh khốn cùng”.

Đề nghị ấy làm Jeanne Bloy phải viết cho Rictus: “Rictus thân mến của tôi! Tôi nhận được thư anh khi vắng mặt chồng tôi và tôi không cản được mình hỏi âm ngay lập tức, vì điều làm đau lòng chồng tôi cũng làm tôi đau lòng [...] Anh biết cho rằng chúng tôi chỉ lệ thuộc *một mình* Thiên Chúa mà thôi, không những Léon có quyền mà còn có bổn phận lôi kéo người thân của mình vào con đường sáng láng là cảnh nghèo hoàn toàn, Thiên Chúa, Đấng nuôi sống chúng tôi không cần bất cứ ai để tiếp tục bảo vệ chúng tôi [...] Chỉ có một cách hành động hữu hiệu cho Léon Bloy là cầu nguyện cho anh ấy duy trì được *Đức Vâng Lời*” (7)

Chính Léon cũng viết cho Rictus: “Anh viết cho tôi 4 trang giận dữ và vô nghĩa [...] Anh đổ lỗi cho tôi điều làm tôi vinh dự và anh trách cứ tôi vì tôi nghèo. Anh vốn đọc sách của tôi,

anh vốn phổ biến cho tôi, anh nói anh thương tôi, nhưng anh vẫn chưa hiểu tôi là người Công Giáo! Thật khủng khiếp”.

Hiếm người đồng thời nào hiểu Léon Bloy như linh mục Bros, một trong ba linh mục nghèo ở Paris năng lui tới với gia đình Bloy vì cảm phục văn tài của ông. Theo Galpérine, cha Bros nhận định về gia đình Bloy như sau: “Bloy và vợ của ông bận tâm đến cuộc sống siêu nhiên và sống đức tin của họ một cách trọn vẹn. Sự khốn khổ sâu sắc mà họ phải vật lộn không tách họ khỏi Thiên Chúa, nhưng liên kết họ với một mình Người. Sự cô lập của họ với những cư dân của Lagny do hoàn cảnh vật chất của họ gây ra cũng nhiều như 'tính tuyệt đối' trong tinh thần Kitô giáo của họ.

"Lagny lúc đó là một thị trấn giống như bao thị trấn khác ở vùng ngoại ô Paris, dân cư là những nhân viên làm việc ở Paris và những người chủ cửa hàng, nói chung, những nhà tư sản nhỏ có suy nghĩ nhưng sống thu mình vào chính họ [...] Léon Bloy là người nghèo và tuyệt đối. Sự hiểu lầm là điều chết người [...] Đối với chúng tôi là bạn bè của ông, chúng tôi biết rằng Thiên Chúa tự hòa lẫn Người vào cuộc đời đau khổ của ông, ông đọc Kinh thánh và tìm thấy ở đó một khái niệm về lịch sử, giống như Bossuet, ông tin vào một sự quan phòng mầu nhiệm ẩn dưới các biến cố. Cầu nguyện đối với ông là một sự tiếp xúc với Thiên Chúa. Vợ chồng ông Bloy cảm thấy được hướng dẫn một cách siêu nhiên, họ chờ đợi sự mặc khải và phép lạ [...] Ngoài ra, trong cơn túng quẫn, cả gia đình đã đến nghĩa trang, cầu nguyện bên những ngôi mộ của người nghèo và tôi thường nhận thấy rằng hành động tự tin này đã được đền đáp bằng một sự trợ giúp bất ngờ. Nơi Léon Bloy, chúng ta không tìm kiếm nhà học giả hay nhà thần học; ông là một người đam mê đầy trực giác... Chúng tôi hiểu những tiếng la hét thóa mạ của ông: ông vốn phải chịu đựng một sự khốn cùng đáng thương; nhưng chiều sâu đức tin của ông, việc ông tìm kiếm Thiên Chúa trong mầu nhiệm đau thương và nghèo đói, lòng tin tưởng của ông vào hành động vô hình của Thiên Chúa trên thế giới vẫn là một chứng từ tuyệt vời mà chúng ta phải thu thập” (8).

Ông tự gọi mình là người ăn mày và là người ăn mày vô ơn. Trong cuốn “Le Mendiant Ingrat” (người ăn mày vô ơn) xuất bản năm 1895, ông tự hào viết ở trang đầu:

“Tôi là kẻ ăn mày và nghèo khổ, Tv 39.

Khốn cho kẻ không ăn mày!

Không có gì vĩ đại hơn ăn mày.

Thiên Chúa ăn mày. Các Thiên thần ăn mày. Các vị vua, các nhà tiên tri và các vị thánh ăn mày.

Người chết ăn mày.

Tất cả những gì trong Vinh quang và Ánh sáng ăn mày.

Tại sao mọi người lại muốn tôi không được vinh danh mình vì là một người ăn mày, và hơn nữa còn là ‘kẻ ăn mày vô ơn’?

Phần đầu tiên và khủng khiếp nhất của cuộc đời tôi được kể lại trong cuốn *Le Désespéré*.

Đây là bốn năm cuối cùng xem ra có vẻ khá đen tối.

Tôi nghĩ rằng mình làm tốt khi công bố một số suy nghĩ mà hàng ngày sự khốn khổ của tôi đã đề nghị với tôi.

Theo quan điểm của riêng nền văn học Pháp, không phải là điều vô ích khi người ta biết thế hệ của những kẻ bại trận vào năm 1870 đã cư xử ra sao với một nhà văn kiêu hãnh, không muốn tự đánh đĩ mình” (9).

Quan điểm về cảnh nghèo

Kẻ ăn mày vô ơn, vì theo Emmanuel Godo (10), ông cho rằng của bố thí là một đền bù phần nào cho các hiệp đáp mà ông phải chịu. Thực vậy, khi một người vô danh gửi cho ông 20 phật lạng ngày 24 tháng 12, năm 1904, ông viết cho họ:

“Ông thân mến, tôi bắt đầu bằng việc ôm hôn ông một cách rất triu mến, nếu ông cho phép. Tôi sẽ không cảm ơn ông, trước nhất vì ông nói với tôi rằng việc ấy làm ông méch lòng, sau đó vì tôi không biết cảm ơn. Khi người ta làm cho tôi điều gì, tôi khen ngợi họ, bất kể họ là ai, vì đã làm một cử chỉ đầy bác ái như thế, vì xác tín rằng đó là một ân sủng quý báu họ đã nhận được. Ông thân mến, ông phải hiểu suy nghĩ của tôi. Một vinh dự và một hạnh phúc to lớn là được mời gọi đền bù phần nào sự bất công to lớn tôi đang phải chịu. Ông tưởng ông đã gửi cho tôi 20 phật lạng. Nhưng không biết sự giàu có của ông, thực tế, ông đã gửi cho tôi 20 triệu. Sự lầm lẫn này không xảy ra nơi một nhà tư bản. Phải nghèo mới lầm lẫn như vậy” (11).

Ở một chỗ khác, ông viết: “sáng nay, ở nhà thờ, một ý nghĩa độc đáo xuất hiện, tôi không biết do đâu: ‘này anh nghèo, anh đang tìm tiền bạc. Chẳng có gì đơn giản hơn. Hãy tìm đến người nhà giàu này hay người nhà giàu nọ và nói một cách có uy quyền: hãy nói với họ, tôi cần điều này và điều này sẽ được trao cho anh. Đây không phải là chuyện xin xỏ, mà là đòi hỏi. Há mọi sự không thuộc về anh hay sao’” (L. Bloy, *Le Mendiant ingrat*, p. 129. Ghi chú ngày 8 tháng Giêng, 1895).

Tiến xa hơn nữa, ông tự coi mình là người có sứ mệnh bênh vực người nghèo: Trong cuốn *Dernières colonnes de l'Église*, ông viết:

“Niềm xác tín rất sâu sắc và không gì lay chuyển được của tôi là tôi sẵn sàng trở thành nhân chứng của Thiên Chúa, người bạn rất chắc chắn của Thiên Chúa người nghèo và người bị áp bức, khi đến giờ, và không có gì có thể thắng được lời kêu gọi này. Tôi có vinh dự vô song và lạ lùng trở thành cần thiết cho Đấng vốn không cần đến ai, và tôi đã được ướp muối bằng nỗi đau cho suốt cuộc hành trình dài. Văn chương, điều mà tôi không sống nhờ và không phải là đối tượng của tôi, từ lâu đối với tôi chỉ như một công cụ nào đó của nỗi thống khổ của tôi, trong khi chờ đợi ngày của tôi đến. Nhưng hình thức đặc biệt, khía cạnh mong muốn, loại thiết yếu của cuộc khổ nạn của tôi, là Cảnh khốn cùng” (*Thư gửi Louis Montchal*, Nhật Ký, ngày 16 tháng 1 năm 1895).

Chữ cảnh khốn cùng là chúng tôi dịch chữ *La Misère*. Léon Bloy phân biệt nó với cảnh nghèo (*pauvreté*): “Cảnh nghèo tụ tập người ta, cảnh khốn cùng cô lập họ, vì cảnh nghèo là của Chúa Giêsu, cảnh khốn cùng là của Chúa Thánh Thần. Cảnh nghèo là điều tương đối, thiếu điều dư thừa. Cảnh khốn cùng là điều tuyệt đối, thiếu điều cần thiết. Cảnh nghèo bị đóng đinh, cảnh khốn cùng là chính thập giá. Chúa Giêsu vác Thánh giá, chính là cảnh nghèo vác cảnh khốn cùng. Chúa Giêsu trên Thánh giá, chính là cảnh nghèo rỉ máu trên cảnh khốn cùng” (12).

Triết lý của Léon Bloy về người nghèo và cảnh nghèo, như trên đã nói, soáy khá sâu vào mâu nhiệm lịch sử. Robert Ziegler (<https://journals.openedition.org/studifrancesi/294>) nhận định rằng chính từ vị dẫn dắt tinh thần của ông, Cha Tardif de Moidrey, người đã đưa ông tới với Đức Mẹ La Salette hồi tháng 8 năm 1879, mà Léon Bloy rút tia được ý niệm về một đại số học phổ quát (universal algebra), một hệ thống giải thích toàn diện “mật mã” lịch sử: Cảnh nghèo, khi được thánh hiến bằng việc chấp nhận một đau khổ tuyệt đối, là điều sẽ đẩy nhanh “việc xuất hiện của Đấng nghèo hoàn toàn, nơi Người tóm lược mọi điều ghê tởm tuyệt diệu

nhất của cảnh khốn cùng” (13).

Nhân vật Clotilde của Léon Bloy trong *La Femme Pauvre* “hiểu rằng... Người Đàn Bà chỉ hiện hữu thực sự với điều kiện không đau đớn, không chỗ trú, không bạn bè, không chồng con, và chỉ như thế nàng mới có thể buộc Đấng Cứu Vớt nàng tới” (14).

Vì thế, theo Ziegler, người nghèo của Bloy là những người đẩy nhanh ngày chung cục. Tuy nhiên, Léon Bloy không hề ca ngợi cảnh nghèo. Thực vậy, theo Godo (15), với Bloy, cảnh nghèo là nỗi kinh hoàng, là nhơ nhớp, là xúc phạm, là xấu xí và ghê tởm. Chỉ có điều, đồng thời nó duy trì nơi con người điều chủ yếu hơn cả. Cảnh nghèo là mất phẩm giá và là phẩm giá, là thiếu thôn và triều thiên, là tai tiếng và hứa hẹn: Bloy là nhà văn của chữ và này.

Từ cảnh nghèo này, Bloy đã giơ cao ngọn cờ. Ông là nhà văn khốn cùng, người có thể kiếm tiền bằng tài năng và thiên phú của mình nhưng đã chọn sống trung thành với chân lý vốn “kết án” ông vào vị thế không thoải mái. Cảnh nghèo là công nạp phải trả để bước vào sự sống của Thiên Chúa và đau khổ là thể nền của Đức Tin, Đức Cậy và Đức Mến (16).

Chính vì thế, theo Godo, Bloy không trình bày cảnh nghèo như một tệ nạn phải đánh đổ vì ông biết cuộc chiến đấu chống cảnh khốn cùng là bộ mặt khác của việc thánh thiêng hóa sự giàu có và là việc tự vinh danh quyền lực của tiền bạc. Với một thế kỷ chỉ đong đo mọi sự bằng tiền bạc, ông chú tâm nói đến sự vĩ đại của cảnh nghèo, ví mồ hôi của người nghèo như mồ hôi máu của Chúa Kitô trong vườn Diếtsimani.

Thực vậy, trong *The Pilgrim of the Absolu*, các tr. 181-183, ông đề cập tới hệ thống kỹ nghệ mà người Anh vốn gọi là “sweatshop”, tức hệ thống mồ hôi, tổ chức việc làm hợp lý, hình thức tận nô lệ nhằm hạ phẩm giá con người. Sự kinh hoàng này đạt tới tuyệt đối với việc sử dụng trẻ em làm việc, những đứa trẻ mà Chúa Giêsu bảo phải để các em đến với Người. Ông viết:

“Nhưng là mồ hôi nào? Trời đất, theo sau chữ này, không thể nào không nghĩ tới Diếtsimani, không nghĩ đến việc Môsê, người muốn toàn bộ Ai Cập trào máu để hình dung trước các con đau đớn dữ dần lúc chết của Con Thiên Chúa. Có phải Người, Đấng đã gánh lấy tất cả những nỗi buồn có thể tưởng tượng được và tất cả những nỗi buồn không thể tưởng tượng được, lúc đó đã đổ mồ hôi máu theo kiểu này hay không? Mồ hôi máu như một hệ thống! Mồ hôi máu của Chúa Giêsu dự định trở thành đối tác thâm lặng của các nạn đói và thảm sát! ... [...]

"Thánh sử Luca đã nghe Mồ hôi máu của Chúa Giêsu Kitô rơi xuống đất, từng giọt một. Tiếng động này quá nhẹ, không đủ đánh thức các môn đệ đang ngủ, hẳn đã được các chòm sao xa nhất nghe thấy và đã đặc biệt thay đổi hành trình lang thang của chúng. Chúng ta phải nghĩ gì về âm thanh, nhẹ nhàng và ít được lắng nghe hơn, của vô số bước chân những trẻ em tội nghiệp đi làm nhiệm vụ đau buồn và khốn khổ của chúng do những kẻ đáng nguyên rủa đòi hỏi, nhưng tất cả đều không hề hay biết và những người khác cũng không hề hay biết, là các em đang tiến về phía người anh trai của các em trong Vườn Hấp Hối, người kêu gọi các em và chờ đợi các em trong vòng tay đầm máu của Người? *Sinite pueros venire ad me. Talium est enim regnum Dei* (Hãy để các trẻ nhỏ đến ới Thầy. *Sinite pueros venire ad me. Talium est enim regnum Dei* .Vi nước Thiên Chúa là như thế)".

Ông nói, sự nghèo khó, “chẳng khác gì Người Phôi Ngẫu của Con Thiên Chúa, và khi đám cưới vàng của nàng diễn ra, những người đi chân đất và cơ cực sẽ chạy đến từ tận cùng trái đất, để chứng kiến nó” (tr. 184). Điều này dễ hiểu, vì theo Bloy, “Thiên Chúa là Người

Nghèo từ trong yếu tính và nghèo một cách tuyệt vời” (17).

Ông nói tới nghĩa địa người nghèo và nghĩa địa chó nhà giàu, những “tên đầu giả” dành cho chó má nhà mình những ngôi mộ hoành tráng, trong khi không cho “anh em” nghèo sắp chết của mình dù là một xu. Chính vì thế ông bảo giàu có là một sỉ nhục đối với Thiên Chúa, Đáng trong yếu tính vốn nghèo và nghèo một cách triệt để.

Về khía cạnh này, David Bentley Hart, người viết dẫn nhập cho cuốn *The Pilgrim of the Absolute* do Cluny Media tái bản năm 2017, viết như sau:

“Không có yếu tố nào trong tư tưởng của Bloy thuần túy có tính kinh thánh hơn niềm xác tín của ông rằng tình yêu thực sự đối với người nghèo phải được phát biểu, trong số những điều khác, như việc lên án kiên quyết đối với những người giàu có. Ở đây, ông đã chứng tỏ mình là người thừa kế không chỉ đối với các nhà tiên tri của Israel, với những lời tố cáo đình tai của họ đối với những kẻ giàu có trán lộn, mà còn đối với các tác giả Tin Mừng và các Tông đồ. Tất nhiên, văn hóa Kitô giáo đã dành phần tốt hơn của hai thiên niên kỷ để cần mẫn tránh né ý nghĩa thẳng thừng của rất nhiều tuyên bố Tân ước về trạng thái tinh thần của những người giàu có, và từ chối thừa nhận mối quan tâm ít nhiều độc hữu của Chúa Kitô dành cho những người *ptōchoi*, những người nghèo khổ cùng cực. Đối với Bloy, sự cố ý quên này có lẽ là tai tiếng lớn nhất trong lịch sử Kitô giáo; và ông đã tiếp nhận một lối tu từ học đối với những người giàu có, mà dù rất dữ dội, vẫn không đáng sợ hơn ngôn ngữ của Tân Ước: lời tiên tri của kinh Magnificat về sự triệt hạ đáng đời những người có đặc quyền (*Lc* 1:53); Sự cảm đoán minh nhiên của Chúa Kitô về việc thu tích của cải trần thế (*Mt* 6:19-20); mệnh lệnh của Người rằng các môn đệ của Người phải bán hết tài sản của mình (*Lc* 12:33); việc đoán chắc của Người rằng không ai bám lấy của cải mình có thể là môn đệ của Người (*Lc* 14:33); những thiếu thốn mà Người hứa sẽ giáng xuống những người giàu có trong thời đại sắp tới (*Lc* 6: 24–25; xem 16:25); Những lời buộc tội gay gắt của Thánh Giacôbê đối với người giàu như những kẻ đàn áp người nghèo, giờ đây phải đối diện với cơn thịnh nộ của Thiên Chúa (*Gcb* 1: 9–11; 2: 5–7; 5: 1–6); và vv.

Đối với Bloy, việc người giàu có tìm cách vào Nước Trời thực sự chỉ có xác suất như việc con lạc đà chui qua lỗ kim; và hơn một lần ông đã vẽ những bức chân dung tâm lý hài hước về các Kitô hữu giàu có hoàn toàn tin chắc rằng Thiên Chúa thực sự yêu mến họ và bất cứ tuyên bố biểu kiến nào trong Kinh thánh nói ngược lại đều bị hiểu lầm hoặc bị bóp méo trong khi lưu truyền. Một trong những nhận xét dí dỏm có tính tạt axit tuyệt vời nhất nhưng cực kỳ gây xúc động trong bộ sách này là gợi ý của ông rằng những người xây dựng Tháp Babel tìm cách làm mưa làm gió trên thiên đường không chỉ bằng cách leo lên tận ngưỡng cửa của nó, mà chủ yếu còn bay cao trên “các thiên thần trần trỗng” ở đường phố bên dưới. Đối với tâm tư của Bloy, cái tên khinh thường hạ cấp nhất mà ông có thể gán cho ác quỷ là *Le Bourgeois* [tên Tư sản]— Tên Tư Sản Đời Đời, trên thực tế, vốn là kẻ giết người từ thuở ban đầu. Thành thật mà nói, ngôn ngữ của ông đôi khi nghiêng về một loại thuyết nhị nguyên kiểu Manikêô hoặc thuyết ngộ đạo, với dàn diễn viên phong phú trong các vai *Archons* (*) của niên kỷ này, mà dưới quyền lực của họ, toàn bộ vũ trụ mòn mỏi trong dày vò và bóng tối. Theo suy nghĩ của ông, sự giàu có không cân xứng của một số ít người may mắn, nhờ bòn rút từ sức lao động và các nguồn lực chung, không phải là quyền của họ, cả khi nó có thể cũng là sản phẩm của sự cần cù và khéo léo của họ; tệ hơn thế, theo mức độ nó không tới tay người nghèo, thì nguyên nhân nó chỉ là ăn cắp và sát hại. Đây là một chủ trương đạo đức, không phải kinh tế; Bloy không nói như thế sự giàu có của thế giới chỉ là một loại số lượng cố định, hay như thế sự thừa thãi của một người nhất thiết là sự thiếu thốn của người khác; ông chỉ tin rằng những người giàu có và giữ của cải cho riêng mình, ngay cả khi những người nghèo tiếp tục đau khổ

và chết chóc, trong mắt Thiên Chúa là những kẻ giết anh chị em của mình.

Chỉ theo nghĩa này, ông đã tuyên bố rằng niềm vui của người giàu là nỗi đau khổ của người nghèo, và—trích dẫn một trong những hình ảnh nổi tiếng nhất của ông—vàng của người giàu là máu của người nghèo, chảy qua các định chế và bất động sản của một số ít người có tài sản. Sự giàu có lớn là chủ nghĩa ma cà rồng cuối cùng, phổ biến nhất trong số những kẻ ăn thịt người. Tuy nhiên, Bloy nói, từ vọng nhìn ma quái của thời đại này, nghèo đói là nỗi xấu hổ lớn lao nhất, một tội lỗi thực sự khôn lường; và vì vậy, Chúa Kitô khi trở thành một con người cũng mặc lấy cảnh nghèo thực sự về vật chất của những người bị lãng quên và bị bóc lột, và do đó cũng mặc lấy “tội lỗi” của tất cả mọi người nam nữ. Trong lối hiểu của ông về dụ ngôn Người Giàu Có và Ladarô, Ladarô chính là Chúa Kitô, bị để mặc cho chết trong cát bụi, chỉ được lũ chó xót thương. Và sự huyền bí về cảnh nghèo này đã cho thấy những chiều sâu thăm nhất trong đức tin của Bloy. Quan trọng hơn, bức tranh của ông về xã hội của chúng ta như một nền kinh tế Satan đòi hy sinh, được nuôi dưỡng bằng máu không ngừng tuôn đổ của người cùng khổ - dù gây kinh ngạc như nó có thể gây ra do cường độ mãnh liệt tuyệt đối của nó - là một biểu thức không những của “thiên tài căm thù” của ông, mà còn là biểu thức của năng lực yêu thương một cách anh hùng của ông. Và điều này quả đúng như thế”.

(*) Trong ngộ đạo thuyết, "Archons" là những người xây dựng vũ trụ vật chất. Trong phái Manikêô, "archons" là người cai trị một lãnh vực trong "Vương quốc bóng tối".

Ghi Chú

- (1) *We Have Been Friends*, 106
- (2) *The Pilgrim of the Absolute*, 26-28
- (3) *Jeanne et Léon Bloy, Une Écriture à Quatre Mains*, Cerf (2017)
- (4) Dẫn nhập vào *Lettres à sa Fiancée*, trích dẫn trong *Correspondance Léon Bloy/Johanne Molbech* (1889-1890), Paris, Classiques Garnier, 2010, p. 289.
- (5) *Ibid.*, p. 290
- (6) Trích dẫn bởi *J. Bollery*, t. II, p. 351
- (7) *Jeanne et Léon Bloy, Une Écriture à Quatre Mains*, Cerf (2017) (p. 147)
- (8) *Ibid.* p. 140
- (9) Léon Bloy, *Le Mendiant ingrat*, *Journal de l'auteur*, 1892-1895, collection XIX, p. 5
- (10) Emmanuel Godo, *Léon Bloy*, Les Éditions du Cerf, 2017
- (11) L. Bloy, *L'Invendable*, p. 552.
- (12) Xem Patrick Kéchichian, <https://doi.org/10.3917/commun.255.0106>
- (13) L. Bloy, *Le Désespéré* cit., p. 178.
- (14) L. Bloy, *La Femme pauvre*, Paris, Mercure de France, 1971, p. 392.
- (15) Emmanuel Godo, *Léon Bloy*, Les Éditions du Cerf, 2017
- (16) L. Bloy, *Le Mendiant ingrat*, p. 77. Thư ngày 16 tháng 2, 1894.
- (17) L. Bloy, *L'Invendable*, p. 643. *Thư gửi Philippe Raoux* ngày 12 tháng 5, 1907

7. Léo Bloy viết về Cảnh nghèo

Vũ Văn An

23/May/2022

Trong bài trước, chúng tôi đã nói tới cảnh nghèo và quan niệm của Léon Bloy về cảnh nghèo. Thiên nghĩ bài ấy vẫn chưa nói hết được quan điểm của Léo Bloy nhất là cung cách ông sử dụng thiên tài văn chương để nói về nó, sau đây chúng tôi lược dịch các chủ đề được chính

ông soạn tác về cảnh nghèo, rút ra từ Tuyển tập *The Pilgrim of the Absolute* do vợ chồng triết gia Jacques và Raissa Maritain thu thập và hiệu đính.



[*Ego sum Pauper* (Tôi là người nghèo)]. “Người nghèo luôn ở bên các ông”. Kể từ khi những Lời sâu thẳm này được thốt ra, không người nào có thể nói Cảnh Nghèo là gì.

Các vị Thánh, các vị từng kết duyên với nó vì tình yêu và sinh ra nhiều con cái từ nó khẳng định rằng nó đáng yêu vô hạn. Những ai sẽ không có người bạn đời như vậy đôi khi chết vì kinh hoàng hoặc vì tuyệt vọng vì nụ hôn của nó, và hàng đoàn lũ con người “từ trong bụng mẹ cho tới lúc xuống mồ” không hề biết phải nghĩ gì về con quái vật này.

Khi Thiên Chúa bị chất vấn, Người trả lời rằng Người là Người Nghèo: *Ego sum pauper*. Khi Người không bị chất vấn, Người biểu lộ sự tráng lệ của Người.

Tạo thế dường như là một bông hoa của Cảnh Nghèo vô hạn; và kiệt tác cuối cùng của Người, Đáng được gọi là Đáng Toàn năng, là để chính Người bị đóng đinh như một tên trộm, trong tình trạng Nhục Nhã tuyệt đối.

Các Thiên thần im lặng và Ác quỷ run rẩy xé lưỡi chúng để không nói. Chỉ những kẻ ngu ngốc của thế kỷ trước này mới đảm nhiệm việc làm sáng tỏ màu nhiệm. Trong khi chờ đợi vực thẳm nuốt chửng họ, Cảnh Nghèo lặng lẽ di chuyển với chiếc mặt nạ và chiếc sàng của mình.

Lời lẽ trong Tin Mừng Thánh Gioan áp dụng vào nó một cách tuyệt vời xiết bao! “Nó là ánh sáng chân thực soi sáng cho mọi người sinh ra ở trên đời. Nó ở trong thế gian, và thế gian được tạo ra nhờ nó, nhưng thế gian không biết nó. Nó đến nhà nó, và nhà nó không tiếp nhận nó”.

Nhà nó! Đúng, chắc chắn như thế. Há nhân loại không thuộc về Cảnh Nghèo hay sao? Không có con thú nào trần trụi như con người, và chuyện người giàu giống như người nghèo ra sai lạc nên trở thành phổ biến.

Khi sự hỗn loạn của thế giới đang đảo lộn này được làm rõ mạnh mẽ, khi các vì sao tìm kiếm cơm bánh của chúng và chỉ những thứ rác rưởi bị khinh miệt nhất mới được phép phản chiếu Sự Huy Hoàng; khi chúng ta biết rằng không có gì ở đúng vị trí của nó và loài người có lý trí của chúng ta chỉ sống dựa vào những bí ẩn và ảo tưởng, mới dễ dàng xảy ra việc những hành hạ của người khốn khổ có thể tiết lộ sự khốn khổ trong linh hồn của người triệu phú,

một sự khốn khổ về mặt tinh thần tương ứng với những rách rưới của người khốn khổ, theo các sách đánh giá màu nhiệm tình Liên đới phổ quát của chúng ta.

Các quan to mặt lớn nói rằng, "Tôi không hề quan tâm đến người nghèo!" "Tốt lắm, cậu bé xinh trai của tôi," Cảnh Nghèo nói như thế sau tấm màn che mặt, "tại sao anh không về nhà với em? Em có một ngọn lửa tốt, và một chiếc giường tốt..." Và nó dẫn anh ta tới chiếc giường trong một ngôi nhà bên cạnh kênh.

A, quả thật! Ghét người được bắt tử là điều không đủ nếu không có bất ngờ nào, dù trước cả điều được chúng ta nhất trí gọi là cái chết, và nếu bữa ăn dọn cho những con chó của nữ công tước này hay của nữ công tước nọ và rồi bị chúng nôn mửa, một ngày kia không trở thành mỗi hy vọng duy nhất của dạ dày ngàn đời đói meo của nàng!

"Ta là tổ phụ Ápraham của người, hồi Ladarô, đưa con đã chết thân yêu của ta, đưa con bé bỏng mà ta đã ru trong Lòng ta chờ ngày Phục sinh đầy phước hạnh. Con thấy đấy, phải không, sự Hồn mang vĩ đại trải ra giữa chúng ta và người đàn ông giàu có độc ác. Đó là vực thẳm không có cầu nối của hiểu lầm, ảo tưởng, ngu dốt không thể khuất phục. Không ai biết tên thật của chính mình, không ai biết bộ mặt thật của chính mình. Mọi khuôn mặt và mọi trái tim đều bị phủ mây, như trán của kẻ giết cha, dưới lớp vải khó hiểu của các thiết bị Thống hối. Chúng ta không biết mình đang đau khổ vì ai và cũng không biết tại sao mình lại được phước hạnh. Người đàn ông nhẵn tâm có vụn bánh mà con thèm muốn và bây giờ đang cầu xin con cho một giọt Nước từ đầu ngón tay của con đã không thể biện phân được tình trạng khốn cùng của ông ta ngoại trừ dưới ánh sáng ngọn lửa đang hành khổ ông ta; nhưng điều cần thiết là Ta phải nâng con ra khỏi tay các Thiên Thần để sự giàu có của con, sự giàu có của chính con, được bày tỏ cho con trong tám gương vĩnh cửu của bộ mặt lửa đó. Niềm hạnh phúc lâu dài mà linh hồn bị nguyên rủa đó đã trông cậy sẽ thực sự không chấm dứt, cũng như sự khốn cùng của con sẽ không chấm dứt. Nhưng bây giờ, sau khi Trật tự đã được tái lập, hai người các con đã thay đổi vị trí. Vì giữa hai người các con có một mối tương quan bị che giấu, hoàn toàn không được biết đến, đến nỗi chỉ có Chúa Thánh Thần, vị khách của xương cốt người chết, mới có sức mạnh để công bố nó ra trong tư thế con không ngừng mặt đối mặt!..."

Những người giàu kinh sợ Cảnh Nghèo vì họ có một điềm báo lờ mờ về sự trao đổi có tính chuộc tội ngụ hàm trong sự hiện hữu của nó. Nó làm họ kinh hoàng cũng như khuôn mặt chua ngoa của một chủ nợ không biết tha thứ. Đối với họ, và không phải không có lý do, sự khốn cùng đáng sợ mà họ giấu sâu trong họ rất có thể chỉ trong một cú đánh làm nổ tung những chiếc kiềng vàng và lớp bọc tội ác của nó và đến rơi nước mắt trước mặt Người được chọn làm Bạn đồng hành của Con Thiên Chúa!

Đồng thời, một bản năng xuất hiện từ Vùng sâu Bên dưới cảnh báo họ không được lay lan. Những kẻ khốn cùng ghê tởm này đoán rằng Cảnh Nghèo chính là Khuôn mặt của Chúa Kitô, khuôn mặt bị đầy đoạ đã khiến Hoàng tử của thế giới phải trốn chạy, và, trước sự hiện diện của nó, người ta không thể nuốt chửng trái tim của những kẻ nghèo khổ khốn cùng trong điệu sáo và đàn ôboa (hautboy). Chúng cảm thấy khu phố của nó nguy hiểm, các ngọn đèn bôc khói khi nó đến gần, các ngọn đuốc mang diện mạo của những cây nến đám ma, và mọi thứ vui đều phai nhạt... Đó là sự lay lan của những nỗi buồn thần linh.

Nói theo kiểu nói thông thường chỉ chiều sâu gây bối rối, người nghèo mang lại xui xẻo, theo cùng nghĩa như Vua người nghèo đã tuyên bố Người đến để "mang theo gươm giáo". Một con khổ cực nhanh chóng và chắc chắn đáng sợ được chất lên bất cứ người nào tìm kiếm thú

vui mà áo sổng của họ bị một người nghèo đụng vào, và họ từng nhìn thẳng vào mắt người nghèo này.

Đó là lý do tại sao thế giới tác nghẽn với những bức tường, bắt đầu với Tháp Kinh thánh nhằm đụng tới Trời— một Tòa tháp nổi tiếng đến nỗi Chúa đã phải “xuống” để nhìn nó cho gần — và chắc chắn đã được xây dựng để vĩnh viễn tránh xa các Thiên thần trần trụi và vô gia cư đã và đang lang thang trên trái đất.

[*Tội ác làm người nghèo.*] Luật Xalic [1] không bao giờ được viết ra, bởi vì đó là luật quan yếu, chủ yếu của chế độ quân chủ Pháp, và bất kỳ nỗ lực nào nhằm viết ra luật đó bằng văn bản sẽ đặt giới hạn cho nó. Điều Tuyệt Đối không thể được viết ra.

Cũng vì cùng lý do này mà Tội làm người nghèo không được đề cập rõ ràng trong bất cứ bộ luật, trong bất cứ tuyển tập luật hình sự nào. Cùng lắm nó được xếp vào hàng những vi phạm đơn giản trong phạm vi các tòa án cảnh sát và được ví như lối sống lang thang, vốn chỉ là thành quả của cảnh nghèo.

Nhưng sự im lặng này tạo nên một sắc lệnh dứt khoát về phía khung bố tổng quát vốn từ chối nêu rõ đối tượng của nó. Vượt lên trên mọi lý lẽ, cảnh nghèo là tội ác to lớn nhất, tội ác duy nhất và là tội ác độc nhất không có tình huống giảm khinh nào trong mắt một thẩm phán công bằng. Tội ác này tày trời đến nỗi tội phản quốc hoặc loạn luân, tội giết cha hoặc tội phạm thánh xem ra khó sánh bằng, và phải nài xin lòng trắc ẩn của xã hội.

Hơn nữa, nhân loại chưa bao giờ mắc sai lầm nào về nó, và bản năng không thể sai lầm của tất cả các dân tộc, ở bất cứ nơi nào trên thế giới, đã giáng cùng một lời khiển trách y hệt nhau lên các hiệp sĩ mang tước hiệu giẻ rách và cái bụng rỗng.

Vì không có hình phạt cụ thể nào có thể được đưa ra chống lại thứ trọng tội mà các nhà lập pháp sợ sệt không dám nhất trí xác định, mọi người chất lên đầu Người Nghèo tất cả những hạ giá hoặc phiền não mà lòng thù hận phổ quát của họ có thể nghĩ ra. Để bảo đảm không bỏ lỡ cơ hội nào, các hình phạt chồng chất lên đầu Người rất đa dạng, không thể lựa chọn giữa chúng mà không có nguy cơ xác định tội phạm.

Người nghèo chính thức bị kết án không bị trói cọc hay phanh thây, không bị cho đi tàu bay [strappado] hoặc bị thiêu sống, không bị đâm hoặc thậm chí máy chém. Không có quy định pháp lý nào quy định họ phải bị treo cổ, bị thiến, bị xé móng tay, bị móc mắt, bị đồ chì nóng chảy xuống cổ họng, bị bôi mật đường rồi chường cho mật trời trong những ngày nắng nhất trong năm, hoặc đơn thuần bị kéo, trong khi bị lột da, qua một cánh đồng linh lăng mới cắt.... Không một trong những cách tra tấn quấy rầy này từng được áp dụng theo đúng nghĩa đen đối với họ, vì thực tế là không có luật lệ minh nhiên nào.

Tuy nhiên, thiên tài tra tấn đó, người tự xưng là Quyền lực Xã hội đã thành công trong việc thu hoạch cho họ, thành một đồng khổ nạn toàn quyền vô sánh, trọn danh mục những hình phạt hình sự rải rác này. Một cách thanh thản, thâm lặng, Người Nghèo đã bị vạ tuyệt thông, trục xuất khỏi cuộc sống và bị biến thành những con người đáng nguyên rủa.

Mọi người trên thế giới - dù anh ta có biết hay không - đều mang trong mình một sự khinh miệt tuyệt đối đối với Cảnh Nghèo, và đó là bí quyết sâu xa của danh dự vốn là nền tảng của giới đầu sỏ.

Tiếp đón vào bàn ăn một tên trộm, một kẻ giết người hoặc một diễn viên hạng hai, là một điều xem ra hợp lý và đáng khen ngợi — miễn là người đang làm ăn phát đạt. Người ta thậm chí còn chỉ định rằng một sự trình trắng nào đó của linh hồn sẽ lấy lại được nhờ tiếp xúc với những kẻ đầu độc trẻ em — khoảnh khắc họ thừa mứa vàng bạc.

Nhưng sự nhục nhã do sự túng quẫn mang lại thì hoàn toàn không thể nói thành lời, bởi vì về cơ bản nó là sự nhơ bẩn duy nhất và tội lỗi duy nhất. Đó là một tội lỗi không đong đếm được đến nỗi Chúa là Thiên Chúa đã chọn nó làm của riêng Người khi Người trở thành người để tự mình gánh lấy mọi sự.

Người vô cùng muốn được gọi là Người nghèo và Thiên Chúa của người nghèo.

Đáng Cứu Rồi phàm ăn này — *homo devorator et potator* (người ham ăn uống), như người Do Thái mô tả về Người — đến chỉ để uống say và tự chuốc lấy các tra tấn, đã khôn ngoan lựa chọn Cảnh Nghèo làm chủ quán của Người.

Thành thử, những người có danh dự đã đồng thanh lên án vụ tai tiếng của một kẻ cuồng say như vậy và đã nghiêm cấm mọi thời đại mọi liên kết với người chủ quán do sự chỉ định của thần linh này. Trong gần hai ngàn năm, Giáo hội đã ca ngợi cảnh nghèo. Vô số vị thánh đã kết duyên với cảnh nghèo để các ngài có thể giống với Chúa Giêsu Kitô, và cảnh nghèo bị ruồng bỏ tệ hại đó không làm tăng một phần triệu lòng quý trọng của những người đang hoang và được nuôi dạy tốt.

Thật vậy, sự thật là cảnh nghèo tự nguyện vẫn là một điều xa xỉ, và do đó không phải là cảnh nghèo thực sự, điều mà mọi người đều ghê tởm. Chắc chắn người ta có thể trở nên nghèo, nhưng với điều kiện là ý chí không liên quan gì đến nó. Thánh Phanxicô thành Assisi là một người tình chứ không phải một người nghèo. Ngài không cần điều gì cả, vì ngài sở hữu Thiên Chúa của ngài và đã sống, qua sự xuất thân của ngài, bên ngoài thế giới của cảm giác. Ngài tắm gội trong vàng bạc nơi những áo sồng giẻ rách sáng chói của ngài.

Cảnh nghèo thực sự là không tự nguyện, và yếu tính của nó là không bao giờ có thể được mong muốn.

Kitô giáo đã thực hiện phép lạ kỳ diệu vĩ đại nhất bằng cách giúp con người chịu cảnh nghèo qua lời hứa được hưởng những phần thưởng về sau. Nếu không có phần thưởng, lúc đó để mọi thứ cho quý! Thật vô lý khi mong đợi bất cứ điều gì tốt hơn từ bản chất của chúng ta.

[*Ngõ cụt ở Petit-Montrouge.*] Trong cuộc sống hôn nhân của họ, Leopold và Clotilde biết những thay đổi tuyệt vọng khiến người ta phải rùng mình và bật khóc, việc bán từng đồ vật thân yêu mà họ nghĩ họ sẽ không bao giờ có thể chia tay với chúng, sự thay đổi của một số thói quen dường như gắn liền với chính động lực chính của khả năng cảm xúc của người ta, sự đẹp bỏ dần dần, hết sức đau đớn phải chịu đựng, mọi bảo vệ cho cuộc sống thân mật và ẩn giấu mà người nghèo không bao giờ với tới được. Và đặc biệt là họ phải di chuyển. Đó là khó khăn nhất cho đến nay.

Tổ ong xinh xắn của họ, yên bình và tươi sáng, gần Vườn Luxembourg, đối với Leopold và Clotilde, là điểm duy nhất và độc nhất, một nơi đặc quyền, một địa chỉ duy nhất mà họ có thể loan báo một cách hạnh phúc. Họ đã dành cho nó những cảm xúc yêu thương, hy vọng, ước mơ, lời cầu nguyện của họ. Cả những kỷ niệm buồn cũng không bị loại bỏ. Được giảm thiểu từng sợi một bởi một ơn phúc đến quá trễ, các buồn đau trước đây của họ được đan xen ở đó

bằng những niềm vui mới, giống như những hình ảnh trong mơ mà táp thăm, dù màu sắc của nó đã mờ đi, vẫn có thể đã nổi bật trên các bức tường.

Và rồi đứa con của họ đã được sinh ra ở đó. Nó đã sống ở đó mười một tháng, trong đó những rắc rối của họ lại bắt đầu, và sự hiện thân của lòng thương xót này nhìn chằm chằm vào họ từ mọi góc cạnh.

Vào thời điểm họ rời khỏi nơi ở này, những người kém may mắn của chúng ta tin rằng họ đã bị lưu đầy khỏi nền hòa bình thần linh. Việc bị nhỏ rể càng tàn nhẫn hơn vì những khu ở mới mà sự cần thiết đã vận chuyển họ đến xem ra cực kỳ thảm hại đối với họ.

Khi họ nhìn nó dưới cái nắng âm ảm của một ngày cuối thu, họ đã coi nó có thể sống được; nhưng cơn mưa lạnh giá và bầu trời đen kịt trong ngày mà họ chuyển đến đã biến đổi nó, theo đôi mắt khiếp sợ của họ thành một loại túp lều ẩm ướt, tối tăm và độc hại khiến họ kinh hãi.

Đó là một ngôi nhà nhỏ ở cuối một con hẻm cụt ở Petit-Montrouge. Họ đã thuê nó vì sự căm ghét những căn hộ nhỏ, hy vọng như thế có thể thoát khỏi những tình thân mật xấu xí ghê tởm của những căn nhà chung cư. Ba hoặc bốn nhà ở chuột khác cùng loại, nơi sinh sống của những người lao động ai mà biết có trái tim vô cảm và xấu số, cách đó vài mét nhô ra những mặt tiền ưu uất của họ, phủ đầy một lớp sơn trắng gây hiểu lầm và được ngăn cách với nhau bằng thảm thực vật đầy bụi bặm của một số nghĩa trang tồi tàn nào đó bốc mùi hôi thối vì gần một trạm xe chở hàng hay nhà máy sản xuất nên mỡ động vật.

Một loại cộng đồng tiêu tư sản, với cao vọng có vườn tược, như bạn thường thấy ở những khu vực hẻo lánh, nơi những tên địa chủ giết người đặt bẫy thích làm vườn cho những kẻ bị án tử hình.

Và bây giờ họ được chào đón ngay ở ngưỡng cửa với mọi điều khiến họ phải rùng mình. Ngã lòng và rùng mình vì lạnh, Clotilde ngay lập tức quần Lazare bé bỏng của mình trong một đồng khăn phủ và khăn choàng, chỉ nghĩ đến việc bảo vệ nó khỏi cái lạnh cồng và sự ẩm ướt đặc biệt, và chờ đợi, với một nỗi lo lắng mà nàng chưa bao giờ biết đến trước đó, để những người chuyển đồ kết thúc.

Chao ôi! Họ không bao giờ kết thúc, theo nghĩa, cho đến giây phút cuối cùng của đời nàng, người phụ nữ nghèo vẫn giữ lại ấn tượng hiện nay của mình về sự vô trật tự đáng buồn và rẻ tiền trong vài giờ đầu tiên này.

Bất hạnh là một bóng ma ám khuất ở những nơi âm thấp. Hai người lưu đầy khỏi Niềm Vui cảm thấy như thể đang trôi nổi trong tình trạng lấp lửng của sự nhóp nhóp và chạng vạng. Ngọn lửa mạnh mẽ nhất vẫn không thành công trong việc làm khô các bức tường, vốn lạnh lẽo ở bên trong hơn ở bên ngoài, như trong ngục tối hoặc trong các ngôi mộ, và trên đó có một lớp giấy gián đã mục nát.

Từ một căn hầm đựng rượu nhỏ đáng ghét, chắc chắn không bao giờ được chọn làm nơi trú ẩn cho khí chất cao quý của bất cứ loại rượu nào, vào đầu đêm, dường như đã xuất hiện những vật đen đen, những con kiến đen tối, xô ra dọc theo các vết nứt và chỗ nối của một sàn nhà đã rạn nứt với nhiều chỗ hở.

Chúng có bản thủ quái dị kêu thấu trời cao. Ngôi nhà đó, được rửa một cách lừa dối bằng một vài thùng nước khi chờ khách đến thăm, thực sự sáng bóng từ trên xuống dưới mà nào có

ai biết là căn bản đáng sợ đã tích lũy đến nỗi phải cạo đến vô tận mới mong làm sạch. Gorgon (2) nôn mửa ngòi xôm trong bếp, điều mà chỉ có một đám cháy lớn may ra mới có thể thanh tẩy. Ngay từ đầu, một bếp nấu đã phải được thiết lập trong một căn phòng khác. Ở cuối khu vườn, và vườn tược gì đâu! ở đó lù lù một đống rác khủng khiếp mà chủ nhà hứa sẽ dọn dẹp, nhưng có bao giờ biến mất đâu.

Rồi, đột nhiên, cả là một ghê tởm. Một thứ mùi không thể tả được, giữa mùi hôi thối mốc meo của lối đi ngầm dưới đất đầy xác chết đã thối rữa và độ kiềm ngọt ngọt của một cống rãnh lộ thiên, lén lút tấn công màng nhầy của những người thuê nhà tuyệt vọng.

Mùi này không chuyên biệt phát khởi từ nhà vệ sinh, một nhà vệ sinh dù sao gần như không được đưa vào sử dụng hoặc từ bất cứ điểm xác định nào khác. Nó luồn qua không gian hạn chế của ngôi nhà rồi tỏa ra như một dải khói mô tả các vòng tròn, hình bầu dục, hình xoắn ốc, hình chữ chi. Nó nhấp nhô xung quanh đồ đạc, lên đến trần nhà, chảy xuống dọc theo cửa ra vào, thoát vào cầu thang, lảng vảng từ phòng này sang phòng khác, để lại khắp nơi một loại hơi thối và phân.

Đôi khi nó dường như biến mất. Rồi, bạn gặp lại nó trong khu vườn, trong cái vườn thích hợp với bờ sông Cocytus (3), được bao bọc bởi một bức tường nhà tù được tính toán để khơi dậy nỗi ám ảnh muốn trốn thoát ngay cả nơi thầy tu đạo Hồi có chân vòng kiềng, người đảm nhận công việc hoàn lại xác chết của những con lạc đà mắc bệnh dịch hạch.

Cuộc sống của những người bị đắm tàu này như thế nào trong những ngày đầu tiên, chỉ có thiên thần phụ trách việc trừng phạt các Linh hồn mới có thể nói được.

Mùi hôi thối là tiền hô, kẻ chạy trước những Bóng ma độc ác khi những bóng ma này được phép tái xuất hiện từ đáy vực thẳm, và nó mang theo nỗi sợ hãi lạnh lẽo. Một số tình huống quá kinh hoàng đến không có thật, và dù sao, ngay sau đó là một vụ nổ kinh hoàng! không cho phép Clotilde trước tiên và sau đó là chồng nàng nghi ngờ rằng, vì sự tội luyện siêu nhiên lòng can đảm của họ, họ đã rơi vào một trong những địa điểm đáng nguyên rủa mà không danh sách thuế nào chỉ định như vậy, nơi mà Kẻ thù của loài người lấy được khoái cảm của nó và trên đó nó dựng chân đứng lên.

Lazare bé bỏng dường như khó ở kể từ lúc bồi rồi gây kinh hoàng của ngày dọn nhà, mẹ em ngủ một mình, gần bên em, trong một căn phòng ở tầng trệt mà họ thấy ít thảm hại hơn những phòng khác. Leopold cẩn thận đóng tất cả các phương tiện ra vào và đi lên căn phòng hôi hám của chàng ở tầng trên.

Ngay từ đêm thứ hai, Clotilde đã bị phá giấc ngủ bởi những cú đập cực kỳ bạo lực từ cửa ngoài, như thể kẻ bắt lương nào đó đang cố gắng đột nhập. Đứa trẻ đang ngủ, và người cha, người có tiếng thở đều và vang mà nàng nghĩ nàng có thể nghe thấy từ xa, dường như không bị quấy rầy. Do đó, tiếng âm ỉ đã được dành cho một mình nàng. Cứng người vì kinh hoàng và không dám động đậy, nàng kêu gọi các linh hồn ngoan đạo của người chết, những người được cho là có sức mạnh xua đuổi những linh hồn đen tối. nàng không nói về điều này vào ngày hôm sau, nhưng từ lần viếng thăm đầu tiên của Kinh Hoàng ấy, nàng đã duy trì một nỗi lo lắng nặng nề, một nỗi sợ hãi như nỗi sợ hãi các hang toại đạo, khiến trái tim nàng như co thắt lại.

Những cảnh báo tương tự cũng đã đến với nàng vào những đêm sau đó. Nàng nghe thấy tiếng hoảng sợ hú thán chết. Những tiếng gõ bí nhiệm thiếu kiên nhẫn và tức giận khiến các bức

tường rung rinh, và thậm chí cả chân song giường nàng. Hoang mang, rối bời, nàng có cảm giác như có một móng vuốt nào đó vuốt vào tóc nàng, nhưng nàng sợ chia sẻ việc nếm trước sự hấp hối này với người chồng bất hạnh của mình; nàng đã mời một trong những cha xứ đến để làm phép ngôi nhà.

[*Cái chết của bé Lazare.*]

“Pax huic domini et omnibus environmentibus in ea... (Bình an cho ngôi nhà này và cho tất cả những ai ở trong đó...) Lạy Chúa, Chúa sẽ dùng cây hương thảo tắm gội cho con và con sẽ được sạch; Chúa sẽ làm sạch con và con sẽ trắng hơn tuyết... Xin lắng nghe chúng con, Lạy Chúa là Cha chúng con, Đấng Toàn năng, Thiên Chúa Hằng hữu, và hạ cố, từ Thiên đàng của Người, sai thánh thiên thần của Người xuống để sưởi ấm trong lòng ngài, bảo vệ, thăm và bênh vực những người sống trong nhà này. Nhờ Chúa Kitô, Chúa chúng con.”



Đêm tiếp theo lời chúc phúc trên thật yên bình, nhưng đêm sau đó— lạy Chúa Giêsu Đấng có tinh thần bốn phận nhất, Đấng đã trỗi dậy từ cõi chết và ngôi mộ, thật là một đêm kinh hoàng!

Một tiếng kêu không phải của con người, tiếng kêu như cóc nhái của một linh hồn bị ma quỷ hành hạ, làm người phụ nữ nghèo ngồi thẳng dậy, hai mắt mở to, răng run cầm cập, tứ chi như rụng rời rạc vì run rẩy, và trái tim nàng đập mạnh, như tiếng chuông báo động địa ngục, trước hai bên của cơ thể từng mang một đứa con của Thiên Chúa. Nàng vội vàng chạy đến nôi của con trai mình. Đứa trẻ thơ ngây vẫn nằm ngủ, và những tia nắng nhạt của ánh sáng ban đêm cho thấy nó xanh xao đến nỗi ngay lập tức nàng quan sát để biết chắc nó còn thở hay không.

Rồi, nàng bị đánh động khi nhận ra rằng một tuần này, nó đã ngủ quá nhiều, nó ngủ gần như liên tục và bàn chân luôn lạnh lẽo. Kim nén những giọt nước mắt đang trào ra, nàng nhẹ

nhàng nâng nó lên trong vòng tay và đưa nó đến gần đống lửa.

Lúc này có thể là lúc mấy giờ? Nàng không bao giờ phát hiện ra. Sự im lặng bao la bao trùm lên mọi sự, một trong những thứ im lặng có thể làm cho người ta nghe thấy tiếng chuyển động mơ hồ của những dòng máu tí hon lưu chuyển trong các động mạch ... Đứa trẻ rên rỉ. Mẹ nó cố gắng bắt nó uống một cách vô ích, nó bắt đầu vật lộn, dường như đột nhiên hoàn toàn bị phân tâm, giơ đôi cánh tay nhỏ xinh xinh của mình lên Đấng Vô hình, như những người mạnh khỏe quen làm khi hấp hối, và bắt đầu tiếng nấc hấp hối.

Clotilde, áp đảo bởi nỗi kinh hoàng, nhưng vẫn chưa nhận ra rằng đây là lúc kết thúc, đặt đầu của người đau khổ thân yêu của nàng lên vai, ở vị trí mà hơn một lần từng xoa dịu nó, và đi đi lại lại một lúc lâu trong nước mắt, cầu xin sự hộ giúp của Các Trinh Nữ Tử Đạo từng bị hổ dữ và cá sấu ăn thịt để mua vui cho đám quần chúng.

Nàng hết sức mong muốn có sự hiện diện của chồng mình, nhưng không dám lớn tiếng, và cầu thang rất khó leo trong bóng tối, đặc biệt là với một gánh nặng như vậy trên vai! Cuối cùng, tạo vật nhỏ bé rơi từ cô xuống ngực nàng, nàng hiểu ngay.

“Leopold! con chúng ta sắp chết!” nàng kêu lên bằng một giọng sợ hãi. Sau này, Leopold nói rằng tiếng kêu lớn này đã ập đến với chàng trong giấc ngủ như một khối đá hoa cương đâm vào người thợ lặn dưới đáy vực sâu đầy đá. Chạy như bay xuống cầu thang như một viên đạn, chàng chỉ đủ thời gian để tiếp nhận cái rùng mình cuối cùng của sự sống chớm nở đó, cái liếc mắt không nhìn cuối cùng của đôi mắt quỳên rũ mà màu xanh trong veo đã bắt đầu nứt nẻ, phủ men bằng một lớp màng trắng đục dập tắt chúng....

Đối mặt với cái chết của một đứa trẻ nhỏ, Nghệ thuật và Thi ca thực sự giống như nỗi khôn cùng sâu xa nhất. Một ít người mơ mộng, những người dường như chính họ cũng lớn lao như mọi khôn khổ tốt cùng của thế giới, đã làm những gì họ có thể làm. Nhưng những lời than thở của các bà mẹ và thậm chí hơn thế nữa, sự trào dâng thẳm lặng trong lòng các ông bố có sức mạnh khác xa so với ngôn từ hay màu sắc, đến nỗi nỗi sâu khổ của con người thuộc về thế giới vô hình.

Không hẳn sự đụng chạm của cái chết mang lại cho con người sự đau khổ như vậy, vì hình phạt này đã được thánh hóa bởi Đấng tự xưng là Sự sống. Trọn niềm vui đã qua, một niềm vui đang nhô lên và gặm gù như một con hổ, đang tự xô lòng như một cơn bão. Chính xác hơn, đó là ký ức tuyệt vời và đau buồn về việc được *nhìn thấy Thiên Chúa*, vì lạy Chúa, mọi dân tộc đều thờ ngẫu thần, như Ngài vẫn thường nghe nói! Những hình ảnh buồn rầu của Ngài chỉ có thể tôn kính những gì họ nghĩ họ nhìn thấy, bao lâu họ nhìn thấy Ngài, và con cái họ đối với họ là Thiên đường của Vui thú.

Tuy nhiên, không có nỗi buồn nào khác hơn nỗi buồn được kể trong Sách của Ngài. *In capito Libri scriptum est de me* (ở đầu Cuốn sách chép về Ta). Hãy tìm kiếm như chúng ta sẽ tìm, không một nỗi buồn đơn nhất nào chúng ta sẽ tìm thấy bên ngoài vòng lửa của Thanh gươm xoay đều chiều canh giữ Khu vườn đã đánh mất. Mọi khôn khổ của thể xác hay linh hồn đều là một tẻ nạn đầy ải, và lòng trắc ẩn tàn khốc ban tặng cho những chiếc quan tài nhỏ bé chắc chắn là điều thuyết phục nhất gợi nhớ lại Sự đầy ải nổi tiếng mà vì nó loài người, bị tước mất sự trong trắng, đã không bao giờ có thể tự an ủi mình.

Họ đã tự tay mặc quần áo cho nó để nằm vào chiếc nôi tối hậu được Ngôi Lờ Thiên Chúa nhẹ nhàng đu đưa giữa các chòm sao. Rồi họ ngồi đối diện nhau chờ bình minh tới. Trong hai

hoặc ba giờ, họ đã trải nghiệm sự tắt dần hữu ích các suy nghĩ và cảm giác, vốn là giai đoạn đầu tiên của bất cứ nỗi buồn vô bờ bến nào.

Một chữ duy nhất được thốt ra, chữ *phúc lành*, từ môi của người mẹ phát ra và Leopold hiểu rất rõ. Phụng vụ cho biết: “Chính những người đã không làm bản quần áo của họ... Những người này đi theo Con Chiên không tì vết bất cứ nơi nào Người đi tới.” Các Kitô hữu có niềm an ủi khi biết rằng trên hết có những người *nhỏ bé* trong Nước Trời, và tiếng nói của các Anh Hải đã chết “làm cho trái đất vang dội...” Tuy nhiên, kể từ nay bất cứ họ có thể đã phải chịu đau khổ bao nhiêu, họ có thể đã phải mò mẫm tìm kiếm linh hồn của họ bao nhiêu dọc theo những con đường tội tệ nhất ở bên dưới thiên đường, tuy nhiên họ biết chắc rằng một điều gì đó của chính họ đang tỏa sáng trong một vinh quang điểm phúc vượt quá mọi thế giới.

Máu Người Nghèo

[*Tiền.*] Máu Người Nghèo là tiền. Mọi người đã sống nhờ nó và chết vì nó cả hàng thế kỷ nay. Nó tóm tắt một cách hùng hồn tất cả mọi đau khổ. Nó là Vinh quang, nó là Quyền lực. Nó là Công lý và Bất công. Nó là Tra tấn và Vui thú. Nó phải được ghê tởm và được tôn thờ, biểu tượng chói lọi và tuôn chảy của Chúa Kitô, Đấng Cứu Thế, *In quo omnia constant* (trong Người mọi vật đứng vững).

Máu của người giàu là một thứ mủ hôi hám, chảy ra từ những vết loét của Cain.

Người giàu là người nghèo đã thất bại, một gã đầu đường xó chợ có mùi thấp hèn mà các ngôi sao đều sợ hãi.

Mạc Khải dạy chúng ta rằng chỉ có một mình Thiên Chúa là người nghèo và Con Một của Người là người ăn mày duy nhất. Máu của Người là máu của Người Nghèo nhờ đó loài người được “mua với giá đắt”. Máu *quý giá* của Người, có màu đỏ và tinh khiết vô hạn, có thể trả giá cho mọi thứ!

Vì vậy, điều hoàn toàn cần thiết là tiền phải đại diện cho nó: tiền mà người ta cho đi, người ta cho vay, người ta bán, người ta kiếm được hoặc đánh cắp; tiền giết chết và ban sự sống như Ngôi Lời, tiền được thờ phượng, tiền thánh thể mà người ta *uống* và *ăn*. Là tiền lương du hành của việc tò mò lưu động và của ăn đàng khi chết. Mọi khía cạnh của tiền bạc là một khía cạnh của Con Thiên Chúa đổ Máu nhờ đó Người lãnh lấy mọi sự cho chính Người.

[*Thập giá của sự khốn cùng.*]—

Về một lãnh thổ tối đen và bao phủ bằng sương mù chết chóc: một lãnh thổ khốn cùng và đen tối, nơi bóng tối sự chết, và không trật tự nhưng chỉ có kinh hoàng vĩnh viễn ngự trị.- Gióp

Cảnh nghèo tụ tập người ta, cảnh khốn cùng cô lập họ, vì cảnh nghèo là của Chúa Giêsu, cảnh khốn cùng là của Chúa Thánh Thần. Cảnh nghèo là điều tương đối, thiếu điều dư thừa. Cảnh khốn cùng là điều tuyệt đối, thiếu điều cần thiết. Cảnh nghèo bị đóng đinh, cảnh khốn cùng là chính thánh giá. Chúa Giêsu vác Thánh giá, chính là cảnh nghèo vác cảnh khốn cùng. Chúa Giêsu trên Thánh giá, chính là cảnh nghèo rỉ máu trên cảnh khốn cùng.

Những người trong số những người giàu không bị trầm luân, theo nghĩa chặt chẽ, có thể hiểu được cảnh nghèo, vì bản thân họ vốn nghèo, một cách nào đó; nhưng họ vẫn không thể hiểu được cảnh khốn cùng. Có lẽ, họ có khả năng bố thí, nhưng họ không có khả năng tự làm

mình trần truồng, họ có thể xúc động, trước âm thanh âm nhạc tuyệt đẹp, trước các đau khổ của Chúa Giêsu, nhưng Thập giá của Người, *thực tại* của Thập giá Người, làm họ kinh hoàng.

Họ muốn nó hoàn toàn bằng vàng, tắm trong ánh sáng, đắt tiền và nhẹ nhàng; dễ chịu thấy nó lung lẳng trên cổ họng xinh đẹp của một người phụ nữ.

Các linh mục thời thượng tránh xa khỏi họ chiếc giường tình yêu của Chúa Giêsu Kitô, thập giá của cùngh khổ, vô cùngh đau thương, dựng ở giữa nơi chôn cất dành cho phạm nhân, giữa cứt đá và hôi thối, Thập giá *đích thực*, thập giá của sự từ bỏ tuyệt đối, thập giá của sự từ bỏ và bác bỏ vĩnh viễn tất cả của những người, bất luận họ là ai, những người không muốn bất cứ điều gì trong số này; thập giá của việc ăn chay gây mệt mỏi, của việc hy sinh hoàn toàn các giác quan, của việc thương tiếc bất cứ điều gì có thể an ủi; thập giá của cây cọc, của dầu sôi, của chì nóng chảy, ném đá, chết đuối, lột da sống, phanh thây, bị chặt thành từng mảnh, bị thú dữ ăn thịt, thập giá của tất cả các cực hình do những đứa con hoang của ác quỷ sáng chế.... Thập giá đê tiện và đen đúa, giữa sa mạc sợ hãi bao la như thế giới; không còn sáng láng như trong các bức tranh của trẻ em, nhưng choáng ngợp dưới bầu trời đen tối tia chớp cũng không làm sáng lên, Thập giá đáng sợ bị bỏ rơi của Con Thiên Chúa, Thập giá của Nghèo cùng cực và Khốn cùng!

Ước chi những người giàu đáng nguyên rủa này bằng lòng với việc không muốn chút gì của cây Thập giá!

Nhưng họ lập luận rằng nó không được dành cho họ, tự hào về tiền bạc của họ, vốn là *Máu quý giá nhất của Chúa Kitô*, để đặt vào nơi của họ một đoàn dân nghèo mà họ đã hút máu và đưa vào chỗ tuyệt vọng! Và họ dám nói về bác ái, thốt ra chữ Bác ái, vốn là chính Thánh Danh của Ngôi Ba chí thánh! Một việc đánh đĩ lời nói đủ để làm cho Ác quỷ phát sợ!

Thiên Chúa đã bao dung tất cả những điều ấy cho đến tận đêm nay, rất có thể là “Đêm vĩ đại” như những nhãi ranh của Vô Chính Phủ thường nói. Tuy nhiên, vẫn còn ánh sáng ban ngày. Bây giờ chỉ là ba giờ, giờ Hiến tế của Người Nghèo. Các nô lệ trong hầm mỏ và nhà máy vẫn đang làm việc. Hàng triệu cánh tay đang lao công vất vả trên toàn trái đất để tạo vui hưởng cho một số ít người, và hàng triệu linh hồn này bị vùi dập bởi nỗi thống khổ của lao động, tiếp tục không biết rằng có một Thiên Chúa ban phước cho những kẻ đê bẹ họ: Thiên Chúa của sự phóng đảng và thời trang, Đáng có “ách thật ngọt ngào và gánh thật nhẹ nhàng” cho những kẻ áp bức.

[*Sự Phẫn nộ của Thiên Chúa.*]

Sự phẫn nộ của Thiên Chúa không tìm được nơi ẩn thân.

Nó là một cô gái có mái tóc cực kỳ rối bời, đói khát và mọi cánh cửa đều đóng chặt đối với nó, một người con gái thực sự của sa mạc không ai biết đến. Những con sư tử mà giữa chúng, nó được sinh ra đã chết, đã bị giết vì sự phản bội của chúng, bởi nạn đói và sâu bọ. Nó đã chấp tay trước mọi ngưỡng cửa, cầu xin được đưa vào, nhưng nó không tìm được ai thương hại cho sự Phẫn nộ của Thiên Chúa.

Tuy thế, nó vẫn xinh đẹp, nhưng không quyến rũ được ai và không biết mệt mỏi, nó vẫn gây ra nỗi sợ hãi đến mức đất phải rung chuyển khi nó đi ngang qua. Sự Phẫn nộ của Thiên Chúa ăn mặc rách rưới và hầu như không có gì để che giấu sự khỏa thân của nó. Đôi mắt nó là

những hồ sâu và miệng nó không còn thốt ra được lời nào. Bất cứ khi nào gặp một linh mục, nó trở nên nhợt nhạt hơn và im lặng hơn, vì các linh mục lên án nó, nhận thấy nó không chải chuốt, thiếu điều độ và ít *bác ái*: Nó biết rất rõ ràng rằng từ nay trở đi mọi sự đều vô ích. Thỉnh thoảng nó ôm những đứa trẻ nhỏ vào vòng tay của mình, dang chúng cho thế giới, nhưng thế giới đã ném những đứa trẻ vô tội đó vào đồng phân, nói với nó: “ngươi quá tự do không thể làm vừa lòng ta! Ta có luật lệ, hiến binh, người đưa trát đòi, chủ nhà! Ngươi sẽ phải lấy giấy phép hành nghề mãi dâm và trả tiền thuê nhà khi đến hạn. ”

Sự Phẫn nộ của Thiên Chúa trả lời, “Ngày của tôi đã đến gần và tôi sẽ trả tiền thuê nhà của tôi đúng hẹn.”

[*Mong muốn của Người nghèo.*] Điều một ngày nào đó phải có một bản cáo trạng hết sức khủng khiếp đối với người giàu là sự Mong muốn của người nghèo. Đây là một nhà triệu phú, người, ngoài các nhu cầu của anh ta, bám lấy hoặc chi tiêu trong một phút điều mà trong năm mươi hay sáu mươi năm vốn là đối tượng cho những lời cầu nguyện tuyệt vọng của một người nghèo. Chỉ riêng ở Pháp đã có hàng trăm nghìn người như vậy - chưa kể hàng triệu người trong số họ thiếu thốn. Tất cả những ai sở hữu quá và trên những điều không thể thiếu đối với đời sống vật chất và tinh thần của mình đều là triệu phú, và do đó là kẻ mắc nợ đối với những người không sở hữu gì.

Không ai có quyền có dư thừa ngoại trừ Con Thiên Chúa Nhập Thể. Người đã được đặc ân trên tất cả những gì có thể nói hoặc tưởng tượng, đến độ đặc ân của Người chỉ có thể được biết qua mạc khải. Nữ tiên tri nổi tiếng Agreda cho biết: “Số lượng roi quất mà Đấng Cứu Rỗi nhận được, từ chân đến đầu là 5,115 roi!” Một số người còn thiết lập con số cao hơn. Thời ấy hình phạt roi khủng khiếp của Rôma, như đã được thực hiện ở Giudea, không được quá 39 —*quadragenas una minus* (ít hơn 40). Đó là mong muốn quá đáng của Vua người nghèo, sự thừa thãi của Người! Chúng ta không biết gì về số lần Chúa Kitô bị vả vào mặt và bị đâm và khạc nhổ, nhưng chúng ta có thể cho rằng nó cũng giống như thế.

Điều mà con người khao khát là chính con người, và mong muốn của Thiên Chúa Làm Người đương nhiên là đem lại sự đền tội cho tất cả mọi người, bất kể giá của phép lạ có thể là bao nhiêu. Theo quan điểm này, mong muốn của người giàu ít nhất phải là những gì cần thiết cho anh ta từ những đau khổ của người nghèo, và mong muốn của người nghèo phải là những gì cần cho anh ta từ những an ủi tràn đầy đang đè nặng lên người giàu.

Liệu có một linh mục nào dám rao giảng về bản văn này: "*Vae vobis divitibus quia habetis consolationem vestram!*" (Khôn cho các ngươi, hỡi những người giàu có, các ngươi đã được niềm an ủi của các ngươi rồi!) Bản văn này quá nghiêm trọng, quá Tin Mừng, quá *không bác ái* chút nào. Người giàu không mong người nghèo có được niềm an ủi hay thú vui.

Ý tưởng về một người nghèo nào đó có thể mua cho mình thuốc lá hoặc uống một tách cà phê là điều họ chịu không được. Họ đúng, tuy không biết điều đó, vì người nghèo đang đau khổ thay cho họ. Nhưng họ giữ niềm an ủi cho riêng mình, niềm an ủi làm thất kinh của họ, và họ sẽ phải chịu loại thống khổ nào khi, với từng mẫu giàu có giết người của họ đòi được chuộc bằng những cuộc đền tội khôn tả, họ sẽ thấy cả hàng núi hành khổ đang tiến về phía họ!

Consolationem vestram — niềm an ủi của các ngươi. Quả là một phiến muộn đảo ngược được ngụ ý trong cụm từ khó xóa nhòa này, và ở mặt trước, quả là một mong muốn! Mong muốn một ít cơm bánh, một chút rượu ngon làm vui lòng người, mong muốn có hoa và không khí đồng ruộng, vì tất cả những điều này Thiên Chúa đã tạo ra cho loài người, không phân

biệt; mong muốn ít nhất được nghỉ ngơi sau khi lao nhọc, khi tiếng chuông báo kinh sai thiên thần buổi tối. “Các con tôi, vợ tôi sắp chết, bị kết án bởi hàng ngàn những người anh em có thể cứu họ chỉ bằng cách cho họ những mảnh vụn vẫn dành cho những con chó của họ ăn. Chính tôi cũng đang ở cuối đường xoay xở của mình, và cũng có thể không sở hữu một linh hồn quý giá, một linh hồn vinh quang mà các tầng trời sẽ không bỏ qua, nhưng lòng tham của đứa con đầu lòng của Ma quỷ đã làm cho mù, điếc và câm.

Nhưng họ vẫn chưa thể giết được mong muốn đang hành hạ tôi!”...

[*Ly nước.*] Con người đứng gần Thiên Chúa đến nỗi chữ nghèo là một biểu thức nói lên sự dửng dưng. Khi trái tim của người ta đang bùng bùng lòng trắc ẩn hoặc yêu thương, khi người ta khó có thể cảm được nước mắt, đó là chữ xuất hiện trên đôi môi.

Ladarô không chỉ là biểu tượng của Tin Mừng về Người ăn mày được Thiên Chúa yêu thương, ngược với Người giàu tham lam và ưa khoái nhục bị Người nguyên rửa. Ông là nguyên mẫu của người ăn xin đó. Ladarô này là con của chính Thiên Chúa, ông chính là Chúa Giêsu Kitô “trong lòng Ápraham”, nơi ông “được các Thiên thần đưa lên.” Ông nằm ở cửa thế giới, người đầy những vết lở loét. Ông rất muốn lấp đầy bụng bằng những mảnh vụn rơi từ bàn ăn nơi người giàu có đó đang chèn say sưa với của cải của mình, nhưng không ai cho anh ta dù chỉ một mảnh vụn. Anh vẫn còn may mắn khi không bị những con chó ăn thịt.

Bạn có thể nghĩ rằng người giàu và người nghèo này không thể cách xa nhau hơn. Nhưng cái chết đã đến với cả hai, nó chia cắt họ một cách rất khác, *khi nó tách thân xác khỏi linh hồn*, và “sự Hồn mang” vĩ đại tiến vào, nó và vực thẳm mâu nhiệm và không thể bắc cầu qua không ai có thể tưởng tượng được— chính cái chết, mãi mãi không thể hiểu nổi. Giờ đây, người giàu có đang ở giữa những cực hình kinh hoàng từng được báo trước một cách trái ngược bởi những khoái cảm trên bàn ăn của ông ta, đã khẩn khoản nài xin người ăn mày vinh quang, thậm chí không dám xin ông ta cho trọn khối nước lạnh chứa trong “chén” Tin Mừng, nhưng chỉ là một giọt nước lạnh trên đầu ngón tay để làm mát lưỡi mình, và ông ta trông cậy ở sự cầu bầu của Ápraham để có được nó. Ông ta quả đã không chọn một người trung gian tệ hơn. Ápraham nhắc đến chương ngại vật là vực thẳm. “Và vực thẳm đó chính là sự từ chối của chính người. Ladarô từng xin người y như thế khi người vui hưởng trong khi nó đau khổ. Niềm an ủi không mùi lòng của người đã trở thành *niềm an ủi* của nó, và không thể làm gì hơn được nữa. ”

Chén nước của Tin Mừng! Nó đã được biến thành một lễ thường tình, như rất nhiều những Câu Nói khác. Đó là chiếc ly tràn đầy những giọt nước mắt cảm thương, lời khiêm nhường từ một trái tim run rẩy vì yêu thương và chỉ có thể cho đi điều đó, cử chỉ của đứa trẻ nhỏ, kẻ được mẹ nâng lên trên đám đông ghé tòm trên đường đi tới máy chém, gửi một nụ hôn tới nữ hoàng nghèo đang đi đến cái chết của mình.

Ôi! bất cứ điều gì từ bất cứ ai, ngay từ một con thú, khi người ta tràn ngập buồn sầu! Những người khôn cùng biết rõ rằng không có gì quý hơn.

“Ta cần sự trợ giúp mạnh mẽ và điều con cho lại rất yếu ớt, nhưng ta biết rằng đó là tất cả những gì con có thể làm, dù rất ít ỏi, con hãy dâng cho ta chiếc ly kim cương đó là trái tim của con. ‘Con sẽ được phần thưởng của con’, Thầy chí thánh đã nói như thế, và tôi nói với bạn rằng tôi sẽ say sưa với thứ nước này suốt Đời sống vĩnh cửu. Một ly nước có giá cao ngất ngưỡng, đến nỗi nếu được người có thể làm tốt hơn đưa cho thì nó vẫn có một giá trị không

thể tính toán được.

“Bạn muốn làm tôi trở thành một hoàng tử, vào tuần tới, và tôi thừa nhận ý tưởng này làm tôi thích thú. Một chiếc vương miện sẽ phù hợp với tôi hoàn toàn; nhưng trong khi chờ đợi, há bạn không thể cho tôi một mảnh năm mươi xu, một mảnh, ngay lúc này, sẽ đáp ứng mọi mong muốn của tôi sao? Ở đằng kia, trên quầy đó là một chai rượu mà tôi phải phân cách bởi vực thăm bao la của Dụ ngôn. Bạn sẽ tốn ít hơn ly nước đó, ít hơn giọt nước trên ngón tay Ladarô, người đã phải đau khổ suốt đời để có quyền từ chối nó. Nhưng bạn không cho tôi giọt nước đó, sự mong muốn nó làm trầm trọng thêm các cực hình ngày xưa của tôi, vì bụng bạn được nhồi nhét, vì bạn không biết đói và khát, và ở đây, thừa ngài, chúng ta ở hai bên của Hồn mang!”

Hệ thống xưởng đồ mồ hôi [sweatshop]! Thật khó tin những chữ ô nhục này lại có thể được viết ngay cả bằng tiếng Anh. Vâng, ngay cả bằng tiếng Anh, điều đó thật không thể tin được. Nhưng là mồ hôi nào? Trời đất, sau chữ này, không thể nào không nghĩ tới Diệtsimani, không nghĩ đến việc Môsê, người muốn toàn bộ Ai Cập trào máu để hình dung trước các cơn đau đớn dữ dội lúc chết của Con Thiên Chúa. Có phải Người, Đấng đã gánh lấy tất cả những nỗi buồn có thể tưởng tượng được và tất cả những nỗi buồn không thể tưởng tượng được, lúc đó đã đổ mồ hôi máu theo kiểu này hay không? Mồ hôi máu *như một hệ thống!* Mồ hôi máu của Chúa Giêsu dự định trở thành đối tác thâm lặng của các nạn đói và thảm sát! ... Có thể nghĩ rằng con người đã phát điên vì đã nghiêng người qua bờ vực này...

Điều khó hiểu nhất trên thế giới là sự kiên nhẫn của người nghèo, dấu ấn đen tối và *lạ lùng* của Sự kiên nhẫn nơi Thiên Chúa đang ngự trong các cung điện sáng láng của Người. Khi sự đau khổ đã đi quá xa, hình như điều này đơn giản đủ để người ta đánh vỡ sọ hay moi ruột con thú hoang. Những điều như vậy đã xảy ra. Thật vậy, chúng thường xuyên xảy ra trong lịch sử. Nhưng những cuộc nổi dậy đó luôn là những phong trào gây rối loạn và diễn ra trong thời gian ngắn. Ngay lập tức, sau cuộc tấn công dữ dội của họ, Mồ hôi máu của Chúa Giêsu lại âm thầm bắt đầu nhỏ xuống trong đêm, dưới những cây ô liu thâm lặng trong Vườn, với các môn đệ mê ngủ. Người phải tiếp tục với nỗi Hấp hối này thay cho rất nhiều con người không ai chống đỡ, đàn ông, đàn bà và nhất là trẻ em!

Vì đây là nỗi kinh hoàng của mọi kinh hoàng: lao động trẻ em, sự khốn cùng tột độ của những đứa trẻ nhỏ bị bóc lột bởi một ngành sản xuất tạo ra giàu có. Và điều này diễn ra ở mọi quốc gia. Chúa Giêsu từng nói: "Hãy để chúng đến với tôi." Người giàu nói: "Gửi chúng đến nhà máy, đến xưởng làm, đến những nơi tăm tối và chết chóc nhất trong tất cả các địa ngục của chúng ta. Các cô gắng của những cánh tay yếu ớt của chúng sẽ đem thêm một điều gì đó cho sự giàu có của chúng ta."

Người ta thấy những đứa trẻ tội nghiệp như vậy, những đứa trẻ có thể bị đánh gục bằng một hơi thở, đã phải làm việc hơn ba mươi giờ một tuần, và những người lao động này, hỡi Thiên Chúa hay báo thù! lên tới con số hàng trăm nghìn. Để không ai có thể nói tôn giáo bị lãng quên, các xưởng đồ mồ hôi dành cho các cô gái nhỏ, vượt quá phạm vi hiểu biết của Dante, thường được quản lý bởi các nữ tu, các trinh nữ thánh hiến, khô như cây nho của Quỷ và là những người biết mọi cách hữu hiệu để có kết quả.... Người đàn bà trẻ của thế giới có lẽ cũng không biết — như Dante không biết — trang phục và đồ lót mịn màng của nàng đã làm tốn phí những gì. Tại sao ai đó phải nói cho nàng biết về sự kiệt sức chết người, cơn đói khát không bao giờ được thỏa mãn của những cô gái nhỏ khốn cùng, tất cả đều quá vui mừng khi tự giết mình cho vẻ đẹp của nàng? Tiếng kêu vù vù có lẽ sẽ đảm nhiệm việc làm cho con thú xinh đẹp này hiểu được vị đắng đót của những giọt nước mắt phải nuốt ngược vào trong và sự

co rút vĩnh viễn của những trái tim bé bỏng ấy? Nhưng bởi vì những điều không là gì cả này lớn hơn nàng vô tận và bởi vì sau tất cả những điều này sẽ có công lý, người ta có thể chắc chắn rằng nàng sẽ không luôn không biết về chúng. Và khi nàng phát hiện ra!... Thánh sử Luca đã nghe Mồ hôi máu của Chúa Giêsu Kitô rơi xuống đất, từng giọt một. Tiếng động này quá nhẹ, không đủ đánh thức các môn đệ đang ngủ, hẳn đã được các chòm sao xa nhất nghe thấy và đã đặc biệt thay đổi hành trình lang thang của chúng. Chúng ta phải nghĩ gì về âm thanh, nhẹ nhàng và ít được lắng nghe hơn, của vô số bước chân những trẻ em tội nghiệp đi làm nhiệm vụ đau buồn và khốn khổ của chúng do những kẻ đáng nguyên rủa đòi hỏi, nhưng tất cả đều không hề hay biết và những người khác cũng không hề hay biết, là các em đang tiến về phía người anh trai của các em trong Vườn Hấp Hối, người kêu gọi các em và chờ đợi các em trong vòng tay đầm máu của Người? *Sinite pueros venire ad oi. Talium est enim regnum Dei* (Hãy để các trẻ nhỏ đến ới Thầy. *Sinite pueros venire ad me. Talium est enim regnum Dei* (Vì nước Thiên Chúa là như thế).

[*Người phối ngẫu của Con Thiên Chúa.*] Nếu ở trong hoang địa, ai nói một cách âu yếm về cảnh nghèo ắt có thể khiến đông đảo quần chúng lắng nghe, cũng như Hơi thở của Chúa, Đấng đã ban sự sống lại cho bộ xương cằn cỗi và bụi bặm của Êdêkien.

Vì Cảnh Nghèo chẳng kém gì Người Phối ngẫu của Con Thiên Chúa, và khi đám cưới vàng của nàng diễn ra, những người đi chân đất và đói rách cơ cực sẽ chạy đến từ tận cùng trái đất để chứng kiến.

Bà biết điều này, hỡi Nữ hoàng Do Thái, Mẹ của Thiên Chúa Nghèo Nhất, người mà những tên tư sản ở Bêlem không tiếp đón, và là người đã sinh hạ, trên đồng rơm của động vật, đứa con đáng yêu của ngài.

Vì vậy, con xin trao cho ngài cuốn sách này được viết bởi một người nghèo để vinh danh Cảnh Nghèo. Nếu vị đấng có trong nó, ngài sẽ hòa quyện vào đó Vị Ngọt của ngài, và nếu có giận dữ, ngài sẽ giảm bớt nó bằng Nỗi Buồn của ngài. Nhưng đừng quên điều đó, con là người cùng thời với Sự xuất hiện Núi Nước mắt của ngài. Rồi, con được đặt dưới Bàn chân của ngài. Bởi dấu hiệu này, Sự Phẫn nộ của ngài và Bẫy Lưỡi Đòng của ngài thuộc về con. Những sợi dây chuyền bằng đồng nhìn thấy trên Vai của ngài mà ngài đã để lại cho con khi ngài ra đi, và trong sáu mươi ba năm nay con đã kéo chúng đi khắp thế gian. Chính tiếng ồn của chúng quấy nhiễu những kẻ hèn nhát và những kẻ mê ngủ. Nếu còn có thể, xin biến chúng thành tiếng sét sẽ một lần và mãi mãi đánh thức họ Ăn Năn hoặc chịu Khủng Bố — Hỡi Sao Mai của những người nghèo, những người “sẽ cười vào Ngày Sau Hết!”

Lễ Truyền tin, 25 tháng 3 năm 1909

Ghi chú

[1] Luật Xalic của Pháp, không cho đàn bà làm vua

[2] Gorgon là một con vật trong thần thoại Hy Lạp, có tóc là những con rắn sống, có nọc độc, với bộ mặt xấu xí.

[3] Cocytus (hay Kokytos), nghĩa là "sông than khóc", là một con sông của thế giới giới người chết trong thần thoại Hy Lạp.

8. Léon Bloy viết về đau khổ, đức tin, thánh thiện

Vũ Văn An

30/May/2022

Léon Bloy có tiếng là người viết bạo, nói quá những điều ông cho là đúng. Nhưng ai cũng phải nhận ý hướng tuyệt đối của ông khi viết về các xác tín của mình, nhất là các xác tín tôn giáo. Có điều, hầu như mọi điều ông viết đều có liên can tới xác tín tôn giáo bản thân. Và do đó, phần lớn các nhà bình luận thừa nhận tính trung thực của ông. Dù sao, ông cũng chỉ là một nhà văn, không phải là một nhà triết học, càng không phải là một nhà thần học. Mấy tuần trước, chúng tôi đã trích đăng một số đoạn ông viết về Người Đàn Bà Khóc (Đức Mẹ La Salette) và cảnh nghèo, hôm nay, xin trích đăng một số nhận định của ông về đau khổ, đức tin và sự thánh thiện cũng trích từ cuốn Người Hành Hương Tuyệt Đối do vợ chồng triết gia Jacques Maritain thu thập.



[Đau khổ.] Tự do, hồng phúc phi thường, không thể hiểu được, không thể diễn tả được, nhờ đó chúng ta được ban quyền đánh bại Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, giết Ngôi Lời nhập thể, đâm bảy lần Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội, kích động chỉ bằng một lời nói, tất cả các linh hồn đã được tạo ra trên trời và trong địa ngục, giữ chặt Ý muốn, Công lý, Lòng nhân từ và thương xót của Thiên Chúa ở Môi của Người và ngăn chúng tràn đổ xuống sáng thể của Người; sự tự do không thể diễn tả này không là gì khác ngoài điều này: sự tôn trọng mà Thiên Chúa dành cho chúng ta.

Chúng ta hãy thử hình dung một chút về điều đó: Sự tôn trọng của Thiên Chúa! Và sự tôn trọng này lớn lao đến nỗi chưa bao giờ, kể từ luật ân sủng, Thiên Chúa đã nói với con người bằng thẩm quyền tuyệt đối. Ngược lại, Người luôn nói một cách rụt rè, dịu dàng, tôi thậm chí còn dám nói là khúm núm, từ một người thỉnh cầu khôn khổ mà không một sự si nhục nào có

thể làm thoái lui. Bằng một sắc lệnh vô cùng mâu thuẫn và không thể quan niệm được của Thánh ý vĩnh cửu của Người, Thiên Chúa dường như đã kết án chính Người cho đến ngày tận thế không bao giờ thực thi trên con người bất cứ quyền tức thời nào của chủ đối với tôi tớ, của vua đối với thân dân. Nếu Người muốn có chúng ta, thì Người phải dụ dỗ chúng ta, vì nếu Bệ hạ không vừa lòng chúng ta, chúng ta có thể ném Bệ hạ ra khỏi sự hiện diện của chúng ta, vùi dập Bệ hạ, quật roi Bệ hạ và đóng đinh Bệ hạ trong tiếng vỗ tay của những kẻ xấu xa nhất. Thiên Chúa sẽ không bảo vệ chính Người bằng quyền năng của Người, nhưng chỉ bằng sự kiên nhẫn và Vẻ đẹp của Người.

Giữa con người không tự nguyện mặc lấy tự do của mình, và Thiên Chúa tự nguyện tước bỏ quyền năng của Người, điều bình thường là có đối kháng; tấn công và phản kháng cân bằng lẫn nhau một cách hợp lý, và cuộc chiến vĩnh viễn này giữa bản chất con người và Thiên Chúa là nguồn suối phun trào của Đau khổ bất tận.

Đau khổ! Đây là chữ chủ yếu! Đây là giải pháp cho mọi cuộc sống con người trên trái đất! Bàn đạp cho mọi ưu việt, sàng lọc mọi công lao, tiêu chuẩn không thể sai lầm cho mọi vẻ đẹp đạo đức! Người ta tuyệt đối từ chối hiểu rằng đau khổ là cần thiết. Những người nói rằng đau khổ là hữu ích thì không hiểu gì về vấn đề này. Sự hữu ích luôn giả thiết điều gì đó có tính chất tĩnh tử và ngẫu nhiên, và Sự đau khổ là *điều cần thiết*. Nó là xương sống, là yếu tính của đời sống luân lý. Tình yêu được nhận biết bởi dấu hiệu này, và khi thiếu dấu hiệu này, tình yêu chỉ là một thứ mại dâm của sức mạnh hoặc vẻ đẹp. Tôi nói rằng ai đó yêu tôi khi ai đó đồng ý chịu đựng đau khổ qua tôi và vì tôi.

Đúng, chúng ta là - sao, lạ Chúa? - vâng, chúng ta là chi thể của Chúa Giêsu Kitô! Các chi thể của Người! Sự khôn cùng không thể tả nổi của chúng ta phát xuất từ việc chúng ta liên tục coi là hình tượng hoặc biểu tượng vô tri vô giác các khẳng định rõ ràng và sống động nhất của Kinh thánh. Chúng ta tin, nhưng không tin *một cách có thực chất*. Ôi! những lời của Chúa Thánh Thần nên đi vào và chảy qua linh hồn chúng ta như chì đã nấu chảy đi vào miệng của một kẻ giết cha hoặc một kẻ phạm thượng. Chúng ta không hiểu chúng ta là chi thể của Con người Sầu khổ, của Con người vốn là Niềm vui, Tình yêu, Sự thật, Sắc đẹp, Ánh sáng và Sự sống tối cao chỉ vì Người là Người yêu vĩnh viễn chịu đau khổ tột cùng, Người hành hương của tra tấn cuối cùng, người, để chịu đựng nó, lao tới từ cõi vô tận, từ sâu thẳm của vĩnh hằng, và trên đầu người này đã chắt đóng trong một sự thống nhất thể thâm một cách khiếp đảm về thời gian, không gian và con người, mọi yếu tố của tra tấn, được thu thập từ mọi hành vi của con người thực hiện trong mỗi giây, trên toàn bộ bề mặt trái đất, trong suốt sáu mươi thế kỷ!

Chúng ta có thể sử dụng điếm này như khởi điếm để đo lường mọi sự. Khi tuyên bố chúng ta là chi thể của Chúa Giêsu Kitô, Chúa Thánh Thần đã khoác cho chúng ta phẩm giá của các Đấng Cứu Chuộc, và, khi chúng ta từ chối chịu đau khổ, chúng ta hoàn toàn phạm tội buồn thần bán thánh và phản bội lòng tin. Chúng ta được tạo nên vì điều đó, và chỉ vì điều đó. Khi chúng ta đổ máu, máu của chúng ta sẽ chảy trên đồi Canvê, và từ đó trên khắp trái đất. Vì vậy, khôn cho chúng ta, nếu máu này bị nhiễm độc! Khi chúng ta rơi nước mắt, đó là “máu của linh hồn chúng ta,” chúng rơi xuống trái tim của Đức Trinh Nữ, và từ đó rơi vào trái tim của tất cả mọi người. Vị thế của chúng ta như là chi thể của Chúa Giêsu Kitô và con cái của Mẹ Maria đã khiến chúng ta trở nên vĩ đại đến nỗi chúng ta có thể nhận chìm thế giới trong nước mắt. Vì thế, khôn thay, và khôn thay cho chúng ta ba lần, nếu những giọt nước mắt này bị nhiễm độc! Mọi sự trong chúng ta đều giống hệt Chúa Giêsu Kitô, giống như Đấng mà chúng ta giống như một cách tự nhiên và siêu nhiên. Vì vậy, khi chúng ta từ chối đau khổ, chúng ta ngoại tình hơn cả như bản thể chúng ta có thể làm: chúng ta gây ra việc đưa vào

chính Xác thật và thậm chí Linh hồn của Đầu chúng ta một yếu tố trần tục mà sau đó Người phải loại bỏ khỏi chính Người và mọi chi thể của Người bằng một sự tra tấn gấp đôi không thể nào quan niệm được.

Tất cả những điều này đã rõ ràng chưa? Tôi không có ý kiến. Ý tưởng chính của tôi là trong thế giới đang sa đọa này, mọi niềm vui đều nổ tung theo trật tự tự nhiên, và mọi đau khổ đều nổ tung theo trật tự thần linh.

Các Thánh đã tìm kiếm xã hội của Cuộc Khổ Nạn của Chúa Giêsu. Họ tin câu nói của Thầy Chí Thánh khi Người nói rằng người có tình yêu lớn nhất, là người hiến mạng sống mình cho bạn bè (1). Trong mọi thời đại, các linh hồn sốt sắng và cao quý đều nghĩ rằng để *làm cho đủ*, điều tuyệt đối cần thiết là phải *làm quá nhiều* và do đó người ta phải chiếm Vương quốc Thiên đàng theo cách đó.

[*Địa đàng đã mất.*] Con hãy nhìn về con trên những ngọn núi xa xăm, trên tất cả mọi ban công của đường chân trời; con hãy nhìn vào những cái đầu hoảng loạn đó, những triệu khuôn mặt đó đang biểu lộ sự kinh hoàng và đau buồn ngay khi nhắc đến Sự Sa ngã và Địa đàng đã mất. Đây là bằng chứng phổ quát về lương tâm của con người: lời chứng sâu sắc nhất, bất khả chiến bại nhất.

Chỉ có một nỗi buồn và đó là đã đánh mất Vườn Vui Thú, và chỉ có một niềm hy vọng và một niềm mong muốn là khôi phục lại nó. Nhà thơ tìm kiếm nó theo cách riêng của mình, và kẻ nông cuồng bản thủ nhất tìm kiếm nó theo cách của mình. Nó là mục tiêu duy nhất. Napoléon ở Tilsit và một gã say rượu hôi hám lượm lên từ cống rãnh đều có cùng một cơn khát. Họ phải có nước từ Bốn Con Sông Địa Đàng. Tất cả theo bản năng đều biết rằng nó không thể được mua với giá quá đắt. Người đào mương và người thợ hàn bỏ tiền lương của họ trong hai tuần cho nó, và Napoléon, bốn triệu người.

Empti estis pretio magno (Anh em đã được mua với giá rất đắt). Đó là chìa khóa mở mọi sự, trong Cõi Tuyệt đối. Khi con biết điều này, khi con nhìn thấy nó và nhận ra nó, con giống như một vị thần và con sẽ khóc không ngừng. Mong muốn của con để thấy ba bớt bất hạnh, con Raïssa tốt bụng ạ, là điều có trong con, trong hữu thể thực chất của con, trong linh hồn con, một linh hồn nối dài Thiên Chúa, rất lâu trước khi sinh ra Nachor, ông nội của Ápraham. Nói một cách chính xác, ước muốn của con là ước muốn được Ôn Cứu chuộc đi kèm với linh cảm hoặc trực giác về giá mà Người có thể trả. *Đó là Kitô giáo*, và không có cách nào khác để trở thành Kitô hữu. Vậy, con hãy quỳ xuống mép đài phun nước này và cầu nguyện cho ba như thế này:

“Lạy Thiên Chúa của con, Đấng đã mua con với giá rất đắt, con khiêm tốn nhất cầu xin Ngài làm cho con trở thành một người trong đức tin, đức cậy và đức ái với người đàn ông nghèo khổ đang đau khổ trong việc phục vụ Ngài, và là người có lẽ đang đau khổ một cách mâu thuẫn vì con. Hãy giải thoát ông và giải thoát con để hưởng sự sống Vĩnh cửu mà Ngài đã hứa cho tất cả những ai khao khát Ngài.”

Raïssa thân yêu và diễm phúc nhất của ba, đó là điều mà một người thực sự đau buồn có thể viết cho con hôm nay, nhưng là một người tràn đầy hy vọng cao cả nhất cho bản thân và cho tất cả những người ông ta mang trong lòng."

[*Đức tin.*] Gửi Jacques Maritain: Con nói, con đang *tìm kiếm*. Hỡi giáo sư triết học, hỡi người của Descartes, con tin với Malebranche rằng chân lý là điều người ta đang *tìm kiếm*! Con tin

rằng trí óc con người có khả năng làm được điều gì đó! Nói cách khác, con tin rằng với một mức độ nỗ lực nhất định, một người có đôi mắt đen có thể có được đôi mắt xanh dát vàng! Cuối cùng con hiểu rằng người ta chỉ tìm thấy những gì họ mong muốn vào cái ngày khi họ từ bỏ một cách khiêm tốn nhất việc tìm kiếm những gì nằm dưới tay họ mà họ không hề hay biết. Về phần mình, ba tuyên bố rằng ba chưa bao giờ tìm kiếm hoặc tìm thấy bất cứ điều gì, trừ khi người ta muốn mô tả như một khám phá sự kiện mù loà vấp ngã trước ngưỡng cửa và ngã sõng soài vào Ngôi nhà Ánh sáng.

[*Bạn bè của Thiên Chúa.*] Ở tận đây, con nên làm gì để không trở thành một tên ngốc hay một con heo? Chỉ là thế này: con nên làm một điều gì đó vĩ đại, con nên gạt sang một bên tất cả những điều ngu xuẩn của một hiện hữu ít nhiều lâu dài, con nên cam chịu sự kiện này là con sẽ có vẻ nực cười trước một đôi gác công và một công chứng viên nếu con tham gia việc phục vụ Ánh Quang. Lúc ấy con sẽ biết thế nào là bạn bè của Thiên Chúa.

Bạn bè của Thiên Chúa! Ba sắp rơi nước mắt khi nghĩ đến điều đó. Con không còn biết mình phải ngã đầu trên viên đá nào, không còn biết mình đang ở đâu, nên đi đâu. Con muốn xé toang trái tim mình, nó nóng đến mức bùng cháy, và con không thể nhìn một tạo vật mà không run rẩy vì yêu thương. Con muốn khuyu gối đi từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, với con cá thối buộc vào cổ, như Angela da Foligno siêu phàm đã nói.

[*Tôi là một người hành hương mà chính Mặt trời cũng làm bất mãn.*] Gửi Henriette Charasson: Cô nói rằng cô bị “chuốc thuốc mê”, đó là cách chết xấu xí nhất. Tại sao cô có thể không bị nhầm lẫn? Tình yêu của cô với Cái Đẹp cho thấy cô thiếu sự chắc chắn, một điều không thể làm cho cô đau khổ. Cô có quá nhiều cái nhìn sâu sắc để có thể hy vọng rằng các tác phẩm nghệ thuật sẽ có thể thỏa mãn trái tim của cô. Cô biết rất rõ rằng ngoài các kiệt tác còn có một lò sưởi tình yêu bùng bùng mà từ đó các nghệ sĩ nhất thiết phải lấy cảm hứng của họ mà không bao giờ được hài lòng, và họ không thể, ngay cả với thiên tài, *mang lại* nhiều hơn một tiếng vang rất mờ nhạt, một sự phản chiếu vàng vọt nhất sấm sét và lò lửa đỏ. Ruysbroeck đáng ngưỡng mộ từng nói, “Bạn không biết những niềm vui thú mà Thiên Chúa ban cho, và hương vị ngọt ngào tuyệt diệu của Chúa Thánh Thần.” Cô biết điều đó có nghĩa là gì. Cô hẳn đã chứa trong quá khứ của cô, trước tai họa giáng xuống đức tin của cô, một số ký ức về niềm vui của tình yêu, về sự chói lọi của nó, điều được ông nói đến; và những tâm cảm hay rung động mà cô đã trải nghiệm đối với những tác phẩm tuyệt đẹp của con người hẳn phải ít ỏi so với khoảnh khắc kỳ diệu đó.

“Tài năng làm những gì nó muốn, thiên tài làm những gì nó *có thể*,” là tuyên bố tuyệt hảo của Hello. Một người càng có thiên tài, thì họ càng đưa ra nhiều bằng chứng về sự bất lực của mình. Đây là điều các tâm hồn sâu sắc cảm nhận. Một nghệ sĩ tài năng biểu lộ tất cả những gì cần được nhìn thấy; một nghệ sĩ thiên tài trao mong ước cho những gì không thể nhìn thấy, và vấn đề là như thế. Tôi là một trong những người không có gì có thể làm thỏa mãn, tôi là người hành hương trong *La Femme Pauvre* “người mà chính mặt trời cũng không làm hài lòng.” Làm thế nào tôi có thể không cảm thương cô? Nhà thơ vĩ đại nhất, nhạc sĩ vĩ đại nhất trên thế giới là một người ăn xin, một người đầu đường xó chợ đáng thương hại, một người đàn ông đang chết vì đói và khát, một người mà sự ngưỡng mộ bố thí của cô dù thật phi thường vẫn không đủ khả năng xoa dịu. Tôi vẫn tin rằng tôi nhìn thấy một linh hồn bên trong cô, và đó là lý do tại sao tôi viết cho cô những điều này.

Cô đã viết cho tôi, "Khi những nghi ngờ đầu tiên xuyên qua tâm trí, tôi đã kinh hoàng vì tôi nghĩ rằng đây là hơi thở của Ma quỷ." Cô nói đúng, nhưng tên ác quỷ này chắc chắn và ngay tại chỗ sẽ mất hết sức mạnh nếu hắn nói với cô tên của hắn: "Ta là ác quỷ Nhảm Chán." Mọi

điều cô nói với tôi đều bị sòn rách hoàn toàn. “Tôi đã dành hàng giờ trước tượng chịu nạn để tìm ra sự thật... Tôi không thể nhân nhượng sự thiếu trung thực trí thức, tôi không thể thực hành khi tôi không còn tin tưởng nữa... Tôi đã hành động như tôi nghĩ *tôi phải* hành động.” Con cừu non trầm ngâm đáng thương, người sẽ không còn tiếp xúc gì nữa dù với đồng cỏ hay người chăn dắt! “Tôi không còn có Thiên Chúa nữa, nhưng tôi hy vọng một ngày nào đó tôi sẽ không còn *hiện hữu* nữa.” Như thể niềm hy vọng đáng sợ này là một điều có thể tưởng tượng được! Và vào sự mất mát và niềm hy vọng này, cô viết thêm “tình yêu Cái Đẹp”! Nhưng dù cô còn là một đứa trẻ, làm thế nào cô lại có thể không nhận thức được rằng tất cả những điều này đều là việc bình thường và tầm thường một cách xấu xí, tiếng chuông của sự thay đổi này sẽ được tìm thấy trong mọi cuốn tiểu thuyết rẻ tiền?...

Thiên Chúa không từ chối ân sủng của Người cho một ai. Nếu Người đã rút nó khỏi cô một thời gian, điều mà tôi không biết Người đã làm chưa, đó là bởi vì có một trở ngại nào đó ở trong cô mà tôi không biết, nhưng chắc chắn lương tâm của cô phải chỉ rõ cho cô. Cô nói về sự *thiếu trung thực*, như thể vâng lời là điều không trung thực! *Để thực hành khi người ta không còn tin tưởng!*

Cô đang rất lạc đề và ý nghĩa của các từ ngữ đang thoát khỏi cô. Đây chỉ đơn giản là trường hợp say sòng. Một ngày nọ, tôi đang ở Baltic, thực hiện chuyến đi biển đầu tiên của mình. Khi bước lên tàu, tôi quyết định không được say sòng - một căn bệnh vừa nực cười vừa đau đớn. Một giờ sau, tôi cảm thấy nó đang xuất hiện. Ý chí kháng cự của tôi do đó càng trở nên vững chắc hơn, và tôi bắt đầu bước như một kẻ hoang dã, tự nhủ mình sẽ không nhượng bộ. Chiến thắng hoàn toàn, chóng mặt và buồn nôn biến mất, và niềm vui chiến thắng chúng của tôi quả khoái trá. Chà, em nhỏ tội nghiệp của tôi, cô đang làm hoàn toàn ngược lại; dù biết rõ hơn nhưng cô hèn nhát rút lui trước những bóng ma. Xinh đẹp và thông minh, hoặc do lựa chọn hoặc do lười biếng, cô trao lòng trung thực của mình cho sự xấu xa và điên rồ. Một tương lai tươi đẹp xiết bao đang ở phía trước cô! Là một kẻ nguy hiểm chống lại chính mình và một kẻ duy cảm chống lại Thiên Chúa, thật quá dễ dàng để tôi thách thức cô đã khinh bỉ điều tôi tôn thờ. Khi tôi đọc lại bức thư của cô, tôi không tìm thấy một phản bác trí thức nào trong đó, một lập luận duy nhất nào, mặc dù chỉ có thể có lý ở bề ngoài. Không có gì ngoài những cụm từ văn học rộng tuếch. Thú nhận các sai lầm của mình; lời thú tội làm cô sợ hãi, sự vâng lời thuần khiết và đơn thành đã làm cô nổi giận, và Kinh Kính Mừng hay Kinh Lạy Cha đôi với cô có vẻ kém đẹp đẽ hơn một bài thơ của Baudelaire. Hẳn cô phải đau khổ xiết bao khi đã xuống một mức độ quá thấp đến thế!

Buổi sáng hôm nay trong thánh lễ, tôi đang đọc những lời phụng vụ về việc hiệp lễ trong ngày: "Qui manducat mem carnem... Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì ở trong Ta, và Ta ở trong người ấy." Tôi nghĩ đến cô, đến những người khác đang chết vì đói và khát, và nước mắt tôi trào ra. Những lời thánh thiện và mầu nhiệm không thể diễn tả được này đã trở thành một hố phân cách đầy ánh quang đối với tôi. Tôi sẽ cố gắng phiên dịch điều này thành một cuốn sách mà tôi đã run rẩy trong tâm trí. Run rẩy trước những gì tôi nhìn thấy, run rẩy trước những gì tôi biết, run rẩy trước những gì tôi không biết. Ngày càng ngày, tôi làm việc theo cách này. Tôi đi lễ, tôi đi hiệp lễ. Tôi lân chuổi mần cô với niềm vui hoặc niềm hy vọng được ở với những người đơn sơ và nhỏ bé, những người “nước thiên đàng” thuộc về họ. Sau đó, cánh cửa rộng lớn mở ra một nửa... Tôi trở về mạnh mẽ gấp đôi, thường là chồng đồng niềm vui khoái, *có Thiên Chúa trong tôi...*

[*Sự vâng lời.*] Chỉ có một hành động, và đó là sự *Vâng lời*, mới là dấu hiệu đặc trưng của những con người tốt hơn, của những con người đích thực; sự Vâng lời siêu phàm, thánh thiện, cứu rỗi, trinh nguyên lạ lùng, và nguyên thủy đó hoàn toàn chỉ là thuật ngữ thần học

của vườn Địa đàng đã mất ... Vì vậy, cô hãy đi ra ngoài và tìm một linh mục nghèo, người mà tôi đã đề cập với cô hoặc bất cứ người nào khác, nhưng phải là một Linh mục, ôi em bé của tôi, có nghĩa là một người đàn ông, dù tốt hay xấu, nhưng được phong tư cách linh mục, và do đó có quyền năng của chính Thiên Chúa để ban sự bình an cho linh hồn cô, đó là một đức quốc vĩ đại nhất mà cô không biết. “Lạy Cha, xin thương xót con, xin rửa con, xin thanh tẩy con, *xin tha tội con!*” Và sau đó, sự ngọt ngào thiên đường, đôi mắt ngấn lệ, trái tim phập phồng, trái tim rục rịch, mà niềm vui của nó dường như ai đó có thể chết đi được... A! Ước chi cô biết, ước chi cô có thể thoáng thấy điều này chỉ một lần thôi! Cả một *Sinh hoạt* ở đó! Cô có biết rằng Thánh lễ, lễ hy sinh của Thánh lễ, là hành vi vâng lời duy nhất, là Hành vi có tính yếu tính.

[*Chúng ta ở trên giá chỉ để tuyên xưng Vinh quang.*] Chúa Giêsu Kitô đã nói trong Tin Mừng: “Ta là Sự thật,” và sự thật, Henri thân mến, là điều tất cả chúng ta đều phải đau khổ, vì Người gọi chính Người là Sự thật, do đó, Người đã tuyên bố *Ngọn lửa gia đình* của Người, chính là Thủ lĩnh của đau khổ và của những người bị tra tấn. Chúng ta phải đau khổ cả như Người đau khổ, vì những người khác và trong những người khác, dù là người hay thú vật, tự nhủ mình rằng lời của Thiên Chúa không vô ích, và chắc chắn rằng cuối cùng người khiêm nhường nhất trong số những người bị áp bức sẽ được báo thù và cuối cùng, được an ủi, khi đến giờ của những quả báo không thể sai lầm. Chúng ta chỉ ở trên giá để tuyên xưng Vinh quang.

Bạn có biết rằng để trở thành một Kitô hữu thực sự, nghĩa là một vị Thánh, người ta phải có một trái tim dịu dàng bên trong một lớp vỏ bằng đồng không? Thánh Luca kể rằng trong lúc đau khổ khôn tả nhất, Chúa Kitô đã thương xót những kẻ tàn bạo đã đóng đinh Người và Người cầu xin Cha Người tha thứ cho họ, “Chúng không biết việc chúng làm,” Người kêu to với Chúa Cha như vậy. Bây giờ, bạn hãy nhớ rằng một người đồ tể bản thiêu hoặc người chăn heo, người không hài lòng với việc sát hại những con vật đáng thương của mình, còn cắt xẻo chúng một cách bất xứng và lộ bịch sau khi chúng đã chết, đã thi hành — theo một mốt — trong bóng tối khôn lường nhất, lễ hiến tế của Đấng Cứu Rỗi, và họ cũng được bao bọc trong Lời cầu nguyện của Người. Họ càng cần điều đó hơn khi họ hèn hạ hơn, không có cảm xúc hơn, càng thoải mái hơn trong sự thiếu hiểu biết kinh khủng về những gì họ làm.

Chúa Kitô ở trung tâm mọi sự, Người tự mình gánh lấy mọi sự, Người gánh chịu mọi sự, Người chịu đựng mọi sự. Không thể đánh một con người mà không đánh Người, làm nhục ai đó mà không làm nhục Người, nguyên rửa hoặc giết ai đó mà không nguyên rửa Người hoặc giết chính Người, chính Người. Người thấp kém nhất trong số những người đáng khinh buộc phải mượn Khuôn mặt của Chúa Kitô để nhận một cú đánh, bất kể từ bàn tay nào. Nếu không thì cú đòn không bao giờ có thể đến được với anh ta và sẽ vẫn treo lơ lửng trong không gian giữa các vì sao, qua nhiều thời đại, cho đến khi nó gặp Khuôn Mặt chuyên tha thứ.

Nỗi buồn và sự phần nộ hoàn toàn cao cả khiến dạ dày của bạn quặn thắt khi chứng kiến sự xuống cấp ghê tởm mà bạn đã nói với tôi sẽ phục vụ bạn như một đối trọng nếu bạn có thói quen lưu ý đến những thực tại sâu xa, để suy nghĩ về phạm vi rộng lớn của Sự Tha thứ đó. Những người giết người hoặc gây ra đau khổ, những người làm suy thoái hoặc làm ô danh bất cứ công việc gì của Thiên Chúa và những người, do đó, không thể biết điều họ làm, chính họ đang ở trong tình trạng khôn cùng khủng khiếp đến nỗi Chúa Giêsu đang hấp hối phải lồng họ vào di chúc Khổ nạn của Người, để họ có thể nhận được lòng thương xót.

Vì vậy, bạn hãy nâng cao linh hồn của bạn bằng cách chiêm niệm *những điều không hiển nhiên*. Bạn hãy là người cầu nguyện, và bạn sẽ là người của hòa bình, người sống trong hòa

bình. Tôi xin bạn nói với chính mình rằng mọi thứ chỉ là biểu kiến, mọi thứ chỉ là biểu tượng, ngay cả nỗi buồn xé lòng nhất. Chúng ta là những kẻ khóc lóc trong giấc ngủ của họ. Chúng ta không bao giờ biết được liệu điều này hay điều nọ khiến chúng ta đau buồn không phải là nguyên lý bí mật của niềm vui sau này của chúng ta. Thánh Phaolô cho biết hiện tại, chúng ta thấy, *per speculum in aenigmate*, nghĩa đen là: “lờ mờ như trong một tấm gương,” và chúng ta không thể thấy khác trước sự xuất hiện của Người, Đấng hoàn toàn sáng láng và sẽ dạy chúng ta mọi điều. Cho đến lúc đó, tất cả những gì chúng ta có đều là sự vâng lời, sự vâng lời đầy yêu thương sẽ khôi phục lại cho chúng ta, *trên trái đất*, địa đường đã đánh mất do bất tuân.

Tôi biết rõ vai trò làm cha sẽ mang lại cho bạn những gì. Trước khi chính mình trở thành một người cha, tôi chưa hiểu rõ về Cha của chúng ta. *Cha của chúng ta, Đấng ngự trên trời...* Khi đứa con gái nhỏ của tôi nói với tôi, đối với tôi dường như *vwang quốc của tôi đã đến*. Bạn sẽ cảm thấy điều đó.

Tất cả những gì xảy ra đều có tính thần linh: điều này tôi chủ trương bằng trọn phẩm quyền nghèo khó hoàn toàn của tôi, một điều hoàn hảo như Thiên Chúa hoàn hảo vậy, và do đó tự nó có tính thần linh. Khiếu nại thì chúng ta, bạn và tôi, cứ khiếu nại, nhưng chúng ta không thể thoát khỏi luật này, và chúng ta sẽ không bao giờ thành công trong việc dành cả đời để khiếu nại một cách chính đáng chống lại Quan Phòng. Nếu chúng ta thiếu tiền, đó là bởi vì tiền sẽ có hại cho chúng ta, và chúng ta chắc chắn sẽ lăn vào trong nó bất cứ khi nào thứ kim loại đó không còn là một dịp gây nguy hiểm cho chúng ta nữa.

Tin điều này, hoàn toàn thấy điều này, đó là phương tiện duy nhất được cung cấp cho chúng ta để không sa xuống dưới mức của những kẻ vũ phu. Henry tội nghiệp của tôi, nếu bàn chân của bạn làm bạn đau, đó là vì việc di chuyển sẽ có hại cho bạn vào lúc này, và nếu bản thân tôi bị mắc kẹt, với vợ con tôi, thêm một thời gian nữa ở cái ngõ cụt quý quái này, thì chắc chắn đó là vì không khí trong lành và hương hoa sẽ ít có lợi cho chúng tôi hơn là mùi phân và mùi hôi thối khó chịu mà chúng tôi phải hít thở ở đây.

Há chúng ta không biết rằng, vào chính lúc chúng ta chịu một đòn đau đớn nào đó, thì chính Chúa Giê-su, người đầy vết thương, đang sụp xuống tấm thảm bùn trong linh hồn chúng ta, cầu xin chúng ta, ít nhất, đừng nổi giận quá nhiều chống lại Người, và do đó chúng ta sẽ tràn ngập một hạnh phúc không thể tưởng tượng được đó hay sao?

Bạn biết Gióp nói ra sao về thế giới: *Terram tenebrosam* (trái đất này đen tối), v.v... nó ra sao? Bạn hãy nhớ rằng đây là nơi ở của con người sa ngã, nhà tạm của kẻ bất tuân, đây là điều chúng ta gọi là quả cầu quay của trái đất chúng ta, và chúng ta đã được cảnh báo rất nhiều, bởi những Lời chắc chắn này, rằng sẽ là điều ngu ngốc hoặc ác ý khi cho rằng điều Giáo hội gọi là “thung lũng nước mắt”, ngược lại, là một nơi sáng sủa và thoải mái. Phúc cho người nghèo, phúc cho người hiền lành, phúc cho ai khóc lóc và khao khát công lý, cũng phúc cho ai nhân từ, tâm hồn trong sạch và những người kiến tạo hòa bình. Cuối cùng, phúc cho những người bị bắt bớ. Ôi! đúng như thế.

Bạn không thấy rằng tất cả những Người Được Chọn này, *những người mà chúng ta thuộc về*, dù ít hay nhiều, cho dù chúng ta không xứng đáng chút nào, đều ở một vị trí đáng ngưỡng mộ để giải mã bản văn sách Gióp và luôn là một khởi đầu của Địa đàng, khi được nhìn thoáng qua một đường nét của Lời Chúa, dù chỉ là lờ mờ.

[*Những dòng nước mắt chúng ta vừa để rơi.*] Bạn thân mến, bạn vừa viết cho tôi một bức thư

đẹp đẽ và đau đớn. Tôi mong Thiên Chúa ban cho tôi những lời an ủi dành cho bạn. Trong sự bất lực và nỗi buồn thực sự lớn lao của tôi, tôi trước tiên là muốn cố gắng trả lời câu hỏi của bạn: "Ông làm gì với chính mình ông?" Sẽ dễ dàng hơn cho tôi khi nói cho bạn biết những gì tôi đã không làm. Ở đây đã hơn ba mươi năm nay, tôi tìm kiếm hạnh phúc duy nhất đó là Sự Thánh Thiện. Kết quả khiến tôi xấu hổ và sợ hãi. De Musset từng nói: "Tôi chỉ còn lại bao nhiêu đó, tức tôi đã khóc. Tôi không có kho báu nào khác. Nhưng tôi đã khóc đến nỗi tôi giàu có sau kiểu thời trang này. Khi bạn chết, đó là những gì bạn mang theo bên mình: những dòng nước mắt bạn đã để rơi và những dòng nước mắt bạn đã làm cho rơi xuống, vốn liếng hạnh phúc hay kinh hoàng. Chính vì những dòng nước mắt này mà chúng ta sẽ bị phán xét, vì Thánh Thần Thiên Chúa luôn "là là trên mặt nước." Một nhà điêu khắc tài năng vĩ đại đang hoàn thành bức tượng bán thân của tôi. Tôi nói với ông ta, "Đừng quên đường rãnh, cái rãnh này ở đây dưới mỗi hai con mắt của tôi."

Rouault thân yêu của tôi, đó là điều tôi mong ước cho bạn. Tôi nên muốn bạn được tắm gội trong nước mắt dưới chân Chúa Giêsu. *Quare tristis es, anima Mea...* Hỡi linh hồn tôi, tại sao ngươi lại buồn, và tại sao người lại làm phiền ta? *Spera in Deo* (Hãy cậy trông Thiên Chúa). Khi tôi đọc kinh mở đầu tuyệt vời này của thánh lễ, rất nhiều lần tôi đã để rơi những dòng nước mắt đáng giá hơn nhiều thánh ca và đặt trái tim vào đồng cỏ Địa đàng.

Bạn là một trong những người mà Thiên Chúa đang tìm kiếm. *Quaerens me, sedisti lassus...* Khi con tìm ta, con ngồi xuống, mệt mỏi rã rời. Bạn hãy để bản thân được tìm thấy, bạn hãy đi ra gặp người chăn chiên đó.... Lúc đó, Người sẽ làm cho bạn khóc một cách thảm thương đến nỗi hầu như bạn sẽ không còn có thể chịu đựng được nữa.

[*Nỗi buồn không phải là cứu cánh cuối cùng của chúng ta.*] Toàn bộ bài "*De Profundis*" [từ vực sâu] của bạn làm chứng cho và báo trước một linh hồn đạo giáo, nhiệt thành và sâu sắc. Khi bạn viết thư cho tôi để trả lời cho lời khuyên thân thiện của tôi, bạn đã tuyên bố rằng mình không thèm hạnh phúc - điều đó rõ ràng là vô lý. Không ai lại không có sức mạnh tìm kiếm Địa đàng, thậm chí đang tuyệt vọng. Nhưng trong trường hợp đó, đó là Địa đàng trần gian. Nỗi buồn không phải là cứu cánh cuối cùng của chúng ta; đó là Phước hạnh là cứu cánh cuối cùng của chúng ta. Nỗi buồn cầm tay dắt chúng ta đến ngưỡng cửa Sự sống vĩnh cửu. Ở đó nó giã từ chúng ta, vì ngưỡng đó bị cấm đối với nó. Bản thân bạn cũng thấy điều đó theo cách đó, khi bạn viết: "Cấu trúc làm nền vững chắc cho mọi tòa nhà đạo đức vĩ đại đều là sự tuyệt vọng", một câu nói sẽ mâu thuẫn về mặt từ ngữ nếu bạn chỉ nghĩ đến sự tuyệt vọng *triết học* mà thôi, một tuyệt vọng hệ ở việc *không trông đợi điều gì* nơi con người nhưng *trông đợi mọi sự* nơi Thiên Chúa, "sự tuyệt vọng đầy tinh tú vĩ đại", nói theo cụm từ tuyệt vời của bạn. "Từ điều này, hy vọng và tôn giáo đã bay bổng tới thiên đường." Vì vậy, ở đây chúng ta hoàn toàn nhất trí với nhau. Một ấn bản mới của cuốn *Le Désespéré* của tôi có thể mang đề từ này rút ra từ Carlyle: "Sự tuyệt vọng chịu đủ xa hoàn tất vòng tròn và một lần nữa trở thành một loại hy vọng bùng cháy và có sinh hoa trái."

Còn đối với nỗi tuyệt vọng kia, nỗi thất vọng *thần học*, nỗi tuyệt vọng không trông đợi gì nơi Thiên Chúa, chúng ta sẽ để nó cho những người tư sản, những kẻ tìm kiếm niềm vui cho cái bụng của họ.

Nỗi buồn nói, "Tôi quá đẹp đẽ được yêu!".

[*Anh Đã Yêu Cầu Được Chịu Đau Khổ.*] Anh thấy trong lá thư thân yêu của em một cụm từ khiến anh lo lắng. Em nói với anh rằng em muốn hy sinh thời gian của mình để cầu nguyện. Anh sợ em có thể bị ảo tưởng. Điều Thiên Chúa yêu cầu ở mỗi người chúng ta là sự hy sinh ý

chí của chúng ta, không gì hơn, và điều đó bao gồm mọi sự.

Nếu hoàn cảnh đòi hỏi em, trong một thời gian, phải dành cho các theo đuổi ít quan trọng hơn thời gian em có thể dành cho cầu nguyện, em phải xem đây là mệnh lệnh của Thiên Chúa và tin rằng sự hy sinh đó đẹp lòng Người hơn là việc cầu nguyện của em, tự nó là một việc cầu nguyện vô cùng tốt đẹp hơn.

Đối với những đau khổ của anh, Jeanne yêu quý của anh, em hãy rộng lượng chấp nhận chúng như đã được thánh ý Thiên Chúa muốn và, anh xin em, đừng chú ý quá nhiều đến những lời phàn nàn của anh. Nếu anh phải bất hạnh, rất bất hạnh, trong một thời gian dài nữa — điều mà anh không tin là như vậy — tất cả đều tốt cho em. Lý do là nó cần thiết cho việc trả nợ của em. Khi nhận được ân sủng thần linh, chúng ta nên tin tưởng rằng ai đó đã thay mặt chúng ta trả giá cho nó. Luật lệ là vậy, Thiên Chúa tốt lành vô cùng, nhưng Người đồng thời cũng công bình vô cùng và như vậy, Người cho thấy bản thân Người là một chủ nợ nghiêm khắc vô cùng. Khoảng mười lăm năm trước, khi em còn là một cô bé, anh đã dành hàng tháng trời để xin Thiên Chúa, trong những lời cầu nguyện giống như cơn bão, để Người làm cho anh phải chịu mọi đau khổ mà một con người có thể chịu đựng được, để bạn bè của anh, anh em của anh và những linh hồn anh không biết, đang sống trong tối tăm có thể được giúp đỡ, và anh đảm bảo với em, người yêu của anh, rằng những lời cầu nguyện của anh đã được ban cho một cách khùng khiếp. Chà, anh hoàn toàn tin chắc rằng chính vì vậy anh đã chiếm được em, và chính nhờ nỗi buồn như địa ngục trong mười lăm năm đó mà anh đã trả giá cho những niềm vui ngoại thường sẽ đến với em.

[*Đau khổ nơi người khác.*] Tình yêu của anh, em có biết không, điều khó khăn nhất đối với linh hồn là chịu đau khổ, anh không nói cho người khác, mà là nơi người khác. Đó là điều khùng khiếp nhất trong số những nỗi thống khổ của Đấng Cứu Rỗi. Bên dưới cuộc Khổ nạn hiển thị đáng kinh hoàng của Chúa Kitô, bên kia diễn trình hành hạ và ô nhục, để có được một ý niệm mơ hồ của điều mà tự nó đã gây cho chúng ta rất nhiều bối rối, là Lòng Cảm thương của Người, mà chúng ta cần cả một vĩnh cửu may ra mới hiểu được — một lòng cảm thương xé nát tâm can, hoàn toàn vượt quá lời nói, một điều đập tắt mặt trời và làm cho các vì sao dao động trong đường đi của chúng, khiến cho Người đổ mồ hôi máu trước cơn hấp hối cuối cùng của Người, khiến Người phải kêu lên cơn khát của mình và cầu xin Cha Người thương xót trong cơn hấp hối của Người.

[*Lòng Cảm thương của Chúa Giêsu.*] Em hãy suy nghĩ rằng Chúa Kitô, chịu đau khổ trong lòng Người bằng trọn sự hiểu biết của một Thiên Chúa, và trong lòng Người là tất cả trái tim con người với tất cả những nỗi buồn của họ, từ thời Adam cho đến ngày tận thế.

Ôi, đúng! đau khổ vì người khác, đó có thể là một niềm vui lớn khi người ta có một tâm hồn rộng lượng nhưng chịu đau khổ nơi người khác, đó mới là điều thực sự đáng gọi là đau khổ!

Khi đáng mà trong nhà thờ của ngài em vẫn đến cầu nguyện mỗi Chúa nhật, khi Thánh Vincent de Paul tuyệt vời, không có cách nào khác để chuộc một người khốn khổ bị lên đoạn đầu đài, đã trả giá bằng chính con người của mình bằng cách đeo xiềng xích thay cho anh ta, người anh hùng Kitô giáo này hẳn phải cảm thấy một niềm vui lớn, nhưng đồng thời cũng là một nỗi buồn lớn nhất, một nỗi buồn vượt xa niềm vui ấy vô hạn, khi ngài nói rằng sự hy sinh của ngài chỉ có thể phục vụ một người khốn cùng trong khi xung quanh anh ta là muôn vàn những kẻ bị giam cầm tiếp tục phải chịu đau khổ.

[*Hồi Đấng Cứu Chuộc Dịu Dàng của con, xin hãy suy gẫm.*] “Lạy Chúa Giêsu, Đấng Cứu

Rồi thân linh của con, Đấng trong hai ngàn năm nay, bị đóng đinh bởi con, vì con, trong con, và chính Chúa đang chờ đợi để được giải thoát trong khi đổ máu trên chúng con, từ đỉnh cao cây Thập Giá khùng khiếp đó, vốn là hình ảnh và họa ảnh vô cùng màu nhiệm của Thánh Thần ngầu ngiên của Chúa - con nài xin Chúa đoái nhìn sự khốn cùng khủng khiếp của con và hoàn toàn thương hại con. Lạy Đấng Cứu Chuộc dịu dàng của con, xin Chúa suy gẫm điều này cả con nữa cũng thương hại Chúa, các đau khổ của Chúa cũng thường xuyên xé nát trái tim con, và con đã khóc chảy nước mắt ngày đêm không kể siết khi nhớ đến nỗi thống khổ của Chúa. Há Chúa không thấy con suốt nhiều năm trường dưới chân thánh của Chúa, tràn đầy tình yêu và cảm thương và kinh hoàng quay gót khỏi những thú vui của cuộc sống để được thỏn thức với Mẹ của Chúa và đoàn lũ các vị tử đạo thân yêu của Chúa, những người đã không xấu hổ khi chấp nhận con làm bạn đồng hành của họ đó sao? Chúa cũng không nên quên rằng vì sự tôn kính đối với các vết thương thân linh của Chúa, con đã hiếm khi bỏ qua việc chịu đau khổ vì những người bất hạnh, và con đã lôi kéo một vài người trong số họ từ tận cùng của mọi vực thẳm để, bằng tình yêu thương anh em, mang họ đến với nhan Chúa.

“Tuy nhiên, Chúa vốn đòi hỏi nơi con nhiều hơn, Chúa đã áp đảo con bằng một gánh rất nặng, và Chúa đã muốn con phải chịu đựng những nỗi buồn lớn đến nỗi chỉ một mình Chúa, lạy Chúa của con, mới có thể biết được chúng. Trong những ngày về sau này, khi không còn hy vọng gì ở nơi Chúa nữa, con muốn chia lìa khỏi Chúa mãi mãi, vì lòng thương xót của Chúa, Chúa đã gửi tới cho con một tạo vật ngọt ngào này, người vốn yêu Chúa, vốn tìm kiếm Chúa trong một thời gian dài và là người cuối cùng Chúa đã đẩy vào vòng tay của con. Lạy Thầy chí thánh của con, chính Chúa đã tự đặt mình vào cái chết, Chúa không thể là đao phủ của những linh hồn tội nghiệp mà vì họ Chúa đã chịu hấp hối. Con nài xin Chúa, nhờ thánh danh Giuse, nhờ trái tim bị đâm thấu của Mẹ Chúa, và nhờ hài cốt thánh thiêng của tất cả các vị thánh của Chúa, thương xót Jeanne rất yêu dấu của con và thương xót con. Xin Chúa cho chúng con đầy tràn ân sủng của Chúa và hợp nhất chúng con trong việc phục vụ Chúa mãi mãi.”

Chúng ta phải cầu nguyện. Mọi thứ khác đều vô ích và ngu ngốc. Chúng ta phải cầu nguyện để chịu đựng sự kinh hoàng của thế giới này, chúng ta phải cầu nguyện để được trong sạch, chúng ta phải cầu nguyện để có được sức mạnh mà chờ đợi.

Không có sự tuyệt vọng cũng không có nỗi buồn cay đắng nào cho người năng cầu nguyện. Chính tôi là người nói với bạn điều đó. Ước gì bạn biết tôi có quyền đến đâu và tôi có thẩm quyền gì để nói chuyện với bạn!

Bạn biết những rắc rối thông thường của cuộc sống, nhưng bạn không biết Nỗi buồn thực sự. Bạn đã không nhận được một cú đánh thực sự nào đâm thấu trái tim. Có lẽ bạn sẽ không bao giờ nhận được nó, vì rất ít người nhận được, mặc dù nhiều người khẳng định rằng họ đã nhận được.

Có vô số con người không bao giờ trưởng thành và nghĩ rằng họ đau khổ vô cùng trong khi thực sự họ chịu đựng rất ít. Có vô số những con người tưởng tượng rằng họ có Đức tin, nhưng đức tin của họ sẽ không nổi dậy một hạt bụi. Đối với Đức Cây và Đức Mến, còn những từ ngữ nào bị đánh đi nhiều hơn?

Đức tin, Đức cậy và Đức ái, và Nỗi buồn là nền tảng của chúng, là kim cương, và kim cương rất hiếm, như bạn đã học. Chúng rất đắt, đừng bao giờ quên điều này.

Những viên kim cương loại đó phải mua bằng lời Cầu nguyện vốn tự nó là viên ngọc vô giá

chỉ nắm được bằng chinh phục.

[*Khi chúng ta cầu nguyện.*] Kitô hữu biết hoặc phải biết rằng cầu nguyện là sức mạnh chắc chắn nhất, nhưng tác dụng của nó vẫn chưa ai biết. Khi cầu nguyện, chúng ta đặt vào tay Thiên Chúa một thanh gươm trần trụi, tráng lệ và đáng sợ, với nó, Người có thể làm gì thì làm, và chúng ta không biết gì thêm nữa. Cầu nguyện cho một em nhỏ chắc chắn là điều màu nhiệm hơn hết về tác dụng của nó. Khi đó, chúng ta là chính chúng ta như những đứa trẻ ở bờ biển, hay như những người ăn xin nhìn vào Dải Ngân hà. Ở chiều cao và ở vực thẳm đều có các kho báu hoặc nỗi kinh hoàng không thể quan niệm được.



Benoit thân yêu của tôi, tôi cảm thấy mạnh mẽ, có nghĩa là, có thể hành động lên Thiên Chúa (*praevalens Deo*), chỉ khi nào tôi cảm thấy vô cùng khốn khổ và khi điều này làm tôi khóc. Tất nhiên, tôi muốn nói đến sự khốn khổ của tâm hồn và trí óc tôi, vốn có thực hơn nhiều so với những gì người ta có thể nghĩ. Tin tôi đi, tất cả những gì tôi đã có thể viết mà hay, mà đẹp nếu bạn thích, tất cả những gì có lợi cho một vài linh hồn, đều được *ban* cho tôi bởi vì tôi đã khóc vì chính mình cùng lúc với việc tôi khóc vì nhiều người khác, vì toàn bộ sáng thế bị hủy hoại bởi việc sa ngã, và những giọt nước mắt diễm phúc này, cả chúng nữa, cũng là một hồng phúc nhưng không một cách tuyệt vời, cho tôi, nói thật, vốn là một người rất nghèo, nghèo nhất trong những người nghèo, có Thiên Chúa biết.

[*Một mình trước nhan Thiên Chúa.*] Gửi Jean de la Laurencie: Bạn thân mến, vợ tôi, người đã thấy bạn hôm nay, nói với tôi rằng bạn gán cho tôi sức mạnh có thể an ủi bạn. Bạn đã viết cho tôi những điều tương tự và nó luôn làm tôi kinh ngạc. Không ai ở lứa tuổi bạn hiện hữu, để bạn nghĩ rằng bạn cần đến tôi! Bản thân tôi cần gì mà lại không dựa vào ai đó! Tôi đã thử bao nhiêu lần rồi! Đã bao lần tôi nghĩ rằng mình đã tìm thấy những cột đá hoa cương mà thực ra chẳng là gì ngoài tro tàn, thậm chí còn tệ hơn thế nữa! Và tôi thực sự sợ hãi rằng bản thân tôi không còn là gì hơn nữa.

Những gì ít ỏi tôi có, Thiên Chúa đều đã ban cho tôi mà không cần tôi dự bất cứ vai trò nào trong đó, và tôi đã sử dụng nó như thế nào? Điều xấu xa nhất không phải là phạm tội mà là không làm điều tốt mình có thể làm. Đó là tội *bỏ sót*, vốn không là gì khác hơn không-yêu, và về tội này, không ai tự tố cáo mình. Bất cứ ai có thể theo dõi tôi hàng ngày, trong thánh lễ sớm nhất, sẽ thường thấy tôi khóc. Những giọt nước mắt này, có thể là thánh thiện, nhưng đúng hơn là những giọt nước mắt cay đắng. Vào những lúc như vậy, tôi không nghĩ đến tội lỗi của mình, một vài tội trong số đó rất lớn lao. Tôi nghĩ về những gì tôi có thể làm mà đã không làm, và tôi nói với bạn rằng nó thực sự đen đúa.

Bạn đừng nói với tôi rằng nó giống nhau với tất cả mọi người. Thiên Chúa đã ban cho tôi cảm giác, nhu cầu, bản năng — tôi không biết phải diễn đạt thế nào — về Đấng Tuyệt đối, giống như Người đã ban lông cho nhím và vòi cho voi. Một hồng phúc cực kỳ hiếm hoi mà tôi đã ý thức được ngay từ khi còn nhỏ, một khả năng nguy hiểm và day dứt hơn cả thiên tài, vì nó ngụ hàm sự thèm thuồng liên tục và cuồng nhiệt đối với điều không hiện hữu trên trái đất, và vì qua nó là sự cô lập vô hạn đã thủ đắc được. Tôi có thể trở thành một vị thánh, một người làm phép lạ. Nhưng tôi đã trở thành một người của văn đàn.

Ước chi mọi người biết rằng những câu hoặc trang họ chọn để ngưỡng mộ chỉ là cặn bã của một hồng phúc siêu nhiên mà tôi biến thành một mớ hỗn độn đáng ghét và tôi sẽ buộc phải tính sổ một cách đầy sợ hãi! Tôi đã không làm những gì Chúa muốn nơi tôi, điều này chắc chắn. Ngược lại, tôi đã mơ *những gì tôi muốn từ Thiên Chúa*, và tôi ở đây, ở tuổi sáu mươi tám, không có gì trong tay ngoài mấy tờ giấy! Ôi! Tôi biết rõ bạn sẽ không tin tôi, bạn sẽ cho rằng đây là một sự khiêm tốn nào đó. Chao ôi! Khi một người ở một mình, trước nhan Thiên Chúa, ở lối vào một đại lộ tối tăm nhất, người ta nhìn vào trong chính mình thì không có cách gì để đánh giá quá cao chính mình! Sự tử tế chân chính, thiện chí trung thực, sự đơn sơ của trẻ em, tất cả đều kêu cầu nụ hôn từ Miệng Chúa Giêsu — bạn biết rất rõ rằng bạn không có bất cứ khía cạnh nào của điều này và bạn thực sự không có gì để bạn tặng những trái tim đau khổ đáng thương đang nài xin trợ giúp. Đây là quan điểm của tôi đối với bạn, bạn thân mến. Chắc chắn tôi có thể cầu nguyện cho bạn, tôi có thể đau khổ với bạn và vì bạn, bằng cách cố gắng gánh một chút gánh nặng của bạn; vâng, nhưng giọt nước lấy từ một chén thánh của Địa đàng trần gian, tôi không thể ban tặng bạn được. Tôi cảm thấy hôm nay tôi có nhiệm vụ phải nói với bạn điều này để bạn có thể không quá tin tưởng vào một tạo vật yếu đuối và buồn bã.

[*Tội bỏ sót.*] Tôi thường nghĩ rằng tổn thương đến linh hồn nguy hiểm nhất là tội *bỏ sót*. Tội hành động, dù có lớn đến đâu, cũng có thể được tha thứ vì Chúa Giêsu đã trả giá cho nó rồi. Nhưng Người không trả giá cho tội bỏ sót, thứ tội liên quan đến Chúa Thánh Thần. Đây là một suy nghĩ day dứt, đặc biệt là vào cuối đời, khi bạn nhớ chính xác một số hoàn cảnh trong đó, đáng lẽ bạn có thể dễ dàng thực hiện một số hành vi được Thiên Chúa yêu cầu, nhưng bạn đã bỏ qua hoặc chính thức từ chối thực hiện. Đó là trường hợp của tôi. Bằng cách này, tôi chính xác ở cùng một bình diện với những người giàu, những người, không gây cho họ mấy rắc rối, đã giúp tôi hoàn thành sứ mệnh của mình, mặc dù họ không muốn. Tất cả những gì tôi có thể làm là khóc lóc thảm thiết, như Thánh Phêrô, người có thể đã tránh được việc chối Thầy của mình, và người chỉ nhận được ơn tha thứ khi Chúa Thánh Thần giáng xuống trên ngài như một tiếng sét.

Tôi sắp rước lễ. Vị linh mục đã thốt ra những lời đáng sợ mà lòng sùng đạo xác thịt gọi là an ủi: *Domine non sum dignus...* [Lạy Chúa, con không đáng...] Chúa Giêsu sắp ngự đến, và tôi chỉ có một khoảnh khắc chuẩn bị đón tiếp Người... Trong một khoảnh khắc, Người sẽ ở dưới mái nhà tôi.

Tôi không nhớ mình đã dọn dẹp nơi ở này, nơi mà Người sẽ ngự vào trong tư cách một vị vua hay một *tên trộm*, vì tôi không biết phải nghĩ gì về chuyến viếng thăm này. Thật vậy, đã có bao giờ tôi dọn dẹp nó cho sạch, nơi tôi ở đây nhớp nhúa và xác thịt chưa?

Tôi liếc nhìn nó, một cái nhìn tội nghiệp đầy kinh hoàng, và tôi thấy nó đầy bụi và đầy rác rưởi. khắp nơi dường như có một mùi bản và thối rửa.

Tôi không dám nhìn vào những góc tối. Ở những nơi khuất bóng cuối cùng, tôi nhìn thấy những điểm kinh khủng, cũ hay mới, nhắc tôi nhớ rằng tôi đã tàn sát những người vô tội, và

không biết bao nhiêu người, một cách tàn ác như thế nào!

Những bức tường của tôi đầy những sâu bọ và nhiều những giọt lạnh lùng làm tôi nhớ tới những giọt nước mắt của rất nhiều kẻ bất hạnh đã cầu xin tôi trong vô vọng, hôm qua, hôm kia, mười, hai mươi, bốn mươi năm trước....

Và kìa! Ở đó, trước cánh cửa ghé rợn đó, ai là con quái vật đang ngồi xôm kia, kẻ mà cho đến giờ tôi vẫn chưa nhận ra, và ai giống với tạo vật mà tôi thỉnh thoảng thoáng thấy trong gương? Anh ta dường như đang thiếp ngủ trên cánh cửa sập bằng đồng, được tôi niêm phong và khóa chặt cẩn thận, để tôi có thể không nghe thấy tiếng kêu la của người chết và tiếng *Miserere* [xin thương xót] đáng thương của họ.

Ôi! Thực sự Thiên Chúa không sợ khi bước vào một ngôi nhà như vậy!

Và Người ở đây! Tôi phải chào hỏi Người như thế nào, và tôi sẽ nói gì hoặc làm gì? Tuyệt đối *chẳng có gì*.

Ngay cả trước khi Người vượt qua ngưỡng cửa của tôi, có lẽ tôi đã không còn nghĩ gì về Người, tôi đã không còn ở đó nữa, tôi đã biến mất, tôi không biết làm thế nào, tôi sẽ ở xa vô cùng, giữa những hình ảnh của các tạo vật.

Người sẽ ở một mình và chính Người sẽ dọn dẹp nhà cửa, được sự giúp đỡ của Mẹ Người, đáng mà tôi tự xưng là nô lệ của ngài, còn ngài, thực sự, là người hầu gái khiêm nhường của tôi.

Khi Các Ngài ra đi, cả hai Ngài, để thăm các ổ khác, tôi sẽ lại trở về và mang theo một đồng rác rưởi mới.

Lạy nữ vương rất thân yêu của con, con không biết đâu là việc tôn vinh Mẹ vì điều này hay điều nọ trong các Mầu Nhiệm của Mẹ, như đã được một số bạn bè của Mẹ dạy bảo. Con không muốn biết gì ngoài việc Mẹ là Mẹ Sầu Bi, trọn cuộc sống trần gian của Mẹ chỉ là nỗi buồn, nỗi buồn vô hạn, và con là một trong những đứa con của nỗi buồn của Mẹ. Con đã đặt mình phục vụ Mẹ như một nô lệ, con đã giao phó cho Mẹ đời sống vật chất và tinh thần của con để nhờ Mẹ con nhận được ơn thánh hóa của con và của những người khác. Chỉ bằng cách này, dưới tiêu đề này, con mới có thể nói chuyện với Mẹ. Con thiếu đức tin, đức cậy và đức mến. Con không biết cầu nguyện ra sao và con không quen với việc sám hối. Con không thể làm gì và con chẳng là gì ngoài một đứa con của nỗi buồn. Mẹ biết rằng từ rất lâu, hơn ba mươi năm qua, để tuân theo sự thúc đẩy chắc chắn phát xuất từ Mẹ, con đã xin giáng xuống trên con mọi đau khổ có thể có. Bởi vì điều này, con tự lý giải rằng sự đau khổ của con, vốn rất lớn và liên tục, có thể được dâng lên cho Mẹ. *Rút ra từ kho lẫm này để trả nợ của con và của tất cả những tạo vật con yêu quý*. Và lúc đó, nếu Thiên Chúa muốn, Mẹ hãy bảo đảm để con trở thành nhân chứng của Mẹ trong dần vật của cái chết. Con xin Mẹ điều này nhân danh dụ dàng nhất của Mẹ là Maria.

Chúng ta được tạo ra để nên thánh. Nếu có bất cứ điều gì được viết ra, thì chắc chắn là điều này. Sự thánh thiện được đòi hỏi nơi chúng ta, nó nội tại trong bản chất con người, đến nỗi Thiên Chúa cho rằng sự hiện hữu của nó, có thể nói như thế, trong mỗi người chúng ta, nhờ các bí tích của Giáo hội Người, tức là, nhờ các dấu hiệu huyền nhiệm làm cho việc khởi đầu

Vinh quang thành hoạt động một cách vô hình trong các linh hồn. *Sacramentum nihil aliud nisi rem sacram, abditam atque occultam significant.* (Bí tích không là gì khác hơn là một điều thánh thiêng, giấu kín và huyền bí.) Điều thánh thiêng và huyền bí được Công đồng Trent ám chỉ này có hiệu lực *kết hợp* các linh hồn với Thiên Chúa. Nền thần học siêu việt nhất không nói gì mạnh hơn khẳng định này. Thậm chí có ba bí tích còn in ấn tích, và ấn tích này không thể bị xóa nhòa. Vì vậy, chúng ta hầu như là những vị thánh, những cột trụ của Vinh quang vĩnh cửu. Một Kitô hữu có thể bác bỏ phép rửa của mình, loại Chúa Thánh Thần khỏi suy nghĩ của mình, và nếu anh ta là một linh mục hư hỏng, bác bỏ sự kế vị của các Tông đồ do chức thánh ban cho anh ta; tóm lại, anh ta có thể tự trầm luân mình đời đời; không điều gì có thể chia cắt anh ta, tách anh ta ra khỏi Thiên Chúa, và điều mà nhiệm khôn dò gây kinh hoàng là sự bền bỉ này của Dấu hiệu thánh thiêng thậm chí còn kéo dài tới tận nỗi đau đời đời bị trầm luân. Do đó phải nói rằng địa ngục đầy rẫy những vị thánh đáng kính trở thành đồng chí của những thiên thần gồm ghiếc!

Bất kể những vị thánh hay thiên thần như thế có ác độc như thế nào đi chăng nữa thì họ cũng có Thiên Chúa ở trong họ. Nếu không, họ không thể tồn hữu, ngay trong trạng thái hư vô, vì hư vô, cũng không thể quan niệm được nếu không có Thiên Chúa, là hồ chứa vĩnh cửu của Sáng Thế.

Tất cả những gì Thiên Chúa đã tạo nên đều thánh thiêng một cách nào đó mà chỉ có Người mới có thể giải thích. Nước là thánh thiêng, đá là thánh thiêng, thực vật và động vật là thánh thiêng, lửa là hình ảnh nuốt chửng của Thánh Thần Người. Toàn bộ công trình của Người là thánh thiêng. Chỉ một mình con người, vốn thánh thiêng hơn các tạo vật khác, sẽ không có sự thánh thiện nào cả.

Họ coi đó là điều lỗi bịch và thậm chí còn xúc phạm đến phẩm giá của họ. Trong thế kỷ thứ hai mươi của ơn Cứu Chuộc, đó là kết quả trông thấy và tri nhận được của sự bất trung nơi rất nhiều mục tử, của sự mù quáng quái dị do những người lẽ ra phải là ánh sáng thế gian, và kẻ đã dập tắt mọi ánh sáng đem lại.

Quả thực điều chắc chắn là chưa bao giờ, trong bất cứ thời đại lịch sử thế giới nào, con người lại xa cách Thiên Chúa, khinh miệt sự Thánh thiện được Người yêu cầu, thế nhưng cũng chưa bao giờ sự cần thiết trở nên thánh lại được thể hiện rõ ràng như thế. Trong những ngày chung tận này, thực sự dường như chỉ có một bộ phim hư vô ngăn cách chúng ta với những vực ngăn cách vĩnh cửu.

“Không phải tất cả mọi người đều được gọi nên thánh,” một cụm từ đặc trưng của Satan. Hỡi kẻ khôn nạn, vậy người được gọi trở nên gì? và trước hết trong thời đại của chúng ta? Thầy Chí Thánh vốn nói rằng bạn phải hoàn thiện. Người nói điều đó một cách ra lệnh, tuyệt đối, phải hiểu là không hề có phương thức thay thế nào khác, và những người có nhiệm vụ giảng dạy lời Người, phải tự trình bày mình như một tấm gương về sự hoàn thiện, lại không ngừng khẳng định rằng nó không là điều cần thiết, chỉ cần một mức yêu thương trung bình không đáng kể đã là quá đủ để được ơn *cứu rỗi*, và việc mong muốn lối sống siêu nhiên là thiếu cân nhắc, khi nó không phải là giả định đáng trách.

Aliquam partem, “một phần nào đó,” họ tranh luận, làm giảm một cách diễn đạt trong Phụng vụ, một góc nhỏ bé trong Địa đàng, đó là những gì chúng ta cần. Họ dành cho cuộc rút lui hèn hạ này, cho sự phủ nhận chính thức Lời hứa thần linh này, một màu sắc khiêm tốn, khéo léo bỏ qua phần tiếp theo đầy tính anh hùng ca của hai từ ngữ phụng vụ, trong đó nói rõ rằng “phần” trong trường hợp này chính là “đoàn ngũ các Tông đồ và Tử đạo.”

Nhưng trí óc hèn nhát và trái tim tầm thường chẳng hề thắng vượt được điều gì chống lại Lời Thiên Chúa, và câu *Estote perfecti* (các con hãy hoàn thiện) trong Bài giảng trên núi tiếp tục đè nặng lên chúng ta hơn tất cả những thiên thể trên bầu trời.

Sự thánh thiện luôn luôn được đòi hỏi nơi chúng ta. Ngày xưa, người ta có thể tin rằng sự thánh thiện được đòi hỏi từ xa, giống như một món nợ phải trả vào một ngày mơ hồ, có thể mất hiệu lực. Ngày nay, sự thánh thiện được đặt trước ngưỡng cửa nhà chúng ta bởi một sự giả ánh mắt cuồng dại nhuộm đầy máu. Phía sau người này, vài bước sau ông ta, là hoảng loạn, là lửa, là cướp bóc, tra tấn, tuyệt vọng, cái chết kinh hoàng nhất...

Và chúng ta đến một khoảnh khắc cũng không có để lựa chọn!



[*Chỉ Có Một Nỗi Buồn.*] Hôm nay Clotilde bốn mươi tám tuổi, và trông như thể ít nhất nàng đã một trăm tuổi. Nhưng nàng đẹp hơn trước, và giống như một cột trụ cầu nguyện, cột trụ cuối cùng của một đền thánh bị tàn phá bởi các trận đại hồng thủy.

Tóc nàng đã trở nên trắng hoàn toàn. Đôi mắt nàng, bị thiêu rụi bởi những dòng nước mắt vốn đào rãnh trên khuôn mặt nàng, gần như đã tắt ngúm. Tuy nhiên, nàng không mất đi chút sức mạnh nào của mình.

Hầu như không bao giờ người ta thấy nàng ngồi yên. Luôn đi từ nhà thờ này sang nhà thờ khác, hoặc từ nghĩa trang này sang nghĩa trang khác, nàng dừng lại chỉ để quỳ gối, và bạn có thể nói nàng không biết tư thế nào khác.

Đầu nàng chỉ được che bằng chiếc mũ trùm của chiếc áo khoác đen dài đến đất, đôi chân vô hình của nàng trần trụi trong đôi dép quai, được duy trì trong mười năm bởi một năng lực vượt hẳn năng lực con người, không có thời tiết lạnh giá hay hôi thối nào có thể làm nàng sợ hãi. Nơi ở của nàng là nơi mưa rơi thỏa thích.

Nàng không xin bố thí. Nàng giới hạn bản thân bằng một nụ cười rất dịu dàng khi tiếp nhận bất cứ thứ gì được tặng cho nàng, và trao nó một cách bí mật cho những người túng thiếu.

Bất cứ khi nào gặp một đứa trẻ, nàng đều quỳ xuống trước mặt nó, như Bérulle vĩ đại từng làm, và dùng bàn tay nhỏ bé tinh khiết của nó, làm dấu thánh giá trên trán nàng.

Các Kitô hữu thoải mái và ăn vận đàng hoàng, những người bị Siêu nhiên gây bất tiện và “từng nói với Khôn Ngoan: Ngài là em gái tôi,” đánh giá nàng là người có đầu óc rối loạn, nhưng những người bình thường rất tôn trọng nàng, và một số phụ nữ ăn xin ngoài nhà thờ tin nàng là một vị thánh.

Im lặng như những không gian trên trời, khi nàng nói, dường như nàng trở về từ một thế giới

phước hạnh tọa lạc đâu đó trong một vũ trụ không ai biết. Điều này có thể cảm nhận được trong giọng nói xa xôi của nàng, giọng nói mà tuổi tác làm cho thâm hậu mà không làm giảm đi vẻ quyền rũ dịu dàng của nó, và điều này có thể cảm nhận rõ hơn trong lời nói của nàng.

“Mọi điều xảy ra đều có tính thần linh,” là nhận xét thường lệ của nàng, với không khí ngây ngất của một tạo vật bị choáng ngợp cả hàng ngàn lần, người sẽ không tìm thấy lời nói nào khác cho mọi chuyển động của trái tim và tâm trí nàng, bất chấp đó là dịp đại dịch hoàn cầu, hay là khoảnh khắc nàng bị thú dữ nuốt chửng.

Mặc dù họ biết nàng là một kẻ lang thang, nhưng cảnh sát, chính họ cũng phải kinh ngạc trước sức mạnh của nàng, chưa bao giờ tìm cách quấy rối nàng.

Sau cái chết của Leopold - thi thể của chàng không bao giờ được tìm thấy giữa đồng cỏ nát vô danh và kinh khủng - Clotilde đã tìm cách sống phù hợp theo một trong những Giới luật trong các sách Tin Mừng mà tuân giữ nghiêm ngặt nó được coi là khó chịu hơn cả việc bị tra tấn bằng lửa. Nàng đã bán tất cả những gì nàng sở hữu, đã chia số tiền thu được cho những người nghèo nhất trong số những người nghèo khổ và chỉ qua một đêm đã trở thành một người ăn xin.

Những năm đầu tiên của cuộc sống mới này ra sao, chỉ có Thiên Chúa mới biết! Người ta đã kể những điều kỳ diệu về nàng giống như những gì được các Thánh thực hiện, nhưng điều có vẻ như hoàn toàn đúng là ân sủng đã được ban cho nàng để nàng không bao giờ cần nghỉ ngơi.

“Thưa bà khôn khổ, bà hẳn rất bất hạnh”, một linh mục kia có lần nói với nàng như thế, sau khi thấy nàng đầm nước mắt trước lúc Bí tích Cực trọng được trưng ra - một người đàn ông tình cờ là một linh mục thực sự.

“Con hoàn toàn hạnh phúc,” nàng trả lời. “Cha không vào Thiên đàng ngày mai, hay ngày kia, hay trong mười năm, cha vào đó ngay *ngày hôm nay*, khi cha nghèo và bị đóng đinh”.

“*Hodie mecum eris in paradiso* (hôm nay con sẽ ở với Ta trên Thiên đàng),” vị linh mục thì thầm, người đang hết sức tràn ngập tình yêu.

Nhờ chịu đựng đau khổ, Kitô hữu sôi nổi và mạnh mẽ này đã phát hiện ra rằng đặc biệt đối với phụ nữ, chỉ có một cách duy nhất để tiếp xúc với Thiên Chúa và cách đó, cách hoàn toàn độc đáo, là Nghèo khó. Không phải thứ nghèo khó dễ dàng đánh lừa *đồng lõa* ấy, thứ nghèo khó bố thí cho thói đạo đức giả của thế gian, mà là cái nghèo khó khó chịu, nổi loạn, tai tiếng, thứ nghèo khó phải được giúp đỡ mà không có dù một chút hy vọng được vênh vang và không hề có gì để cho lại.

Nàng thậm chí còn hiểu — và điều này chẳng có gì là cao siêu cả— rằng Người Đàn bà chỉ thực sự *hiện hữu* với điều kiện không có bánh ăn, không có nơi ở, không có bạn bè, không có chồng và không có con, và chỉ như vậy nàng mới buộc được Đấng Cứu thế của mình phải giảng thế.

Sau cái chết của chồng, người phụ nữ ăn xin tốt bụng này càng trở thành vợ của người đàn ông phi thường đã hiến mạng sống cho Công lý. Hoàn toàn dịu dàng và hoàn toàn không thay đổi.

Liên kết với mọi hình thức khôn cùng, nàng hoàn toàn có thể nhìn thấy nỗi kinh hoàng giết người của điều gọi là bác ái công cộng, và lời cầu nguyện liên tục của nàng là ngọn đuốc lung linh trước kẻ quyền thế.

Lazare Druide là di tích duy nhất trong quá khứ của nàng mà thỉnh thoảng vẫn thấy nàng. Đây là mối nối kết duy nhất nàng không cắt đứt. Người vẽ bức *Andronic* quá ngay thẳng để có thể giành phần hơn của may mắn, người có phong tục lâu đời là quay nàng vòng vòng một cách vô ích trong ô uest. Điều này giúp Clotilde có thể đến thăm chàng mà không phải phơi bày quần áo rách rưới của nàng như một kẻ lang thang và là “người hành hương của Mộ Thánh” cho bùn đen của xa hoa trần tục.

Trong những khoảng thời gian hiếm hoi, nàng đến để bơm vào linh hồn người nghệ sĩ sâu sắc ấy một chút bình yên, một chút cao cả huyền nhiệm của nàng, rồi nàng lại trở về với niềm cô đơn mê mông của mình, giữa phố xá tấp nập người qua lại.

“*Chỉ có một nỗi buồn,*” nàng nói với chàng, lần cuối cùng nàng gặp chàng, “*và điều đó là chúng ta không phải là những VỊ THÁNH.*”

[*Trên Thiên Đàng.*] Nền tảng của Thiên Đàng hay ý tưởng về Thiên Đàng là sự kết hợp với Thiên Chúa bắt đầu từ đời này, tức là sự Đau khổ vô tận của trái tim con người, và sự kết hợp với Thiên Chúa ở đời sau, tức là Hạnh Phúc đời đời

Sự kết hợp với Thiên Chúa chắc chắn đã đạt được bởi các Thánh, bắt đầu từ đời này, và hoàn toàn hoàn hợp ngay sau khi họ được sinh vào Đời sống khác, nhưng điều đó chưa đủ đối với họ và đối với Thiên Chúa cũng chưa đủ. Sự kết hợp mật thiết nhất là chưa đủ, cần phải có sự *đồng nhất*, mà tự nó cũng sẽ không bao giờ đủ, và do đó, ta không thể quan niệm hay hình dung Hạnh phúc đời đời trừ khi như một sự đi lên ngày một sống động hơn, sôi nổi hơn, sấm sét hơn, không phải hướng về Thiên Chúa, nhưng vào trong Thiên Chúa, vào trong chính Yếu tính của Đấng Vô Giới Hạn. Một cơn lốc nhận thức về Thiên Chúa không cùng hoặc không ngừng, mà Giáo hội, khi nói với loài người, buộc phải đặt tên là Sự Yên nghỉ Vĩnh cửu! Đoàn ngũ không kể xiết các thánh giống như một đội quân thần tốc khổng lồ, lao thẳng vào Thiên Chúa bằng một vụ nổ có thể nổ tận gốc các tinh vân, và điều này là vĩnh viễn.

Nó sẽ là một bầu trời đầy ánh quang dị biệt và không thể tưởng tượng được. Các vị Thánh sẽ bay lên với Thiên Chúa như tia chớp, một tia chớp tự nhiên đôi về sức mạnh, từng giây từng phút, mãi mãi, đức ái của họ ngày càng lớn theo sự sáng láng của họ — những Ngôi sao khôn tả sẽ được bước theo ở một khoảng cách rất xa bởi tất cả những ai chỉ đã biết Khuôn mặt Chúa Giêsu Kitô và là những người sẽ không biết Trái tim của Người. Còn với những người khác, những Kitô hữu đáng thương được gọi là thực hành, những người tuân giữ Chữ Nghĩa dễ hiểu, nhưng chưa hư đốn, và có khả năng quảng đại phần nào, đến lượt mình, họ sẽ bước theo, không bị lạc, ở khoảng cách hàng tỷ tia chớp, trước đây đã trả giá cho các vị trí của họ với một mức giá khôn tả, nhưng vẫn rất vui vẻ — như thế vô cùng nhiều hơn những gì từ vụng hiểm hoi nhất của hạnh phúc có thể phát biểu — và vui mừng chính vì vinh quang khôn sánh của các trưởng lão của họ, vui mừng về chiều sâu và chiều rộng, vui mừng như Chúa khi Người hoàn thành việc tạo dựng thế giới!

Và tất cả, như tôi đã nói, sẽ cùng nhau leo lên như một cơn bão không yên, cơn bão phước hạnh kết thúc không thôi mọi kết thúc, sự thăng thiên của các dòng thác yêu thương, và đó sẽ là Vườn Vui Thú, Thiên đàng không thể định nghĩa được nêu tên trong Kinh thánh.

Ghi Chú

1. Gioan 15:13.

2. Ở vùng ngoại ô Petit-Montrouge của Paris, được mô tả trong Chương Năm. (R.M.)

9. Léon Bloy, tình bạn và việc vun sới các mầm cảm tôn giáo trong phong trào phục hưng Công Giáo thế kỷ 20

Vũ Văn An

07/Jun/2022

Natacha Gaspérine, chắt của Léon Bloy, trong tác phẩm “Jeanne et Léon Bloy, Une Écriture à Quatre Mains” do Nhà Du Cerf xuất bản năm 2017, mô tả giai đoạn gia đình Bloy dọn đến khu Montmartre gần nhà thờ Sacré Coeur còn đang xây dựng là thời kỳ của Những Tình Bạn Lớn. Hẳn tác giả muốn nói tới các tình bạn của gia đình Maritain và gia đình Walcheren.



Dù sao “Những Tình Bạn Lớn” (*Les Grandes Amitiés*) cũng là tựa đề tác phẩm thời danh của Raïssa Maritain, người con gái Sion và là vợ triết gia Pháp Jacques Maritain, nhờ Léon Bloy mà tìm ra Cứu Chúa của mình. Như một bình luận gia đã nhận xét, trong cuốn tự truyện này, Raïssa nói về mình thì ít mà nói về người thì nhiều. Và những người này phần nhiều vây quanh Léon Bloy và gia đình ông.

Quả là một chuyện nghịch lý khi nhà văn khổ rách áo ôm, bị văn giới và thế giới trường giả tẩy chay vì các phê phán nghiêm khắc đến tàn nhẫn của ông, thực ra lại là một thời nam châm rất mạnh thu hút một vòng bạn bè rộng đến độ tràn qua cả những người không hề quen biết nhà văn lúc sinh thời của ông.

Theo Brenna Moore, trên *Journal of the American Academy of Religion*, Volume 83, Issue 2, June 2015, Pages 437–463, (có thể truy cập tại địa chỉ <https://doi.org/10.1093/jaarel/lfu111>), những người trên thuộc Phong Trào Phục Hưng Công Giáo Pháp đầu thế kỷ 20, một phong trào giúp dọn đường cho Công đồng Vatican II, và những người chủ đạo của nó bao gồm các nhân vật nổi tiếng như Charles Péguy, Jacques và Raïssa Maritain, Étienne Gilson, Henri de Lubac, và Michel de Certeau... Đối với họ, cường độ cảm xúc của tình bạn là nhân tố chủ yếu sản sinh ra kinh nghiệm tôn giáo, thâm hậu hóa đức tin và trở lại hay trở về với tôn giáo thời thơ ấu của họ.

Bắt đầu với những giảng khóa công cộng của Henri Bergson. Những giảng khóa này đánh thức ý niệm cho rằng việc tiếp xúc với thể Tuyệt Đối bằng trải nghiệm là điều khả hữu và bất chấp chủ nghĩa hoài nghi của Sorbonne, viễn ảnh này lôi cuốn nhiều người. Một số người viết về đời sống nội tâm của họ, như Raïssa Maritain với cuốn *Nhật Ký* thuật lại 30 năm trước tác

và thị kiến, và cuối cùng, cảm thức thực sự sáp nhập con người Chúa Kitô vào thân xác và linh hồn mình. Những người khác như nhà thơ Charles Péguy và thần học gia Henri de Lubac, tri nhận các kinh nghiệm linh đạo mạnh mẽ từ những nguồn xa xưa, rồi ghi chép, chuyển dịch và đọc to cho bằng hữu, hết lần này đến lần khác, hy vọng tái nắm được một điều gì đó cho chính họ.



Tiểu thuyết gia Công Giáo gây tranh cãi là Léon Bloy (1864–1917) đóng vai trò chính trong việc vun xới các mầm cảm tôn giáo của cộng đồng trên. Điều này một phần là do những đáp ứng tình cảm mạnh mẽ do các tác phẩm của ông tạo nên, nhưng nhiều hơn là do sự cố ý cố vũ mạng lưới tình bạn và tình thân thiêng liêng của ông. Những nhóm này bao gồm một nhóm bạn bè và con đỡ đầu thân thiết, nhưng quan trọng hơn cả là một cộng đồng độc giả quốc tế không lồ, những người tưởng tượng mình đang sống trong quỹ đạo bản thân đầy thân mật của Bloy, thậm chí rất lâu sau khi ông qua đời. Năm trong nhóm *amis* [bạn bè] thân thiết của Bloy là nghệ sĩ Hòa Lan Pierre van der Meer Walcheren, người đã xuất bản hồi ký của mình vào năm 1917 (1), kể lại một cách sống động việc ông trở lại Kitô giáo. Cuốn sách đã nhận được sự hoan nghênh lớn từ giới phê bình ở Paris và giúp lên sinh lực cho sức hút ngày càng tăng của Công Giáo nơi những người tiên phong. Cuốn hồi ký bắt đầu với hành trình của Walcheren từ Hòa Lan đến Paris vào năm 1910, khi ông và vợ qua đó để gặp Bloy, người có cuốn tiểu thuyết mà họ ngưỡng mộ từ lâu. Khi Walcheren thú nhận với Bloy sự không hài lòng và không an tâm về tinh thần của mình, Bloy khuyên Walcheren rằng bước đầu tiên đối với người tìm kiếm tôn giáo là rời bỏ gia đình huyết thống của mình để tạo nên một “gia đình tinh thần mới” dựa trên tình bạn (2) (a). Bloy tình nguyện làm cha đỡ đầu của Walcheren và “cũng cho ông một người anh trai và một người em gái,” là Jacques và Raïssa Maritain, lúc đó đang trong Vòng bạn bè thân thiết của Bloy (3) (b). Walcheren đã chấp nhận, và trong một cuốn hồi ký sau này đã đề cập đến những năm này như một giai đoạn mà mối quan hệ họ hàng tinh thần mạnh mẽ đã tạo nên “việc khai tâm thiêng liêng” của ông vào Kitô giáo: “Tất cả chúng tôi đều hết sức khác nhau và phát xuất từ mọi chân trời khác nhau, vợ Bloy là người Đan Mạch, vợ tôi là người Flemish và người Pháp, Raïssa và Vera [em gái của Raïssa], người Nga gốc Do Thái, Jacques, người Pháp theo Thệ phản nhưng chúng tôi đã cùng nhau thành lập một đại gia đình lớn duy nhất”(4). Ngôn ngữ “gia đình tâm linh cốt lõi” này là ngôn ngữ có mục đích “khai tâm vào các hồng phúc sâu xa của Kitô giáo” và cho phép, ít nhất đối với

Walcheren, “khám phá ra những kho báu mới và sáng chói” của đức tin (5).

Như Walcheren và những người khác nhớ lại, tình bạn với Bloy ngụ hàm một cố gắng thâm hóa cho chính họ những gì họ cho là khao khát tinh thần rất háo hức của cha đỡ đầu của họ (Walcheren mô tả Bloy tham dự thánh lễ "như một con thú đói", thất vọng vì chỉ tìm thấy những mảnh vụn) (6). Điều này có nghĩa việc tham dự bí tích cùng với Bloy (quỳ bên cạnh ông, đi bộ với ông đến thánh lễ), đọc các thánh với nhau một cách minh nhiên nhằm mục đích trau dồi cường độ cảm xúc, cầu nguyện với ông, trao đổi thư từ, chia sẻ bữa ăn và giúp đỡ nhau qua các cơn khủng hoảng sức khỏe. Walcheren nhớ lại, nhờ tình bạn bền vững và thân thiết với Bloy, “đường như cuộc sống vẫn như trước đây, nhưng mọi sự đã thay đổi. Thật là phi thường! Mọi ý nghĩ, mọi thái độ, bên trong hay bên ngoài, mọi hành động, ngay những hoạt động thông thường và hàng ngày, đều hoàn toàn ra khác. Giờ đây, tất cả mọi sự đều có ý nghĩa, và vận hành trong một bầu không khí phấn khởi hơn và thực chất hơn nhiều” (7). Sự thân thiết với Bloy đã tạo chất thể từ đó kinh nghiệm tôn giáo (làm cho Kitô giáo trở nên “có thực” và “sống động”) được thực hiện. Nó không chỉ là học về Kitô giáo từ một nhà διου δάτ, mà là nội tâm hóa các tính cách của người bạn mới của mình một cách có chủ đích và mong muốn sâu sắc. Tình bạn và tình thân thiết là cách tôn giáo được thấu hiểu, trở thành thực chất.

Đối với Walcheren, mô tả tất cả những điều này trong hai cuốn hồi ký của ông viết vào năm 1917 và 1961, cả hai đều rất lâu sau khi ông trải qua sự biến đổi bên trong và bên ngoài, những ký ức về những mối liên kết này chứa đựng sức mạnh biến đổi tôn giáo đáng kể ngay trong hiện tại: “Ký ức của tôi về con người này là trong một căn gác màu nhiệm... và để làm sống lại những trải nghiệm của niềm vui tràn ngập và vô số cảm giác cũ... là làm cho chúng hiện diện cùng một lúc trước trí tưởng tượng và trái tim” (8). Ở đây, tình bạn được khơi dậy từ trí nhớ, trí tưởng tượng và cảm xúc (trái tim) có thể diễn lại trải nghiệm cho người viết, và lý tưởng cho cả người đọc.



Ngoài việc xuất bản các cuốn hồi ký của Walcheren, thế giới còn được chứng kiến những tình cảm thâm hậu lan truyền giữa các gia đình Bloy, Maritain và Walcheren khi, vào năm 1928, Jeanne, góa phụ của Bloy, cho công bố thư từ tâm linh mật thiết giữa gia đình thiêng liêng nhỏ bé này trong một bộ sưu tập tựa đề là *Lettres à ses filleuls* (Những bức thư gửi các con đỡ đầu của ông) (9). Những bức thư này đã mang đến cho độc giả một cộng đồng thân thiện, thậm chí có tính chất kêu gọi nhằm mục đích minh nhiên là khắc sâu các mẫn cảm tôn giáo cho nhau: Trong các trang của *Lettres à ses filleuls*, Bloy thú nhận với Raïssa, Jacques, và em gái của Raïssa, ngày Lễ Phục sinh năm 1914, “Ba muôn ngàn con vào móng vuốt sư tử của ba, con, Vera và Jacques, và nuốt chửng các con một cách yêu thương” (10). Ông thường ký vào các ghi chú của mình với “Những nụ hôn dịu dàng cho những đứa con thiêng liêng của tôi” (11). Gia đình Maritain và gia đình Walcheren ca ngợi cha đỡ đầu của họ một cách cũng gần thâm hậu như thế, cảm ơn ông vì đã “đánh thức tinh thần Tin Mừng”, “trình bày tín lý về Thiên Chúa” cho họ. Độc giả nhận thấy một điều hết sức phổ biến và hấp dẫn về những trình thuật mang tính bản thân cao đầy tình âu yếm hậu hĩ này. Khi đọc những bức thư

này, Thomas Merton nhớ lại đã xúc động rơi nước mắt, cảm thấy "Tôi cũng một phần nào đó thuộc gia đình Bloy" (12).

Một điều gì đó tương tự đã xảy ra với tiểu thuyết gia Georges Bernanos, người chưa bao giờ đích thân gặp mặt Bloy nhưng vẫn tự coi mình là một trong số “những người bạn, nếu không phải là đệ tử của ông, ít nhất cũng là một trong những đứa con đỡ đầu của ông” (13). Viết vào cuối Thế chiến thứ hai sau khi sống lưu vong ở Batây, suy nghĩ của Bernanos hướng về “người bạn” Bloy của mình, người mà ông chỉ biết qua những cuốn sách và bức thư ông đọc sau khi Bloy qua đời năm 1917. Ở Batây, Bernanos đã viết một tiểu luận “*Dans l'amitié de Léon Bloy*” (“Trong tình bạn với Léon Bloy”) dành riêng cho “những người bạn của Bloy” (14). Bernanos đã viết rằng một cách mà thế giới mệt mỏi, tàn phá bởi chiến tranh có thể đánh thức kinh nghiệm về Thiên Chúa là lắng nghe một “người bạn tiên tri”, người có thể “làm mê mẩn các linh hồn” (15). Nhưng để làm được điều đó, người ta cần sức mạnh của cảm xúc, của thân mật và trí tưởng tượng. Bernanos mời độc giả của mình, “Hãy lắng nghe, hãy nhắm mắt lại”. Bernanos mời các độc giả của mình tự xem họ “như được tập trung tại bất cứ một trong những căn nhà tồi tàn nào của ông [của Bloy]... mà rất ít người trong chúng tôi có cơ hội bước qua ngưỡng cửa, nhưng nơi mà tất cả độc giả của ông đều đã bước vào nhiều lần... trong những giấc mơ.” Ông tiếp tục: Ngọn đèn dầu đang cháy trên bàn, trong ngăn kéo vẫn còn một đồng trăm xu, và một chai rượu trên khăn trải bàn nơi bà Bloy vừa đặt lên những chiếc ly lớn... Một lần nữa Chúa Thánh Thần lại sẽ đến thăm người chính nhân tóc hoa râm này... Một lần nữa, nó sẽ truyền cho chúng ta thông điệp mà một phần có lẽ sẽ bị mất đi trong bộ ria mép dày của ông, nơi một giọt rượu vang đỏ vẫn còn óng ánh, nhưng sẽ khuấy động tâm hồn chúng ta mà chúng ta không thể giải thích được tại sao (16).

Sau khi xây dựng Bloy như “người bạn tiên tri” của mình và thiết lập giai đoạn thân mật giống như tưởng tượng được tạo ra một cách có ý thức, Bernanos đã giới thiệu các ý tưởng của Bloy có thể nói với thế giới sau chiến tranh vào năm 1949: Sự tố cáo của Bloy đối với chủ nghĩa dân tộc, sự tàn ác của thế giới hiện đại, và sự hiện diện của Thiên Chúa trong những người đau khổ. Trọng điểm ở đây là để thế giới nghe được Bloy, cần phải làm cho ông trở thành như một người bạn để có thể trải nghiệm ông về mặt tôn giáo (khiến “linh hồn của nó được khuấy động” và “bị mê mẩn”).



Trong khi các sợi dây gắn bó với Bloy — hoặc nhờ trí nhớ hoặc trong đời thực — đã định hình cho cảm giới tôn giáo của rất nhiều người trong phong trào phục hưng Công Giáo ở Pháp, thì cường độ của những sợi dây gắn bó này cũng phải được định vị trong mạng lưới lớn hơn của sức mạnh biện luận. Các lực lượng xã hội vốn có đó ở hậu cảnh, dưới bình diện phân tính có ý thức, đã duy trì được một sự hiện diện nổi bật thu hút những người như Walcheren, Bernanos, Merton và gia đình Maritain về phía một nhân vật như Léon Bloy. Thí dụ, đây là những nhà trí thức phê phán sâu sắc chủ nghĩa duy nghiệm chống giáo sĩ cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 ở Pháp. Họ tìm kiếm chính các khía cạnh văn hóa bị khinh miệt bởi ý thức hệ thực tục đang thống trị, một ý thức hệ bị họ coi là nhạt nhẽo và quá tư sản. Họ đổ xô tới các biểu tượng, tập quán văn hóa, và những người bị coi là khác như một hình thức phê phán

phản văn hóa. Đối với giới trí thức và phê bình ở Paris, Bloy, trong tư cách một người Công Giáo và là người ôm ấp lý tưởng nghèo đói và đau khổ, là một hiện thân hoàn hảo của những biểu tượng phản văn hóa này. Hơn nữa, các bài viết của Bloy là những lời chỉ trích cường điệu, quá mức đối với chủ nghĩa chống đối giáo sĩ của giới tư sản. Những sức mạnh xã hội rộng lớn hơn này giải thích sự say mê của các gia đình Maritain và Walcheren đối với Bloy, và hẳn là một phần của câu chuyện đào tạo cuộc sống bên trong. Nhưng chúng ta cũng phải thêm vào nhận thức của mình sức mạnh chuyên biệt cao độ của mối tương quan của họ, sự tận tâm của họ và tình yêu của người đàn ông duy nhất này.

Đối với nhiều người khác trong thế giới Phục hưng Công Giáo, sức mạnh lôi cuốn của Bloy đối với tình bạn đã được chuyển sang các con đỡ đầu của ông, Jacques và Raïssa Maritain. Nhà văn Julien Green đã gặp Jacques vào năm 1925 và phát triển một sự gắn bó tình cảm cao độ, thậm chí có tính chất khêu gợi, gần như ngay lập tức: “Tôi muốn bạn biết rằng tôi nghĩ về bạn thường xuyên, hàng ngày và nhiều lần trong ngày,” ông thú nhận như thế, chỉ vài tháng sau cuộc gặp gỡ đầu tiên của họ (17). Green là người đồng tính luyến ái, và mối quan hệ của ông với Jacques không phải là bất thường; Stephen Schloesser đã cho thấy sức hút không thể tránh khỏi đối với Công Giáo nơi những người tiên phong trong Thời đại nhạc Jazz ở Paris, ít nhất một phần, là do tình bạn cởi mở, thân mật sâu sắc mà Jacques Maritain đã biểu lộ với rất nhiều người đàn ông đồng tính luyến ái. Những mối liên hệ này đã được công khai trong các thư từ được đọc và xuất bản rộng rãi của họ (18). Green nói rõ rằng tình yêu của ông dành cho Jacques, tình bạn và sự gắn bó của họ, chính là động lực kích thích đức tin của chính ông: “Đối với tôi cũng như đối với rất nhiều người khác, bạn đã là bạn và là nhân chứng của Thiên Chúa. Bạn đã giúp nhiều linh hồn, những người có lẽ bạn thậm chí không biết, thoát khỏi ma quỷ!... Chính phần lớn nhờ bạn mà tôi đã giữ được Đức Tin” (19). Không những Jacques, trong tư cách bạn của ông dạy Green “về” Thiên Chúa, mà mối liên hệ của họ còn tạo ra những trải nghiệm về Thiên Chúa. Thậm chí ba mươi năm sau, vào năm 1959, tình bạn của họ đã trở nên sâu sắc hơn rất nhiều, và tuyên bố trước đó của Green càng được tăng cường: “Chính Thiên Chúa, Đấng đã đặt chúng ta vào con đường của nhau, để bạn có thể nói chuyện với tôi, và nói với tôi thay cho Người. Tôi rất chắc chắn về điều này” (20). Theo kiểu nói của Elaine Scarry, Sự hiện diện của Jacques trở thành “thực tại hiển nhiên của một thế giới vô hình và không thể chạm tới” (21). Đối với Green, ngôn từ của Jacques biến một thế giới không thể nghe thấy được trở thành nghe thấy. Ở đây, sự thông đạt này không phản ánh kinh nghiệm tôn giáo mà mỗi người có trong tư cách một cá nhân, mà diễn tả nó một cách liên chủ thể.



Điều đáng chú ý là có rất nhiều người đàn ông và đàn bà vâng vọng lại Green khi mô tả tác động của Jacques và Raïssa Maritain đối với cuộc sống nội tâm của họ. Đối với các nhân chứng, một số nghĩ rằng họ đồng mưu với giáo phận để đưa những người không có đức tin vào hàng ngũ. Năm 1925, người tìm kiếm tôn giáo trẻ tuổi Maurice Sachs kết bạn với vợ chồng Maritain, và sau đó (một thời gian ngắn) đã trở lại Công Giáo. Khi mô tả sự thu hút của ông đối với Giáo hội, không phải các bí tích, các giáo huấn, mà trước hết là tình bạn với Raïssa đã tạo ra một trải nghiệm nội tâm thực sự về một điều được coi là siêu việt. Ông thú nhận với Raïssa khi bắt đầu kết tình bè bạn với bà, “Tôi cảm thấy một luồng điện chạy qua cơ

thể và chuyển hướng cuộc sống của tôi. Xin Chúa cho tôi luôn ở giữa các bạn! Hãy luôn vây quanh tôi, hơi mẹ đỡ đầu nay mai của tôi! Khi nghĩ đến bạn, tôi tràn ngập niềm vui, và tôi đến với Thiên Chúa vì tôi đã đi vào ngõ cụt — nhưng tôi đã tự đẩy mình về phía trước. Tôi nghĩ lòng tốt của Chúa chúng ta muốn tôi YÊU, ngay cả khi tôi không xứng đáng, và tôi đã làm điều này nhờ có bạn, nhờ có Jean [Cocteau], nhờ sự yên tĩnh của ngôi nhà của bạn” (22). Những bức thư của Raïssa gửi cho ông là “báu vật” mà ông “canh giữ suốt đời”, những bức thư bà thường gửi cho ông cùng với những vật thánh thiêng khác: thẻ cầu nguyện, ảnh Thánh Têrêsa thành Lisieux, một bản chép lại thánh lễ bằng tiếng Latinh (23). Những trải nghiệm nội tâm này (được truyền điện, tràn ngập niềm vui, khả năng yêu thương bất chấp bất xứng) chỉ có thể trở thành khả hữu nhờ những cuộc gặp gỡ liên hệ bền vững.

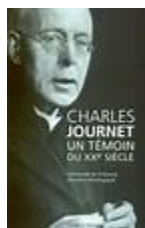
Theo hiểu biết của chúng ta về Bloy, cũng trong bối cảnh mang tính bản thân cao độ này, sức mạnh kỷ luật của các chuẩn mực xã hội không thể bị loại bỏ khỏi bức tranh: Raïssa Maritain là một người Do Thái trở lại Công Giáo, người chưa bao giờ cắt đứt hoàn toàn các mối liên kết với Do Thái giáo của gia đình bà. Một phần của những gì đã thúc đẩy sự thu hút của Sach đối với Raïssa là các bài diễn văn phương Đông lưu hành ở Paris về người đàn bà Do Thái xa lạ và tâm linh, những bài diễn văn bắt nguồn từ những hấp dẫn rộng lớn hơn đối với thuyết ngoại nhập (exoticism) và thuyết nguyên thủy (primitivism) giữa hai thế chiến ở Paris trong các thập niên 1920 và 1930 (24). Những sức mạnh suy lý này đã hướng Sachs về phía Raïssa và thúc đẩy trí tưởng tượng của ông thấy bà không những là một người Công Giáo mà còn là một “Người Do Thái bị thiêu đốt bởi ngọn lửa thần bí, mà linh hồn là một đường thẳng đứng từ đất lên trời” (25). Sức mạnh của chủ nghĩa phương Đông và chủ nghĩa nguyên thủy len lỏi trong và thông qua chính tình bạn, nhưng việc vun xới mầm cảm tôn giáo của Sach – việc ông trở lại Công Giáo – sẽ không thể hiểu được nếu chỉ sử dụng các phương tiện diễn từ và sức mạnh phân tích này. Tình bạn và sự mến mộ của ông dành cho Raïssa vừa có tính phê phán, vừa có tính đào tạo, nhưng rất dễ bị bỏ qua.



Thiên phú của vợ chồng Maritain trong việc lên khuôn cảm giới tôn giáo của bạn bè họ chắc chắn bắt nguồn từ sự kết hợp của những lực lượng xã hội này và việc đào tạo ban đầu của họ trong “gia đình thiêng liêng” của Léon Bloy, nhưng Jacques và Raïssa mỗi người đều có những thiên phú độc đáo của riêng họ trong nghệ thuật gần gũi xúc cảm. Sự khuyến khích của họ, sự sẵn lòng gánh lấy nỗi buồn và nỗi đau của bạn bè, đây là những điều mà bạn bè của họ luôn coi có tính biến đổi về mặt thiêng liêng. Thí dụ, hãy xem xét bức thư chia buồn mà Jacques viết cho người bạn Saul Alinsky vào năm 1947, sau khi nghe tin về cái chết khủng khiếp của vợ Alinsky trong một tai nạn đuối nước thương tâm. Khi Maritain biết về “sự kiện quái dị này”, ông viết cho Alinsky, “trái tim chúng tôi đầy đau khổ và thống khổ của bạn, và tình yêu của chúng tôi có khả năng gì, trừ khi cùng đau khổ với bạn? Mọi điều nhân bản đều bất lực khi đối diện với một thảm cảnh như thế, không có sự giúp đỡ nào trên trái đất... Bạn không thể được an ủi, từng sợi hạnh phúc trong cơ thể bạn đã bị sét đánh” (26). Đối với Alinsky, bức thư tự nó đã trở thành vật quý giá, thánh thiêng: “Jacques thân mến. Tôi khóc vì lá thư của bạn. Nó đã được đặt trong một cặp giấy đặc biệt, nơi tôi luôn có thể nhìn vào nó. Tôi muốn các con tôi biết điều đó để những năm sau này chúng hiểu cha mẹ chúng đã

sống chết như thế nào” (27). Mặc dù Alinsky không bao giờ coi mình là người tôn giáo, nhưng tình bạn của Jacques đã khơi dậy những biến đổi nội tâm thuộc loại tâm linh. Alinsky đã viết một lời đề tặng Jacques trong một trong những cuốn sách của ông, “Gửi Jacques Maritain: một con người hiếm hoi không chỉ tuyên xưng Kitô giáo mà còn có trái tim tràn đầy nhiệt huyết và sống theo lối sống Kitô giáo... biết Jacques Maritain là biết sự phong phú và kinh nghiệm thiêng liêng vốn làm cho cuộc sống càng vinh quang hơn” (28). Bất kể là “tìm kiếm đức tin”, “biết một trải nghiệm tâm linh” hay dành cho cuộc sống một “sự giàu có” và “vinh quang” mới, những loại trải nghiệm này đều được thực hiện trong và nhờ các trao đổi gần gũi, có tính bản thân giữa những người đàn ông với nhau, giữa những người đàn bà với nhau, giữa những người đàn ông và những người đàn bà với nhau, giữa bạn bè với nhau, giữa cha mẹ đỡ đầu và con đỡ đầu.

Bối cảnh cho tình bạn trong phong trào Phục hưng Công Giáo Pháp đã thay đổi một chút trong Thế chiến thứ hai, khi nhiều tình bạn trong số này đã tan biến do chết chóc, lưu đày hoặc những trận chiến ý thức hệ diễn ra vào cuối thời kỳ chiến tranh giữa các nước. Jacques và Raïssa là những người lưu vong ở New York trong chiến tranh, và đối với một số người ở lại châu Âu trong giai đoạn 1940–44, chính những ký ức của họ về Jacques và Raïssa đã duy trì đức tin của họ. Nhà thần học và Hồng Y người Thụy Sĩ Charles Journet là một người bạn thân thiết của vợ chồng Maritain ở lại Thụy Sĩ trong thời kỳ chiến tranh và sau chiến tranh. Journet viết thư cho Maritains vào năm 1946, nhắc lại khoảng thời gian họ ở bên nhau trước chiến tranh: các thánh lễ dự chung ở Paris, Meudon và Versailles, “về các ký ức đó của chúng ta, chúng như những vì sao trong đêm tối. Tình yêu của các bạn luôn xem tôi như Thiên Chúa muốn tôi trở thành... Lòng tốt của các bạn là một hồng ân ngọt ngào từ thiên đàng và tôi muốn mỗi ngày trở nên bớt vô giá trị hơn” (29). Jacques tự hỏi làm sao ông và Raïssa có thể giải thích niềm vui mà họ nhận được từ những bức thư của Journet, những bức thư “đó là ân sủng từ Thiên Chúa, Thiên Chúa, Đấng đã ban cho chúng tôi tình bạn tuyệt vời của bạn” (30). Jacques đã tâm sự với ngài vài tháng trước đó, “Bạn là niềm an ủi của chúng tôi, bạn là chính Tình bạn, bạn là chính Tình yêu” (31). Những lý tưởng về tình yêu và tình bạn thường được viết hoa, nâng họ lên tầm cao của thánh thiêng. Ở đây người được yêu mến (Journet) là hiện thân của những lý tưởng có ý nghĩa tôn giáo này, và ngài cho phép Jacques, thông qua những ký ức được mô tả trong các bức thư, trải nghiệm những lý tưởng này trong hiện tại. Đối với Journet, cảm giác đó có tính hỗ tương: “Jacques, tôi cảm ơn bạn,” vì thông qua mối tương quan của họ, và thông qua mối tương quan chung của họ với các vị thánh, Journet cho rằng ngài đã học được cách “yêu Tình yêu” [aimer l'Amour], nói thêm, “Jacques... tôi ôm bạn trong Tình yêu này!” (32). Trong mạng lưới tình bạn tưởng nhớ này, tất nhiên cộng đồng bao gồm Jacques, Raïssa, và Journet, nhưng còn có Chúa Giêsu, Đức Mẹ Maria và các thánh. Journet, Jacques và Raïssa thường xuyên ký vào những lá thư của họ với nội dung “Tôi ôm bạn trong... Chúa Giêsu Kitô,” hay “tình bạn ngọt ngào trong Chúa Giêsu” (33). Cộng đồng này giữ trong nó những người đang sống và những người đã chết nhưng vẫn hiện hữu trên một mạng lưới linh hoạt về thời gian thông qua trí nhớ và lời cầu nguyện.



Trong những trường hợp khác, người yêu vắng mặt hiện diện rõ ràng đến mức không chỉ là

những ký ức và thư từ vốn tạo thành cảm giới tôn giáo, mà sự hiện diện thực sự của người yêu vắng mặt được cảm nhận là đang ngụ cư trong bản ngã, chỉ là sau khi đã qua đời. Chúng ta thấy điều này với Jacques sau khi Raïssa qua đời năm 1960, trong suốt mười ba năm ông sống như một người góa vợ. Sau khi nàng qua đời, Jacques thú nhận với Green rằng: “Tôi đã mất đi sự hiện diện thể xác của nàng, người mà tôi yêu quý hơn cả bản thân mình” (34). Jacques viết cho Journet bảy năm sau, “Tôi là một người đàn ông vỡ tan từng mảnh, hoàn toàn do bàn tay Raïssa gom lại. Tôi không còn kiểm soát được bất cứ điều gì, không còn lại gì của tôi trong hoạt động của tôi; Nếu còn lại bất cứ điều gì tốt đẹp trong công trình mà người ta muốn tôi sống sót để làm, thì điều đó luôn mắc nợ những gì tôi nhận được từ nàng, và nó đi qua tôi như nước qua sàng, tôi luôn trống rỗng” (35). Jacques không còn cảm thấy mình hiện diện với thế giới, và tự hiểu chỉ hành động bao lâu linh hồn của Raïssa đến với ông từ bên ngoài, thúc đẩy ông tiến về phía trước. Raïssa, người mà Jacques “yêu hơn cả bản thân mình”, “nâng ông lên” để “không điều gì của bản thân ông” còn lại. Trong suốt thời kỳ góa vợ này, Jacques đã trải qua một kiểu tái chiếm hữu đời sống nội tâm của chính mình nhờ người vợ quá cố yêu dấu của mình (36). Ông cho rằng mỗi trang trong cuốn sách cuối cùng của mình, *Peasant of the Garonne* (37) được chấp bút hoàn toàn bởi sự hiện diện thiêng liêng của Raïssa, hướng dẫn bàn tay ông.

Những trải nghiệm này không chính xác là lĩnh vực của trí nhớ hay thậm chí mộng tưởng hão huyền, mà là những trải nghiệm tôn giáo phi thường, “tách biệt” khỏi lĩnh vực thường ngày. Tuy nhiên, Jacques khó khăn lắm mới mô tả được tính thực chất (realness) của chúng. Jacques nói với Julien Green rằng “không có gì chắc chắn hơn sự thông đạt này giữa những người đã chết có cuộc sống vĩnh cửu và những người vẫn đang sống ở đây và bây giờ” (38). Ông nói thêm “Tôi sống với Raïssa (tôi không muốn nói trong suy nghĩ mà thôi nhưng trong thực tại của sự thông đạt lẫn nhau) nhiều hơn là với những người sống xung quanh tôi” (39). Jacques sau đó nói với Saul Alinsky, “Cuộc sống thực của tôi là với Raïssa: tất cả những loại công việc khác mà trước đây tôi vẫn làm đều trở thành bất khả đối với tôi” (40). Khi Raïssa “đi qua ông”, “không có gì chắc chắn hơn” trong cuộc đời ông ngoài sự hiện diện của nàng. Nàng “là thực chất”, “thực hơn” thực chất so với những điều khác trong đời sống ông; mối liên hệ của họ là thực tại. Trước khi chết, Raïssa cũng đã viết tương tự về trải nghiệm siêu nhiên của bà; bà cố gắng nói rõ tính thực chất của nó bất chấp tính khác (otherness) của nó trong tương quan với điều thông thường. Bà viết, điều đó là “một thế giới khác. Nó không hề là ẩn dụ, không cường điệu, mà là một thực tại” (41). Ở đây, người ta nhớ gợi ý của Robert Orsi rằng các học giả về tôn giáo cần phải thúc đẩy để có được một từ vựng lý thuyết dồi dào hơn để hiểu chính xác những loại trải nghiệm mà Jacques và Raïssa đã có — những trải nghiệm, theo lời Orsi, về “thánh thiện, thực chất một cách đích thực”, các trải nghiệm “làm đảo lộn các ranh giới” giữa “trí tưởng tượng và điều có thực chất” (42). Đối với mục đích của chúng ta ở đây, trọng điểm là loại mãnh cảm tôn giáo này được làm cho khả hữu sau sáu mươi năm rèn luyện về nghệ thuật liên hệ và đời sống tinh thần, bắt đầu từ lúc Bloy nhấn mạnh rằng bước đầu tiên để trở thành một Kitô hữu là tham gia vào một gia đình thiêng liêng.

Chắc chắn, những bài diễn văn khác lưu truyền trong bối cảnh cuộc đời của Jacques và Raïssa có đóng một vai trò nào đó: trong suốt nhiều thập niên hôn nhân của họ, Jacques đã rút tía sâu sắc từ các truyền thống thần học và chú giải Kitô giáo vốn coi phụ nữ, nhất là người bệnh, người yếu đuối, hay nói cách khác là phụ nữ “thấp kém”, như có năng khiếu tâm linh vượt trội hơn so với các đồng bạn nam của họ. Đối với Jacques, Raïssa luôn hiện thân một điều gì đó về sự hiện diện của siêu nhiên. Một vị Thiên Chúa chuyên chọn kẻ nhỏ nhất và thấp hèn nhất đã chọn Raïssa; các cuộc đấu tranh liên tục của bà với bệnh tật, sự cận kề với cái chết, sự dần thân không mệt mỏi của bà trong việc cầu nguyện và chiêm niệm luôn được Jacques coi như việc ban cho đường vào những vấn đề thuộc tinh thần mà ông vốn không thể

tiếp cận nếu không có bà. Không thể phủ nhận việc Jacques đắm chìm vào những diễn ngôn đã phát sinh trong lịch sử Kitô giáo là một phần của câu chuyện về sức mạnh mà sự hiện diện sau khi chết của Raïssa đã tác động lên đời sống tâm linh của chính ông. Nhưng khung cảnh xúc cảm, liên chủ thể có sức mạnh chuyên biệt của nó. Đời sống tinh thần của Jacques được hình thành, định hình và vun đắp chỉ trong và thông qua tình yêu của ông dành cho bà. Mặc dù không thể hiểu được điều đó nếu không có họ, nhưng điều đó không xảy ra nhờ các sức mạnh biện luận của lịch sử và xã hội Kitô giáo hoặc Pháp mà thôi.

Tóm lại, theo Brenna Moore, các học giả ngày nay phần lớn đồng ý rằng các mẫn cảm và kinh nghiệm tôn giáo mà Jacques mô tả ít có liên quan đến tính cao quý sáng ngời của con người trong đơn độc, của cuộc sống tâm trí / tinh thần mà thôi. Ông cho rằng chúng ta khó có thể thực sự hiểu được nguồn gốc hoặc nội dung của những mẫn cảm tôn giáo phong phú, chỉ với những công cụ của sức mạnh chủ thể hoá của diễn từ xã hội. Điển hình là các trải nghiệm giữa Jacques và Raïssa, Bernanos và Bloy, Bloy và Walcheren, Maritains và Journet, Jacques và Alinsky. Nếu không chú ý nhiều tới các mối liên hệ thân thiết, chúng ta sẽ thực sự không hiểu được đời sống nội tâm của họ, và chiều kích lớn lao của kinh nghiệm nhân bản.

Mặc dù các nhà phục hưng Công Giáo Pháp như vợ chồng Maritain và Bloy hiếm khi được đưa vào bảng phá hệ nghiên cứu tôn giáo, nhiều nhà tư tưởng trong bối cảnh này đã sát cánh (và đôi khi cộng tác chặt chẽ) với các bậc thầy cũ, quen thuộc như Rudolf Otto, Henri Bergson, Mircea Eliade và Louis Massignou. Bất chấp sự kiện nhiều nhà lý thuyết thời kỳ đầu này đang bị phỉ báng vì chủ nghĩa thần bí, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa phương Đông của họ, hoặc việc họ đề cao "tâm linh" trái ngược với "truyền thống", một cái nhìn kỹ hơn cho thấy nhiều người trong số họ, giống như những nhân vật chủ đạo trong Phong trào Phục hưng Công Giáo Pháp, đã công nhận sức mạnh của những người khác trong việc định hình cuộc sống nội tâm. Nhiều lý thuyết của họ không theo chủ nghĩa cá nhân như chúng ta giả định. Thí dụ, Louis Massignou (1883–1963), một bạn thân của vợ chồng Maritain, được nhiều người coi là người sáng lập ra các nghiên cứu Hồi giáo ở phương Tây nhưng đã bị chỉ trích chính đáng vì đã đề cao chủ nghĩa thần bí Hồi giáo hơn mọi thứ khác (43). Tuy nhiên, Massignou cũng có một lý thuyết đáng lưu ý về điều được ông gọi là "sức mạnh hộ mệnh" (apotropaion power) mà các vị thánh thiện thường thực hiện đối với linh cảm của người khác về điều thánh thiêng. "Apotropaion" có nghĩa là sức mạnh xua trừ ma quỷ, giống như một chiếc bùa hộ mệnh: "Người theo đạo Hindu gọi là *mahatma*, người Ả Rập gọi là *abdâl*, và Kitô hữu gọi là các thánh," Massignou viết như thế trong khi nhận xét về tính chất "nam châm" mà một số người thánh thiện có được, một sức mạnh có thể ảnh hưởng đến kinh nghiệm tôn giáo của những người xung quanh. Ông coi Mahatma Gandhi như một "apotropaion" vì "sự phản chiếu ngọn đuốc của ông đã thắp sáng những tâm hồn đồng tông khác... Tấm gương của người đàn ông cao niên đã gây đi bởi quá nhiều cuộc nhin ăn và hy sinh này, [được] đăng tải như một mục tiêu lấp lánh ở trung tâm một vòng tròn gồm những khuôn mặt đau khổ mà ngọn lửa của ông vẫn tiếp tục thắp sáng" (44). Sử dụng lý thuyết này, Brenna Moore cho rằng sức mạnh "hộ mệnh" của Jacques, Raïssa, và Bloy đã "thắp sáng những linh hồn khác" — tức các bè bạn của họ trong phong trào Phục hưng Công Giáo Pháp.



Tương tự, ngay cả Rudolf Otto cũng thừa nhận rằng con người không thể tự mình tạo ra cảm nhận “thánh thiêng” [numinous], như Robert Orsi đã lập luận gần đây. Trong cách đọc Otto của Orsi, cảm nhận thánh thiêng được “gây ra, kích động và khơi dậy” ở những người bình thường thông qua “tính công cụ của những bản chất thiên phú cao độ khác...” Theo Otto, đức tin, trong ý nghĩa sâu xa nhất của hạn từ này, chỉ có thể được ‘nhóm lên’” (45). Cũng trong chiều hướng này, Suzanne Smith đã viết một tiểu luận mạnh mẽ về vai trò của tình bạn và tình yêu trong lý thuyết tôn giáo của Wilfred Cantwell Smith (46). W. C. Smith nổi tiếng với một định nghĩa về tôn giáo, về việc nó cũng cá nhân chủ nghĩa triệt để. Ông thích “đức tin” hơn “tôn giáo” và định nghĩa đức tin là “một hành vi mà tôi tự làm, trần trụi trước mặt Thiên Chúa” (47). Tuy nhiên, theo Suzanne Smith, sau này trong sự nghiệp của mình, W. C. Smith đã cho rằng “đức tin không thể được biết đến một cách đầy đủ ngoại trừ trong bối cảnh của tình bạn, được hiểu như một phương thức của tình yêu” (48). Điều đáng lưu ý là, các lý thuyết của W. C. Smith về tầm quan trọng của tình bạn đối với việc hiểu những người khác có tôn giáo được tạo ra từ kinh nghiệm của chính ông với các tình bạn liên tôn khi ông làm việc ở nước ngoài. Những tình bạn như vậy, theo Suzanne Smith, “để lại cho ông một ý thức bản thân tức khắc về mức độ mà những người thuộc các tín ngưỡng khác hoàn toàn ‘tham dự vào ân sủng của Thiên Chúa và lòng đại lượng của Người.’ Trải nghiệm, thông qua tình bạn, của hiện tượng này đến trước; lý thuyết về trạng thái của nhận thức do tình bạn mang tới và mối liên hệ của nó với một nhận thức như vậy có thể được thu nhận thông qua nghiên cứu dữ liệu, sẽ đến sau”(48). Những nhấn mạnh tới tình bạn, tình yêu và sức mạnh của những người thánh thiện khác đi ngược lại rõ rệt với những giải thích phổ biến của những nhà lý thuyết ban đầu này coi họ theo cá nhân chủ nghĩa thái quá; giống như các đồng nghiệp của họ trong phong trào Phục hưng Công Giáo ở Pháp, Otto, Smith và Massignon đều nhìn thấy sức mạnh đào tạo của các mối liên hệ nhằm vun xới các mầm cảm tôn giáo.

Tuy nhiên, bất kể chúng ta nhìn nơi đâu — vợ chồng Maritain, Otto, Bloy, Smith, Massignon — không ai trong số những nhân vật này trong thư từ, nhật ký hoặc trong các bài viết đã xuất bản của họ ít nói tới nỗi đau của tình bạn, các sức mạnh đen tối mà các mối liên hệ có thể tác động lên đời sống nội tâm. Tất nhiên, những sợi dây gắn bó yêu thương cũng có thể căng ra và đứt gãy, trở thành nguồn gốc của phản bội và tổn thương. Constance Furey viết, “mối liên hệ xem ra chỉ như một hạn từ thân thiện bao lâu lỗ tai của học giả hướng đến các mối liên hệ thân thiện, tránh sự phân bổ không đồng đều các nguồn lực, các bất công, xung đột, thù địch, ác cảm và bác bỏ mà các mối liên hệ cũng hàm ngụ. Nghiên cứu các mối liên hệ, ngay cả những mối liên hệ thân mật, mãnh liệt và lâu dài, là nghiên cứu không những tình yêu mà còn cả sự căm ghét, không những sự trưởng thành mà còn cả sự mất mát, và không những sự nuôi dưỡng mà còn cả bạo lực nữa”(50). Điều này cũng ảnh hưởng đến sự mầm cảm tôn giáo.

Nhưng Brenna Moore, cũng như Dana Roberts, sử gia về Kitô giáo hoàn cầu, vẫn gọi tình bạn là “chìa khóa mở ra lịch sử của sứ bộ truyền giáo”. Nếu không có sự hiểu biết về tình bạn, thì “không thể hiểu được cách mà Kitô giáo lan rộng khắp các nền văn hóa trong thế kỷ XX”. Họ coi đó như “thực hành và đạo đức mạnh mẽ nhưng chưa được thừa nhận đầy đủ trong việc tạo ra Kitô giáo thế giới” (51).

Nếu chúng ta coi tình bạn một cách nghiêm túc như một phạm trù phân tích, thì nó phải được hiểu một cách rộng rãi và hàm lượng nhất có thể: nó phải bao gồm những điều như sự thân thiết tưởng tượng của Bernanos đối với Bloy, người đã chết từ lâu, những kỷ niệm về tình yêu vốn duy trì Journet, Jacques, và Raïssa trong thời chiến, sự hiện diện sau khi qua đời của Raïssa mà Jacques cảm thấy thực hơn bất cứ điều gì khác trong suốt thời kỳ góa vợ của mình.

Tất cả những điều này cho phép thuật ngữ tình bạn có tính đa diện và là một cách thiết yếu để hiểu đầy đủ sự đào tạo chủ thể tôn giáo.

Ghi chú

- (1) Pierre van der Meer Walcheren 1917, *Journal d'un converti*. Paris, France: Georges Cres & Cie.
- (2) *Ibid.* p. 22
- (3) Mougel René 1996, *Journet-Maritain Correspondence 1950–1957*. Fribourg: Suisse: Éditions Universitaires.922
- (4) Walcheren 1961: *Pierre van der Meer Walcheren 1961, Rencontres*. Paris, France: Desclée de Brouwer. 37
- (5) Pierre van der Meer Walcheren 1917, *Journal d'un converti*. Paris, France: Georges Cres & Cie. 37
- (6) *Ibid.* 38
- (7) Pierre van der Meer Walcheren 1961, *Rencontres*. Paris, France: Desclée de Brouwer. 41
- (8) *Ibid.* 14
- (9) Bloy Léon 1928, *Lettres à ses filleuls*. Paris, France: Stock.
- (10) *Ibid.* 139
- (11) *Ibid.*
- (12) Merton Thomas 1996 *Turning Toward the World: The Pivotal Years; The Journals of Thomas Merton*. San Francisco, CA: HarperCollins. 145
- (13) Bernanos Georges 1947 “Dans l'amitié de Léon Bloy,” *Appendix to Présence de Bernanos*. Paris, France: Plon.1232
- (14) *Ibid.* 1232
- (15) *Ibid.* 1231
- (16) *Ibid.* 850
- (17) Maritain Jacques Green Julien 1988 *The Story of Two Souls: The Correspondence of Jacques Maritain and Julien Green*. Bronx, NY: Fordham University Press. 12
- (18) Schloesser Stephen 2004 ““What of That Curious Craving?”: Catholicism, Conversion and Inversion au temps du Boeuf sur le Toit.” *Historical Reflections/Réflexions Historiques* 30/2: 221–253
- (19) Maritain Jacques Green Julien 1988 *The Story of Two Souls: The Correspondence of Jacques Maritain and Julien Green*. Bronx, NY: Fordham University Press.141
- (20) *Ibid.* 149
- (21) Scarry Elaine 1987 *The Body in Pain: The Making and Unmaking of the World*. Oxford, UK: Oxford University Press. 202
- (22) Sachs Maurice Maritain Jacques Maritain Raïssa 2003, *Maurice Sachs, Jacques et Raïssa Maritain Correspondance (1925–1939)*. Paris, France: Gallimard. 22
- (23) *Ibid.* 33, 111
- (24) Xem Ezra Elizabeth 2000 *The Colonial Unconscious: Race and Culture in Interwar France*, 10–33. Ithaca, NY: Cornell University Press.; Valman Nadia 2011 “Bad Jew/Good Jewess.” In *Philosemitism in History*, ed. Karp Jonathan, 149–169. Cambridge, UK: Cambridge University Press.
- (25) Sachs Maurice 1964 *Witches' Sabbath*, trans. Richard Howard. New York, NY: Stein and Day. 33
- (26) Maritain Jacques Alinsky Saul 1994 *Philosopher and the Provocateur: The Correspondence of Jacques Maritain and Saul Alinsky*, ed. Doering Bernard. South Bend, IN:

- University of Notre Dame Press. 109
- (27) *Ibid.* 110
- (28) *Ibid.* 17
- (29) Journet Charles Maritain Jacques 1998 *Journet–Maritain Correspondance* (1940–1949). Vol. III. Paris, France: Éditions Saint-Augustin. 386
- (30) *Ibid.* 303
- (31) *Ibid.* 152
- (32) *Ibid.* 386
- (33) *Ibid.* 466
- (34) Maritain Jacques Green Julien 1988 *The Story of Two Souls: The Correspondence of Jacques Maritain and Julien Green*. Bronx, NY: Fordham University Press. 199
- (35) Journet Charles Maritain Jacques 2008 *Journet–Maritain Correspondance* (1960–1973). Vol. VI. Paris, France: Éditions Saint-Augustin. 478
- (36) Moore Brenna 2012b *Sacred Dread: Raïssa Maritain, the Allure of Suffering, and the French Catholic Revival* (1900–1945). South Bend, IN: University of Notre Dame Press. 192–200
- (37) Maritain Jacques 1968 *The Peasant of the Garonne: An Old Layman Questions Himself about the Present Time*. New York, NY: Holt.
- (38) Maritain Jacques Green Julien 1988 *The Story of Two Souls: The Correspondence of Jacques Maritain and Julien Green*. Bronx, NY: Fordham University Press. 229
- (39) *Ibid.*
- (40) Maritain Jacques Alinsky Saul 1994 *Philosopher and the Provocateur: The Correspondence of Jacques Maritain and Saul Alinsky*, ed. Doering Bernard. South Bend, IN: University of Notre Dame Press. 43
- (41) Maritain Raïssa 1975 *Raïssa's Journal*. Albany, NY: Magi Books.326
- (42) Orsi Robert 2012 “The Problem of the Holy.” In *Cambridge Companion to Religious Studies*, ed. Orsi Robert, 84–106. Cambridge, UK: Cambridge University Press.104
- (43) Said Edward 1979 *Orientalism*. New York, NY: Vintage.268–270
- (44) Massignon Louis 1959 *The Notion of ‘Real Elite’ in Sociology and History. The History of Religions, Essays in Methodology*, ed. Mircea Eliade and Joseph Kitagawa. Chicago, IL: University of Chicago Press.114
- (45) Orsi Robert 2012 “The Problem of the Holy.” In *Cambridge Companion to Religious Studies*, ed. Orsi Robert, 84–106. Cambridge, UK: Cambridge University Press. 94
- (46) Smith Suzanne 2013 “Wilfred Cantwell Smith: Love, Science, and the Study of Religion.” *Journal of the American Academy of Religion* 81/3: 757–790.
- (47) Smith Suzanne 2013 “Wilfred Cantwell Smith: Love, Science, and the Study of Religion.” *Journal of the American Academy of Religion* 81/3: 757–790
- (48) Smith Suzanne 2013 “Wilfred Cantwell Smith: Love, Science, and the Study of Religion.” *Journal of the American Academy of Religion* 81/3;757
- (49) *Ibid.* 766
- (50) Furey Constance M. 2012 “Body, Society, and Subjectivity in Religious Studies.” *Journal of the American Academy of Religion* 8/1: 25
- (51) Roberts Dana 2011 “Cross-Cultural Friendship in the Creation of Twentieth-Century World Christianity.” *International Bulletin of Missionary Research* 35/2.101
- (a) Muốn biết tầm quan trọng của “các gia đình thiêng liêng” đối với các vụ trở lại đạo Công Giáo của các nhà trí thức đầu thế kỷ 20, xin xem Guegelot (2012).
- (b) Erasmo Leiva-Merikakis đã theo dõi ảnh hưởng tôn giáo mạnh mẽ của Léon Bloy trong việc đào tạo của Jacques Maritain trong cuốn “Léon Bloy and Jacques Maritain: Fratres in Eremo,” *Understanding Maritain: Philosopher and Friend* (1987) của ông.

- (c) Muốn có một phân tích tuyệt hảo vừa có tính phê phán vừa đầy thiện cảm, xin xem Steven Wasserstrom (1999).
- (d) Muốn có các điển hình về phương thức này, xin xem Alister et al. (2009).